

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

**GS.TS. VŨ VĂN HIỀN**

**(Chủ biên)**

MỘT SỐ

**LUẬN CỨ PHẢN BÁC**

**CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI,**

**THÙ ĐỊCH, CHỐNG PHÁ**

**ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

Tập 1



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**  
**PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN**

Chịu trách nhiệm nội dung  
**PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**  
**TS. ĐỖ QUANG DŨNG**

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. NGUYỄN MINH HUỆ TRẦN THỊ THANH PHIỆT ThS. NGUYỄN TRƯỜNG TAM
Trình bày bìa:	THS. ĐÀO DUY NGHĨA
Chế bản vi tính:	THS. HOÀNG NGỌC ĐIỆP
Đọc sách mẫu:	THS. TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ NGUYỄN THỊ KIM THOA
	ĐƯỜNG HỒNG MAI NGUYỄN THỊ HẰNG
	BAN SÁCH KINH TẾ BÍCH LIỄU

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1812-2021/CXBIPH/5-18/CTQG.  
Số quyết định xuất bản: 337-QĐ/NXBCTQG, ngày 25/5/2021.  
Nộp lưu chiểu: tháng 5 năm 2021.  
Mã ISBN: 978-604-57-6837-2.

MỘT SỐ  
**LUẬN CỨ PHẢN BÁC**  
**CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI,**  
**THÙ ĐỊCH, CHỐNG PHÁ**  
**ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

Tập 1



HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG  
**GS.TS. VŨ VĂN HIẾN**  
**(Chủ biên)**

MỘT SỐ  
**LUẬN CỨ PHẢN BÁC**  
**CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI,**  
**THÙ ĐỊCH, CHỐNG PHÁ**  
**ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

Tập 1



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020

## **BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

**GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ**

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương  
Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương

**GS.TS. VŨ VĂN HIỀN**

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

**PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG**

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

## **BAN BIÊN SOẠN**

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN	Trưởng ban
PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG	Phó Trưởng ban
PGS.TS. PHAN TRỌNG HÀO	Thư ký
GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ	Ủy viên
GS.TS. TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO	Ủy viên
PGS.TS. PHẠM VĂN LINH	Ủy viên
PGS.TS. TRẦN HẬU TÂN	Ủy viên
TS. NGUYỄN VĂN HÙNG	Ủy viên
TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG	Ủy viên
TS. CAO ĐỨC THÁI	Ủy viên
TS. HỒ ANH TUẤN	Ủy viên
ThS. TRẦN THỊ NGA	Ủy viên
ThS. LÊ ANH ĐỨC	Ủy viên
ThS. PHẠM THỊ HUYỀN	Ủy viên

## **LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nấm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tế đất nước đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Từ khi thành lập (03/02/1930) cho tới nay, cùng với việc xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối chính trị, Đảng ta luôn kiên quyết đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, coi đó là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của cách mạng nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch đã góp phần quan trọng nâng cao cảnh giác cách mạng, bồi dưỡng nhận thức đúng đắn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, khẳng định những nguyên tắc cơ bản của công cuộc đổi mới. Nhờ đó nền tảng tư tưởng của Đảng được giữ vững.

Thực tế cho thấy, trước những bước ngoặt hoặc những lúc khó khăn của đất nước hay ở thời điểm có những sự kiện quan trọng, các thế lực thù địch thường đẩy mạnh chống phá về tư tưởng, còn trong nội bộ có thể xuất hiện những quan điểm lệch lạc. Hiện nay, chúng ta đang tích cực chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ cùng với sự phát triển

bùng nổ của mạng Internet, các mạng xã hội toàn cầu, những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường, tác động tiêu cực của tình hình thế giới... Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch, phản động tăng cường những chiêu thức, thủ đoạn mới chống phá Đảng, Nhà nước ta. Đây cũng là thời điểm nảy sinh những nhận thức khác nhau, thậm chí sai trái. Vì thế, việc phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng và trực tiếp là Đại hội XIII của Đảng càng cần được chú trọng hơn.

Để cuộc đấu tranh tư tưởng trong thời điểm này đạt kết quả tốt hơn, cần nhận rõ một thực tế là, bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đó là: những biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của cuộc đấu tranh; việc giữ vững nguyên tắc trong đấu tranh; việc xác định đối tượng đấu tranh, phương châm chỉ đạo, định hướng nội dung, phương pháp/phương thức đấu tranh, tính kịp thời, tính thuyết phục còn hạn chế; tổ chức lực lượng, những điều kiện bảo đảm cho đấu tranh còn bất cập; chưa gắn liền cuộc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch với bảo vệ, phát triển lý luận Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng trong điều kiện mới, v.v.. Cuộc đấu tranh còn thiếu những luận cứ thuyết phục có tính chuyên môn cao, tính chuyên sâu và tính chuyên nghiệp của lực lượng nòng cốt, nhất là đấu tranh ở tâm quan điểm, lý luận, buộc đối phương phải “tâm phục, khẩu phục”. Nói cách khác, chúng ta quan tâm nhiều hơn đến đấu tranh trực tiếp, trực diện với từng hoặc các quan điểm sai trái, thù địch mà chưa quan tâm đúng mức đến trang bị phương pháp, cách thức đấu tranh, bằng cách trang bị các luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong thời gian trước và sau Đại hội XIII của Đảng, cần phải chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xác định

đúng mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi để tìm ra những luận cứ xác đáng phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng một cách hiệu quả, thiết thực. Xuất phát từ bối cảnh và yêu cầu mới đó, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương xuất bản cuốn sách *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng* (Tập 1). Cuốn sách bao gồm 16 bài viết, tập trung phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trước thềm Đại hội XIII của Đảng. Đây là một tài liệu rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn và có căn cứ lý luận, thực tiễn phản bác lại các âm mưu, thủ đoạn chống phá Đại hội XIII của Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2020  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



# **BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, CHỐNG PHÁ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

Trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, có hai vấn đề nổi bật cần được nhận rõ trước tiên. Đó là cần nhận rõ tình hình mới và cần nhận diện đúng các quan điểm sai trái, thù địch. Chỉ có nhận rõ tình hình mới trên phạm vi quốc tế và trong nước mới tìm được những nguyên nhân và nguyên cớ của những quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời phải nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch mới có thể đưa ra những đối sách thích hợp đối với từng đối tượng cụ thể.

## **1. Tình hình mới**

### **1.1. Tình hình thế giới**

Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đa cực hóa về trật tự chính trị, đa dạng hóa về phát triển văn hóa, tin học hóa trong đời sống xã hội, gia tăng hóa sự gắn kết, phụ thuộc vào nhau và chuyển hóa lẫn nhau. Bối cảnh đó ẩn chứa nhiều chuyển biến lớn lao, nhanh chóng, bất ổn, bất định, phức tạp khó lường, vừa mang đến cho con người những thời cơ, vận hội và tràn đầy

hy vọng, vừa đặt ra trước mắt nhiều nguy cơ, thách thức và những lo lắng bất an. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang phải đổi mới với sự chi phối, tác động của các nước lớn và chủ nghĩa dân tộc cực đoan vị kỷ. Luật pháp quốc tế và các cơ chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Tình hình mới trên thế giới có thể nhận rõ qua những chuyển biến nổi bật:

*Thứ nhất, sự chuyển dịch quyền lực theo hướng từ Tây sang Đông.* Thế giới đã chứng kiến ba cuộc chuyển giao quyền lực lớn làm thay đổi cơ bản đời sống quốc tế trên mọi mặt, từ chính trị, quân sự đến kinh tế - văn hóa. Cuộc chuyển giao quyền lực thứ nhất là sự trỗi dậy của châu Âu từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp, thương mại và đầu tư. Cuộc chuyển giao thứ hai là sự trỗi dậy của Mỹ bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, nhất là từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1945), Mỹ trở thành siêu cường chi phối trật tự quốc tế đến cuối thế kỷ XX. Bước vào thế kỷ XXI, do sự suy yếu tương đối của Mỹ và sự trỗi dậy mạnh mẽ của một số nước, nổi bật là Trung Quốc và Ấn Độ, dẫn tới cuộc chuyển dịch quyền lực thứ ba trên phạm vi toàn cầu. Đó là cuộc chuyển dịch trọng tâm quyền lực từ Tây sang Đông và dẫn tới sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự chuyển dịch lần thứ ba này

đã và đang tác động đến quan hệ quốc tế, tập hợp lực lượng giữa các nước không chỉ trong phạm vi các khu vực mà biến động sâu sắc tới toàn cầu. Sự chuyển dịch đó làm cho cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Trong bối cảnh như vậy, sự cọ xát và cạnh tranh chiến lược, điều chỉnh chiến lược, tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, quyết liệt, tác động sâu rộng đến an ninh, chính trị thế giới.

*Thứ hai*, kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng do phát triển theo chu kỳ và đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ tạo ra thời cơ mới và thách thức mới với tất cả các nước. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi mạnh mẽ đến các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường ngày càng quyết liệt, tác động đến đời sống kinh tế ở tất cả các nước. Trong khi đó, các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng. Ngày nay, tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của những vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, nghèo đói, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng. Trong những vấn đề gay cấn và là những thách thức to lớn đó, tình trạng biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của nhiều nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế,

đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn. Thế giới đang đối mặt với đại dịch Covid-19 với hơn 80 triệu ca nhiễm, hơn 1,7 triệu người tử vong, tác động đến hơn 210 quốc gia và vùng lãnh thổ, gây đảo lộn nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Cùng với những vấn đề đe dọa an ninh toàn cầu nêu trên, an ninh biển cũng đang nổi lên trong thời gian tới. An ninh biển không chỉ liên quan đến an toàn các tuyến đường hàng hải mà ngày càng mở rộng ra các khía cạnh khác như an ninh môi trường biển, các nguồn lợi hải sản. Do tác động của việc gia tăng các tranh chấp biển, đảo và các chuyển biến của an ninh phi truyền thống khác, an ninh biển sẽ trở thành một trong những vấn đề nóng bỏng trong việc tranh giành lợi ích và chi phối quan hệ giữa các nước.

*Thứ ba, trào lưu dân túy, xu hướng bảo hộ có chiều hướng gia tăng.*

#### *Về trào lưu dân túy*

Trào lưu dân túy trong thời gian gần đây đang ngày càng gia tăng, nổi lên mạnh mẽ ở các nước phát triển. Ở châu Âu, lần đầu tiên các đảng dân túy có mặt tại hầu hết các quốc hội, chiếm ít nhất 10% số phiếu ủng hộ tại 16 nghị viện châu Âu, là lực lượng lớn nhất trong quốc hội sáu nước (Hy Lạp, Hunggari, Italia, Ba Lan, Slovakia và Thụy Sĩ). Trào lưu dân túy ở châu Âu có đặc điểm là phản đối xu hướng liên kết hội nhập, phê phán các chính sách ủng hộ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, chống nhập cư, phản đối việc đặt lợi ích của EU lên trên chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Ở Mỹ, trào lưu dân túy cánh hữu nổi lên lôi kéo sự tham gia của nhiều thành viên Đảng Cộng hòa và đỉnh điểm là thắng lợi trong bầu cử Tổng thống của D. Trump, đánh dấu việc lần đầu tiên một ứng cử viên theo đường lối dân túy nắm quyền lãnh đạo nước Mỹ với khẩu hiệu “Nước Mỹ trên hết”. Trào lưu dân túy hiện đang gây ra một số tác động khá tiêu cực. Trong nội bộ nước Mỹ, các trào lưu dân túy cổ vũ cho việc xây dựng một nhà nước mạnh và chuyên chế. Kết quả lại làm tăng thêm các mâu thuẫn nội bộ, đẩy tình trạng bất ổn lên cao, làm cho chính sách đối nội và đối ngoại bất định. Đối với bên ngoài, trào lưu này chống liên kết, hội nhập quốc tế và khu vực, gắn ưu tiên thậm chí ly khai khỏi các cơ chế đa phương như trường hợp Anh rút khỏi EU, Mỹ rút khỏi TPP và rút khỏi Hiệp định Paris về chống biến đổi khí hậu. Điều đó làm giảm hợp tác, tăng cạnh tranh, xung đột và do đó đưa đến những căng thẳng mới trong quan hệ quốc tế.

### *Về xu hướng bảo hộ*

Gần đây xu hướng bảo hộ, còn gọi là chủ nghĩa bảo hộ, phát triển mạnh tại Mỹ và một số nước Tây Âu. Tại các nước này, những lực lượng ủng hộ tự do hóa kinh tế đang suy yếu và co lại, trong khi trào lưu phản kháng tự do hóa, phản kháng toàn cầu hóa lại trỗi dậy, nhất là sau sự kiện Brexit và bầu cử Tổng thống Mỹ. Thực hiện theo xu hướng đó, số lượng biện pháp bảo hộ tăng mạnh, lĩnh vực bảo hộ mở rộng với nhiều biện pháp phức tạp, tinh vi hơn. Bảo hộ không còn chỉ giới hạn trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa, dịch vụ, mà còn bao gồm cả tài chính, đầu tư, sở hữu trí tuệ, dịch vụ tự do lao động.

Việc quay trở lại chủ nghĩa bảo hộ, đóng cửa thị trường, hạn chế liên kết kinh tế, giảm sự ủng hộ đối với tự do thương mại đa phương, cản trở thương mại và đầu tư quốc tế đã và đang tạo ra hệ lụy tiêu cực đến tiến trình tăng trưởng kinh tế thế giới và làm chậm lại quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng trên thế giới. Xu hướng bảo hộ ở một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ sẽ làm tăng mâu thuẫn, bất đồng vốn có về một số vấn đề kinh tế, thương mại, do đó làm gia tăng va chạm lợi ích, không loại trừ có những hành động “trả đũa” dẫn tới chiến tranh thương mại, tỷ giá. Tình hình đó làm cho liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu đứng trước nhiều khó khăn, toàn cầu hóa có xu hướng bị chậm lại.

## **1.2. Tình hình trong nước**

Chưa bao giờ tầm vóc và sức mạnh của dân tộc, của đất nước lại rạng rõ và mạnh mẽ như hôm nay. Điều đó làm cho công tác lý luận nói chung và cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch nói riêng có một “cốt vật chất” vững chắc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Nhưng mặt khác, những thách thức đối với cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch cũng không hề nhỏ mà lý do chính là những tồn tại, khiếm khuyết trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm qua, kinh tế vĩ mô của nước ta cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc, nợ công tăng nhanh, nợ xấu giảm dần nhưng vẫn ở mức cao, sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. “Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc

nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới... Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt dien biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng Internet để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút”<sup>1</sup>.

Trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, chúng ta gặp không ít khó khăn, trong đó có những khó khăn do chính bản thân chúng ta không lường hết, khó khăn nội tại do chủ quan duy ý chí hoặc do bảo thủ trì trệ, từ đó dẫn tới sự lúng túng và thiếu lý lẽ, thậm chí bế tắc trong lập luận. Sự kiện ở Liên Xô trước đây và Đông Âu - những nơi mà chủ nghĩa xã hội hiện thực tưởng như rất vững chắc, nhưng đã bị tan rã một cách nhanh chóng, đã cho ta bài học sâu sắc cả về tính phức tạp của thế giới đương đại và những trắc trở, khó khăn của con đường đi tới tương lai của loài người. Vấn đề đặt ra là vận mệnh của chủ nghĩa xã hội sẽ phụ thuộc vào chính việc nhìn nhận rõ và khắc phục

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.67-68.

tốt những vướng mắc bên trong của xã hội xã hội chủ nghĩa, nhất là khi chủ nghĩa xã hội chưa được xây dựng một cách hoàn hảo. Đó là những vấn đề nảy sinh từ tính phức tạp của thực tiễn mà ta chưa lường hết và có trường hợp từ sai lầm về nhận thức dẫn tới sai lầm về hành động; từ sự thiếu hiểu biết mà làm sai, làm ẩu; sự thiếu nhạy cảm nên chậm chạp để mất thời cơ; sự vi phạm nguyên tắc dẫn tới sự chêch hướng.

Thực tiễn quá trình cách mạng của chúng ta hiện nay cũng chưa đựng những vấn đề không đơn giản. Phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hóa, mở cửa hội nhập quốc tế là những nhiệm vụ tất yếu mà chúng ta đang tiến hành. Nhưng ai cũng biết, mặc dù chúng ta luôn giữ định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng phát triển kinh tế thị trường càng mạnh thì tính tự phát của khuynh hướng tư bản chủ nghĩa cũng sẽ tăng lên. Chúng ta lại đang ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó nền kinh tế và cả xã hội cũng có những vấn đề quá độ đan xen nhau rất khó rạch rời. Quá trình mở cửa hội nhập, chủ động làm ăn với các nước tư bản chủ nghĩa lại sử dụng những giải pháp và cách thức phát triển của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra nhiều thách thức đối với công tác lý luận và có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.

Có một vấn đề rất đáng quan tâm nữa là tình hình thế giới và trong nước, cả mặt thuận và mặt trái đều có thể hấp thụ được hằng ngày, hằng giờ, hằng phút qua nhiều cách, nhiều chiêu trên nhiều phương diện, nhất là trong điều kiện bùng nổ thông tin và Internet toàn cầu. Điều đó làm cho việc

nghe, nhìn, cũng như suy nghĩ của mỗi người hôm nay đã khác hôm qua trong điều kiện “thế giới phẳng” bị nhiễu loạn thông tin, lại thông thoáng bên trong, mở cửa, hội nhập với bên ngoài. Điều đó có tác động lớn đến tâm trạng xã hội và là thách thức mới đối với công tác đấu tranh tư tưởng.

Thực tế cho thấy, trước những bước ngoặt của sự nghiệp cách mạng, những khó khăn của đất nước hoặc ở thời điểm quan trọng, nhạy cảm, các thế lực thù địch thường đầy mạnh chống phá về tư tưởng, còn trong nội bộ có thể xuất hiện những quan điểm lệch lạc. Hiện nay, chúng ta đang tích cực chuẩn bị cho Đại hội XIII của Đảng. Đây chính là thời điểm các thế lực thù địch, phản động tăng cường những chiêu thức, thủ đoạn để chống phá Đại hội, chống phá Đảng, Nhà nước ta. Vì thế, việc nghiên cứu xác định rõ những luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng càng cần được chú trọng hơn; chống cả những quan điểm thù địch diễn ra thường xuyên và nhất là trong thời điểm trước và sau Đại hội XIII của Đảng.

## **2. Các dạng quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đại hội XIII của Đảng**

Sau nhiều thập kỷ thực hiện chính sách thù địch, chống phá không đạt hiệu quả, các thế lực thù địch đang thay đổi phương thức hoạt động. Mục tiêu nhất quán không thay đổi của chúng là chống phá tận gốc về tư tưởng chính trị, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong thời điểm trước và sau Đại hội XIII của Đảng, sự chống phá càng quyết liệt hơn. Những luận điệu

chống phá của các thế lực thù địch tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

*Thứ nhất*, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng. Tập trung vào việc phê phán, đả kích tới tấp vào chủ nghĩa Mác - Lenin hòng làm lung lay nền tảng tư tưởng của chúng ta. Chúng cho rằng “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” chỉ là ý tưởng hão huyền, ngông cuồng và cho đến nay càng thấy lạc lõng vì chủ nghĩa tư bản không chỉ tồn tại mà còn bền vững hơn; rằng giai cấp công nhân và những ông chủ tư sản hiện nay đã hòa hợp, trở thành tiền đề cho nhau cùng phát triển; rằng Cách mạng Tháng Mười là đích dắc của lịch sử, là cuộc bạo động phản dân chủ, đã hết tác dụng. Vậy nên nói thời đại ngày nay là thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự ảo tưởng (!). Các thế lực thù địch tung ra đủ thứ lý luận nhằm bác bỏ chủ nghĩa cộng sản như: du nhập chủ nghĩa Mác - Lenin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử, chỉ đưa đến tai họa vì chủ nghĩa Mác - Lenin là tư tưởng ngoại lai, xa lạ với truyền thống dân tộc. Chúng còn cho rằng lý luận Mác - Lenin chỉ giải quyết vấn đề đấu tranh giai cấp, không thể áp đặt mẫu học thuyết Mác - Lenin vào Việt Nam, nhất là trong hoàn cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Từ Đại hội XIII trở đi cần xóa bỏ, không đi theo chủ nghĩa Mác - Lenin, cứ lý thuyết nào đúng thì theo; không nói đến chủ nghĩa xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa nữa mà theo trào lưu chung của thế giới là nước đang phát triển và phát triển (!).

Chúng phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Mác - Lenin với học thuyết đấu tranh giai cấp gây ra cảnh “nồi da nấu thịt” suốt mấy chục năm;

cho rằng Hồ Chí Minh chỉ là người dân tộc chủ nghĩa, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử (!)... Chúng xuyên tạc, phủ định các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng hình thái kinh tế - xã hội chỉ là một lý thuyết về chủ nghĩa xã hội không tưởng, không bao giờ thực hiện được, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô là một tất yếu đã được dự báo trước. Chúng cho rằng chủ nghĩa xã hội đặt xã hội lên trên cá nhân chỉ là đề cao một số người đang nắm quyền trong xã hội đó (!).

*Thứ hai, chống phá Đảng và đường lối, chủ trương của Đảng.* Tấn công vào đường lối của Đảng, các thế lực thù địch cho rằng không thể làm trái quy luật bỏ qua chế độ tư bản được, mà là “phát triển chủ nghĩa tư bản dưới sự lãnh đạo của Đảng” (!); muốn giải quyết các vấn đề xã hội phải làm theo chủ nghĩa xã hội dân chủ (!). Chúng rêu rao rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn con đường sai, không thể có chủ nghĩa xã hội. Không ít kẻ đã lớn tiếng rằng chủ nghĩa xã hội chính là bước quá độ từ nghèo nàn, lạc hậu tiến tới chủ nghĩa tư bản, những ước mơ của chủ nghĩa xã hội thì chính chủ nghĩa tư bản đã thực hiện rồi, rằng người ta có thể dễ dàng tìm thấy ở chủ nghĩa tư bản những lời giải đáp đầy đủ cho mọi vấn đề được đặt ra trong đời sống loài người (!).

Các thế lực chống Cộng tập trung đánh vào các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, đặc biệt là vào nguyên tắc tập trung dân chủ. Bằng việc vu cáo Đảng Cộng sản chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền, “độc đoán, đảng trị”, thực hiện sự chuyên chính của một đảng, sự thống trị quan liêu của “giới thượng lưu”, chúng đối lập Đảng với Nhà nước,

đối lập Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Dựa vào một số “cải cách” ở các nước tư bản và nhất là dựa vào các mô hình xã hội - dân chủ Thụy Điển, Phần Lan, chúng cho rằng từ chủ nghĩa tư bản tiến sang chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải thông qua cách mạng xã hội mà cứ để cho nó phát triển tự nhiên, thông qua việc mở rộng dân chủ, đấu tranh nghị trường để nhân dân tự lựa chọn chế độ chính trị mới.

Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: chúng cho rằng, giai cấp công nhân chỉ là những người có học vấn thấp, những lãnh tụ của giai cấp công nhân cũng thường có trình độ văn hóa không cao, “lại được đào luyện trong một lôgic chuyên chế bạo ngược”, cho nên giỏi lắm cũng chỉ có thể lật đổ chế độ cũ, chứ không thể lãnh đạo toàn dân xây dựng được một xã hội mới tốt đẹp, nhất là trong thời đại khoa học phát triển. Chúng lập luận: “...nếu như giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là “người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản” xây dựng một xã hội mới thì tại sao ở những nước tư bản phát triển có lực lượng công nhân rất đông, chất lượng cao lại không thực hiện vai trò lịch sử của mình? Đảng Cộng sản Việt Nam không thể gọi là Đảng của giai cấp công nhân được, vì nó có rất ít tính công nhân mà mang đậm tính nông dân, chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa phong kiến. Với những điều kiện như trên, giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam không thể lãnh đạo, xây dựng được chủ nghĩa xã hội đích thực ở Việt Nam” (!), v.v. và v.v..

Chúng cho rằng toàn bộ nội dung dự thảo các văn kiện của Đại hội XIII chỉ là sự sao chép những điều cũ rích, không có gì mới, vẫn là sự bảo thủ, trì trệ với những quan điểm đã lỗi thời. Chúng phủ nhận mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên

chủ nghĩa xã hội ở nước ta, phê phán triệt để, bôi đen chủ nghĩa xã hội hiện thực, công khai ca ngợi con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng cho rằng “đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là chấp vá, không tưởng. Việt Nam hiện nay đang đứng ở ngã ba đường, không biết đi theo con đường nào. Nếu không hòa nhập vào thời đại, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa thì sẽ bị trả giá, tự giác thì đến đích nhanh hơn, không tự giác thì tất yếu cũng phải đi theo con đường đó, nhưng đến đích đau đớn hơn, chậm chạp hơn”. Gần đây có luận điệu xảo quyệt, thâm độc hơn như “con đường mà Việt Nam muốn đi là thứ tư bản chủ nghĩa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng con đường này không thể thành công vì không thể nào giải quyết thỏa hiệp giữa hai chủ nghĩa đối lập với nhau”. Chúng đả kích những quan điểm, chủ trương của Đại hội XIII về phát triển kinh tế, xã hội, về văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, coi đó là những chính sách thiếu thực tế, không khả thi. Chúng tiếp tục đưa ra những luận điệu như “kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội không thể hòa nhập được”; “Kinh tế thị trường là kinh tế tư bản chủ nghĩa, do thời cuộc và do cuộc sống bắt buộc, chính quyền Việt Nam phải chọn sống chung với con hổ yêu tinh hiện đại này, thế nào sớm hay muộn cũng bị nó ăn thịt”; thực hiện đường lối mở cửa, phát triển kinh tế thị trường là chế độ cộng sản Việt Nam đã uống liều thuốc đắng; kinh tế nhà nước là ung nhọt, là sân sau của những “nhóm lợi ích” cấp cao, là những tổ mối đục khoét của cải đất nước (!).

Nhằm phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và bôi nhọ lãnh đạo, chúng cho rằng “Đảng đã hoàn

thành nhiệm vụ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và hiện nay phải để lực lượng khác lãnh đạo đất nước thì đất nước mới phát triển được, cứ để Đảng lãnh đạo thì đất nước còn lạc hậu”.

Thứ ba, mục tiêu của các thế lực thù địch là tập trung hướng vào nội bộ ta, tìm mọi hình thức, tinh vi hoặc trắng trợn, công khai hoặc bí mật, ráo riết làm cho nội bộ không ổn định, luôn luôn gieo rắc ngờ vực, nghi kỵ, giảm sút lòng tin hòng gây chia rẽ, lục đục nội bộ. Chiến dịch tung tin lần này tập trung vào công tác nhân sự của Đảng cả thời gian trước và sau Đại hội XIII và kỳ bầu cử Quốc hội nhằm mục đích kích động, chia rẽ nội bộ. Chúng cho rằng các nhân sự cấp cao của Đảng toàn do một nhóm người quyết định, không đại diện cho lợi ích của nhân dân nên không được nhân dân thừa nhận. Xuất hiện nhiều luận điệu hết sức thâm độc, nguy hiểm như “Phe thân Mỹ sẽ thắng và phe thân Trung Quốc sẽ thua”. Hiện nay, công tác chống tham nhũng đang được Đảng và Nhà nước ta thực hiện một cách kiên quyết, công khai, minh bạch, được nhân dân hết sức đồng tình và tin tưởng, nhưng các thế lực thù địch lại xuyên tạc, bóp méo, cho đó là cuộc đấu tranh thanh trù nội bộ giữa các phe phái và các nhóm lợi ích.

Chúng tung ra luận điệu, trong Đảng có phe cải cách và phe bảo thủ, có “nhóm lợi ích” từ lãnh đạo cấp cao và nhóm này chi phối toàn bộ các “nhóm lợi ích” ở cấp dưới. Chúng cũng bịa đặt rằng “điều này cho thấy phe bảo thủ đã thành công trong việc đặt nặng sự ổn định chính trị trong nước trước cải cách. Thành phần thủ cựu trong Đảng Cộng sản lo ngại họ sẽ mất đặc quyền đặc lợi”. Chúng tìm mọi cách bịa đặt,

nói xấu cán bộ Đảng và Nhà nước, xuất hiện nhiều cuốn nhật ký, hồi ký, tài liệu tung ra những chuyện giật gân trong sinh hoạt của các nhà lãnh đạo, đề cao người này, hạ thấp người kia, kích động, chia rẽ lãnh đạo cao cấp của Đảng, gây nghi ngờ hòng mong chia rẽ nhân dân với Đảng.

Bôi nhọ lịch sử cũng là một thủ đoạn mới của các đối tượng phản động nhằm phá hoại về tư tưởng, làm mất lòng tin của nhân dân với Đảng, với chế độ. Tất cả các mũi tấn công trên đều nhằm vào phát triển mầm mống các nhân tố chống chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sự hình thành xã hội dân sự dưới tác động của hàng hóa, nguồn vốn phương Tây, hình thành tâm lý sùng bái đồng đôla Mỹ, lôi kéo thêm lực lượng cán bộ, đảng viên có quan điểm sai trái, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân để lấn át kinh tế nhà nước.

Chúng còn nói chế độ một đảng là không dân chủ, đòi Đảng Cộng sản đang cầm quyền phải từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình. Một số phần tử cho rằng thích ứng với nền kinh tế đa sở hữu thì nền chính trị không thể nhất nguyên được, không thể duy trì sự lãnh đạo của một đảng duy nhất. Do vậy theo chúng, dân chủ phải đi liền với đa nguyên về chính trị. Không ít những lời gièm pha, chỉ trích rằng dân chủ của ta là nửa vời, chưa mở ra đã khép lại... Có người nói cách làm của chúng ta là non gan, yếu bóng vía, không dám mở bung dân chủ hết cỡ, không dám thực hiện dân chủ công khai, không giới hạn.

“Cây muốn lặng, gió chẳng đừng”, Đảng ta, Nhân dân ta luôn mong muốn một không khí hòa bình để xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, nhưng các thế lực thù địch không để chúng ta yên. Chúng thường xuyên chống phá

chúng ta bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và xảo quyết. Vì vậy, đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ tất yếu chúng ta phải làm. Để làm thật tốt mọi nhiệm vụ trước và sau Đại hội XIII của Đảng, một trong những công việc quan trọng là nghiên cứu đưa ra các luận cứ xác đáng để vạch trần những quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Cùng với việc tăng cường tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chúng ta cần chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội; sớm phát hiện và xử lý kịp thời những vụ việc phức tạp, nổi cộm mới phát sinh, những vấn đề bức xúc trong xã hội, không để các thế lực thù địch lợi dụng. Chủ động theo dõi và nắm bắt kịp thời các dạng quan điểm sai trái và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, từ đó xác định những giải pháp đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM PHỦ NHẬN THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG CỦA NƯỚC TA TRONG HƠN 90 NĂM QUA**

Phủ nhận những thành quả cách mạng là một thủ đoạn thường thấy của các thế lực thù địch của Đảng Cộng sản và của dân tộc Việt Nam. Hiện nay, trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, để hạ thấp, phủ nhận thành quả cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, các thế lực thù địch đã cố tình đổi trắng thay đen, phủ nhận thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xuyên tạc bản chất, tính chất chính nghĩa của các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của nhân dân ta, phủ nhận thành tựu to lớn của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, nhất là những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Do vậy, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch đó là hết sức cần thiết và cấp bách, nếu không sẽ ảnh hưởng tới uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng.

## **1. Âm mưu của các thế lực thù địch**

### **1.1. Phủ nhận thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945**

Chúng cho rằng “Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là sai lầm lịch sử”, “không có gì thay đổi chế độ xã hội ở Việt Nam,

chẳng qua chỉ là thay từ chế độ “vua trị” sang chế độ “đảng trị”. Chúng còn cho rằng, những thắng lợi mà Việt Nam giành được “đó là sự ăn may, vì Nhật thua trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chứ Đảng Cộng sản Việt Nam chẳng có tài cán gì”; rằng “do khoảng trống quyền lực, nên Việt Nam dễ giành được kết quả nhanh chóng”. Một số lại cho rằng, Cách mạng Tháng Tám “là nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh đẫm máu ở Việt Nam”; “nếu không có Cách mạng Tháng Tám, nước ta đã giàu mạnh từ lâu và không mất dân chủ như bây giờ” (!), v.v..

### **1.2. Phủ nhận thành tựu của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta**

Cuộc chiến tranh Việt Nam (cách gọi của chúng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta) là “cuộc chiến in đậm dấu ấn dân tộc”, “cuộc nội chiến giữa một bên là chính quyền Sài Gòn, được Mỹ và một số nước phương Tây hậu thuẫn và một bên là chính quyền Hà Nội, được Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ”, v.v.. Chúng cho rằng: “Trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam, người Mỹ không hề muốn cai trị người Việt Nam, người Mỹ can thiệp vào Việt Nam là để giải phóng chứ không phải để cai trị; hay chiến tranh Việt Nam là cuộc nội chiến tương tàn giữa hai miền Nam - Bắc do sự khác biệt về lý tưởng cộng sản và không cộng sản”. Từ đó, chúng đi đến kết luận rằng: “Cuộc chiến tranh Việt Nam thực chất là không cần thiết và hoàn toàn có thể tránh khỏi”.

Chúng còn cho rằng: “Cuộc chiến tranh (Việt Nam) mang tính chất ủy nhiệm, cuộc chiến tranh mang tính ý thức hệ”; “Có nhất thiết phải qua chiến tranh mới giành được độc lập không? Giá chúng ta tìm một con đường khác ít xương máu hơn cho nền độc lập của nước nhà thì quý biết nhường nào?”; v.v..

### **1.3. Phủ nhận thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới**

Các thế lực thù địch luôn có âm mưu, thủ đoạn phủ nhận những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới. Chúng tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc, trái với quan điểm, nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. Chúng kết hợp chống phá đường lối chính trị với chống phá trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Các thế lực thù địch tập trung công kích, xuyên tạc thành tựu của đổi mới là do Đảng, Nhà nước Việt Nam “tự vẽ lên”, “tự mình khen mình”, chứ thực chất, theo chúng, là “không có thật”. Chúng còn nói xằng rằng, những thành tựu đổi mới nếu có chỉ là “chui vào túi của bọn độc tài”, bọn tham nhũng, tham quan; còn đất nước vẫn trong cảnh nghèo nàn, tụt hậu, đời sống của nhân dân còn rất khó khăn, người dân nghèo thì không được thụ hưởng. Sau 45 năm thống nhất đất nước, 35 năm đổi mới, Việt Nam vẫn là “nước tụt hậu, nhân dân còn đói nghèo, tham nhũng tràn lan, đạo đức suy đồi, xã hội vô kỷ cương...” (!).

Các thế lực thù địch cho rằng, Việt Nam chỉ đổi mới kinh tế mà không hề đổi mới chính trị, vẫn giữ nguyên bộ

máy lãnh đạo chuyên quyền của Đảng Cộng sản. Thực chất là chúng phủ nhận và đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các thế lực thù địch cho rằng, ở Việt Nam không có dân chủ, quyền con người bị vi phạm. Chúng luôn lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” để đả kích sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Sự thật là, khi xây dựng Nhà nước pháp quyền trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, cần phải nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền và quyền làm chủ của nhân dân, tức là quan hệ: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đây là vấn đề lớn về lý luận, về thực tiễn trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị trong xã hội văn minh, hiện đại mà con người và nhân dân là trung tâm.

## 2. Luận cứ phê phán

### ***2.1. Luận cứ không thể phủ nhận thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945***

Một là, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không phải là sai lầm lịch sử, nó nổ ra và giành thắng lợi do Đảng Cộng sản Việt Nam mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lựa chọn con đường giải phóng dân tộc một cách đúng đắn.

Ngay từ những năm còn bôn ba tìm đường cứu nước, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Các cao trào cách mạng 1930-1931,

1936-1939, 1939-1945 thực sự là những “cuộc tổng diễn tập”, là tiền đề cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Khi tình thế và thời cơ cách mạng chín muồi, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đúng thời cơ, vào thời điểm thuận lợi nhất nên đã giành thắng lợi.

*Hai là*, nếu không có Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước ta không thể có cơ đồ, vị thế, uy tín và tiềm lực như hiện nay; nhân dân ta không có được địa vị người làm chủ như bây giờ.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, nghèo nàn và lạc hậu, không có tên trên bản đồ thế giới; trình độ dân trí thấp, với 95% dân số không biết viết, không biết đọc. Nạn đói năm 1945 do phát xít Nhật gây ra đã cướp đi sinh mạng của hơn hai triệu người, bằng khoảng 10% dân số của cả nước vào thời điểm ấy.

Ngay sau khi tuyên bố độc lập, ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó cứu đói là nhiệm vụ hàng đầu và phong trào “diệt giặc đói” được triển khai ngay. Biện pháp cơ bản để giải quyết tận gốc nạn đói là tăng gia sản xuất. Khẩu hiệu “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”, “Không để một tấc đất bỏ hoang”, “Tấc đất tấc vàng”... trở thành hành động thực tế của toàn Đảng, toàn dân. Kết quả là, đến đầu năm 1946, sản lượng hoa màu tăng gấp bốn lần so với thời kỳ Pháp thuộc. Giặc đói đã được đẩy lùi, tài chính bước đầu được gầy dựng lại. Chiến thắng giặc đói là

một trong những thành tựu lớn đầu tiên của Nhà nước cách mạng. Nó thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, của chính quyền nhân dân, góp phần củng cố khối liên minh công nông. Uy tín của Đảng và Chính phủ ngày càng được nâng cao trong quần chúng. Nhân dân càng thêm tin tưởng, gắn bó và quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Đồng thời, Nhà nước còn vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới, nếp sống mới, xóa bỏ văn hóa nô dịch của chế độ thực dân, phong kiến; phát triển phong trào bình dân học vụ, chỉ trong vòng một năm, từ ngày 08/9/1945 đến ngày 08/9/1946, trên toàn quốc đã tổ chức được 75.805 lớp học với hơn 97.664 giáo viên và đã xoá mù chữ cho 2.520.673 người. Tiếng Việt được chính thức dùng trong hệ thống trường học. Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh cũng được quan tâm, v.v..

Rõ ràng, nếu không có Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà đúng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh thì “giặc đói”, “giặc dốt” không thể bị đẩy lùi chỉ trong thời gian rất ngắn như vậy.

Ngày nay, nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.* Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng,

là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Những thành tựu trên đã bác bỏ sự vu cáo, bịa đặt hòng chia rẽ khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, cố tình phủ nhận những thành quả cách mạng mà chúng ta đã đạt được.

Ba là, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xóa bỏ sự thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến, xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

Mục tiêu của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là đánh đổ đế quốc Pháp, phát xít Nhật và bọn phong kiến, tay sai, giành độc lập dân tộc hoàn toàn, độc lập dân tộc thực sự để đi đến xây dựng một xã hội hoàn toàn ấm no, tự do, hạnh phúc. Đó không phải là sự chuyển giao từ chế độ “vua trị” sang “đảng trị” mà là sự thay đổi về bản chất, từ chế độ “quân chủ phong kiến” sang chế độ “dân chủ cộng hòa”, từ chế độ cai trị tàn bạo của thực dân, phong kiến sang chế độ nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước dân chủ nhân dân. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Cách mạng Tháng Tám* đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế

và xiềng xích thực dân”<sup>1</sup>. Đồng thời, đối với công cuộc xây dựng một chế độ xã hội mới, khác hẳn về chất so với chế độ cũ (phong kiến, thực dân và đế quốc): “*Cách mạng Tháng Tám* đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hòa và thống nhất độc lập”<sup>2</sup>.

Bốn là, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không phải là nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh đẫm máu ở Việt Nam.

Bởi lẽ, sau khi nhân dân ta giành được chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa được bao lâu, thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp quay trở lại cướp nước ta một lần nữa. Trước tình thế đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện nhiều chính sách để gìn giữ hòa bình, tránh “cuộc chiến tranh đổ máu vô nghĩa”. Tuy “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!”<sup>3</sup>. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>4</sup>, quân và dân ta đã trường kỳ kháng chiến và giành thắng lợi, làm nên mốc son Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và các nước trên bán đảo Đông Dương. Song, với bản chất hiếu chiến, phản động, thực dân Pháp đã

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.218.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

cấu kết và “bật đèn xanh” cho đế quốc Mỹ nhảy vào xâm lược Việt Nam và Đông Dương, buộc nhân dân ta phải tiếp tục bước vào cuộc trường chinh chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm sau đó. Bằng đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường, bất khuất, bất chấp mọi gian khổ, hy sinh của nhân dân ta, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai, giành nhiều thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Như vậy, nguyên nhân vừa sâu xa, vừa trực tiếp dẫn đến hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta, chính là bản chất hiếu chiến xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai chứ không phải một lý do nào khác, càng không phải do Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

## **2.2. Luận cứ không thể phủ nhận bản chất, tính chính nghĩa và thành quả của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ**

Một là, khẳng định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là chiến tranh chống xâm lược, giành độc lập và thống nhất đất nước, không phải là chiến tranh “ý thức hệ” hay “nội chiến”.

Từ năm 1858, khi thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên xâm lược Việt Nam, cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp đã tiến hành chiến tranh xâm lược, thôn tính và đô hộ nước ta 87 năm. Ngày 2/9/1945, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập* trên quảng trường

Ba Đinh lịch sử, trình trọng tuyên bố với thế giới khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì cũng là lúc thực dân Pháp lăm le xâm lược nước ta một lần nữa. Chúng phát động các cuộc tấn công quân ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội... Tướng Pháp Mooclie đã ra tối hậu thư, yêu cầu Việt Nam phải “giải giáp lực lượng tự vệ và trao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng trước sáng ngày 20/12/1946”. Đó thực chất là một lời tuyên chiến của thực dân Pháp không chỉ với chính quyền cách mạng non trẻ mà còn với toàn bộ dân tộc và nhân dân Việt Nam. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Đó là lời hịch non sông đáp lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, và như thế, hiển nhiên đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa của toàn thể dân tộc và nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chống xâm lược, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Cuộc chiến tranh can thiệp của Mỹ, thực chất là sự tiếp nối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, do Mỹ và ngụy quyền thực hiện, hoàn toàn không phải là “nội chiến” hay chiến tranh “ý thức hệ”. Cho nên bản chất và tính chất của cuộc chiến tranh này vẫn là chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh giải phóng, chống xâm lược của dân tộc Việt Nam với mục đích giành độc lập và thống nhất đất nước. Và kết quả như chúng ta đã thấy, khi cuộc chiến kết thúc, Việt Nam đã là một nước độc lập và thống nhất. Cái gọi là chiến tranh “ý thức hệ” chỉ có thể xuất phát từ phía Mỹ khi họ thấy phải ngăn chặn “làn sóng đỏ” ở khu vực Đông Nam Á.

Chiến tranh Việt Nam không phải là một cuộc “nội chiến”, tức là cuộc chiến giữa hai phe trong một quốc gia mà

không có sự can thiệp hay hiện diện của nước ngoài. Vì thực tế, đây là cuộc kháng chiến của dân tộc và nhân dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai. Mặc dù Mỹ muốn “nội chiến hóa” cuộc chiến này bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, thực chất là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”, nhưng bất thành. Cuộc chiến tranh Việt Nam cũng hoàn toàn không phải là “chiến tranh ủy nhiệm”, vì nó chỉ đúng có một phía: đế quốc Mỹ ủy nhiệm cho ngụy quyền tay sai làm “tiền đồn chống Cộng” cho Mỹ ở Đông Nam Á. Còn dân tộc Việt Nam kháng chiến chống đế quốc Mỹ là để giành độc lập và thống nhất đất nước trên tinh thần tự lực cánh sinh là chính, có tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, chứ hoàn toàn không có sự “ủy thác nhiệm vụ” từ bên ngoài, không thực hiện bất cứ một nhiệm vụ “đính kèm” nào ở đây.

Luận điệu cho rằng, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là cuộc “nội chiến, nồi da nấu thịt”, là cuộc chiến tranh “ý thức hệ” hay “chiến tranh ủy nhiệm” là xuyên tạc mục đích, làm sai lệch hoàn toàn bản chất và tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh chống xâm lược; là xúc phạm danh dự của dân tộc, lương tri của thời đại và bào chữa tội ác cho đế quốc xâm lược.

*Hai là*, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kế tục thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phát huy thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là trận đánh quyết định nhất của cuộc chiến đấu 30 năm (1945-1975) gian khổ, ác liệt, giành lại và giữ vững nền độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Từ đây, cả dân tộc ta

tiến vào kỷ nguyên mới: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng, dân chủ, văn minh.

### ***2.3. Luận cứ không thể phủ nhận thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới***

Một là, khẳng định tính tất yếu khách quan của đổi mới và không thể phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc đổi mới.

Đổi mới ở Việt Nam do Đảng khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Đó là sự lựa chọn tất yếu nhằm đưa Việt Nam thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước.

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới; văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên, trở thành điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được đặc biệt quan tâm, tạo nhiều chuyển biến tích cực; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả nổi bật, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn bó chặt chẽ giữa “xây” và “chống”; sự thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường;

chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả; thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín của đất nước được nâng cao. Và gần đây nhất, công tác chỉ đạo và các biện pháp phòng, chống đại dịch Covid-19 của Việt Nam thời gian vừa qua được nhân dân tin tưởng, ủng hộ, cũng như được cộng đồng quốc tế, Tổ chức Y tế thế giới và các tổ chức quốc tế ghi nhận, đánh giá cao; lan tỏa hình ảnh đất nước Việt Nam nhân văn, bản lĩnh, khẳng định tính trách nhiệm của Việt Nam với nhân dân và cộng đồng quốc tế. Tất cả những điều đó cho thấy, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Điều này không phải chỉ có người trong cuộc nói ra mà đã được thế giới thừa nhận, đánh giá cao.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

*Hai là, đổi mới ở Việt Nam là toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc, có lộ trình và bước đi thích hợp.*

Đổi mới ở Việt Nam là toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại... Đại hội VI của Đảng xác định phải đổi mới từ kinh tế đến chính trị và các lĩnh vực khác. Về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đã chỉ rõ: "... chúng

ta tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới”<sup>1</sup>. Hội nghị đưa ra 6 nguyên tắc của đổi mới là:

- Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản, làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.49, tr.745.

- Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời lắng nghe, tiếp nhận những ý kiến trung thực, phê bình những khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. Dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng; mặt khác phải lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ trên cơ sở phát huy dân chủ. Dân chủ với nhân dân nhưng phải nghiêm trị những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Đại hội VII tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Chủ trương này tiếp tục được các Đại hội Đảng thực hiện. Từ Đại hội VIII, Đảng ta chủ trương: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”<sup>1</sup>, với tinh thần phải “đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 14.

*làm phù hợp.* Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đổi ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị”<sup>1</sup>. Đại hội XI nhấn mạnh: “Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương”<sup>2</sup>.

Tổng kết 30 năm đổi mới, nhất là tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được **những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử**<sup>3</sup>, trong đó có thành tựu về giải quyết quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Tuy nhiên, Đại hội XII cũng thẳng thắn chỉ ra hạn chế: “Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ”<sup>4</sup>. Trên tinh thần đó, Đại hội XII đề ra mục tiêu chung: “đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị”<sup>5</sup>. Đại hội XII xác định trong điều kiện hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.99-100.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.65, 68, 75.

nay cần tập trung đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị.

Ba là, nước ta là nước dân chủ, tự do - dân chủ - nhân quyền của nhân dân luôn được tôn trọng và phát huy.

Trên thế giới hiện có ba chế độ dân chủ: dân chủ tư sản, dân chủ nhân dân và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mỗi chế độ dân chủ nói trên đều có những thiết chế khác nhau, nhưng đều có những yếu tố chung: (1) Sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân (bao gồm tất cả các thành viên xã hội); (2) Bầu cử tự do và theo nhiệm kỳ bầu ra các cơ quan, người lãnh đạo nhà nước; (3) Quyền lực của nhà nước được chia ra làm ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mỗi cơ quan trên có một chức năng riêng; (4) Hiến pháp và pháp luật được xem là tối thượng; (5) Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân được tôn trọng và bảo đảm.

Chế độ dân chủ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là chế độ dân chủ nhân dân hướng theo con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Một trong những đặc trưng của chế độ dân chủ ở Việt Nam là do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và cầm quyền. Tuy nhiên, vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam phải tuân thủ nguyên tắc hiến định: “1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu

trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. 3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”<sup>1</sup>.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng hoàn thiện các quan điểm về dân chủ, nhân quyền, coi nỗ lực thể chế hóa, luật hóa quan điểm dân chủ, nhân quyền là yêu cầu bức thiết của phát triển. Năm 1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, khẳng định: “phải phát huy quyền làm chủ của dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng”; sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP (đến năm 2003 thay thế bằng Nghị định số 79/2003/NĐ-CP) về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã quy định về nội dung, phương thức, trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc thực hiện quyền dân chủ của nhân dân; năm 2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn... Đây là các bước đi thống nhất, đồng bộ về chủ trương kết hợp hành động cụ thể tạo điều kiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Về nhân quyền, Chỉ thị số 12-CT/TW của Ban Bí thư ngày 12/7/1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta khẳng định: Quyền con người là giá trị chung của nhân loại. Đó là thành quả đấu tranh lâu dài của

---

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.9-10.

nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới chống lại mọi áp bức, bóc lột và giải phóng con người (trong đó có việc bảo đảm các quyền con người) gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội; chỉ có dưới tiền đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì quyền con người mới có điều kiện được bảo đảm rộng rãi, đầy đủ, trọn vẹn nhất. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và các văn kiện Đại hội XI, Đại hội XII của Đảng luôn nhấn mạnh phải quan tâm hơn nữa đến việc chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết.

Hiến pháp năm 2013 đã dành Chương II “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” với 36 điều hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trong đó, khoản 1, Điều 14 khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Đó là cơ sở để đất nước đạt được các thành tựu cụ thể về dân chủ, nhân quyền mà dư luận thế giới đã ca ngợi và ghi nhận.

Liên hợp quốc đã xác nhận: Việt Nam đứng thứ hai trong khối châu Á - Thái Bình Dương và thứ chín trên 135 nước về tỷ lệ phụ nữ làm việc trong Chính phủ. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em. Đến nay, Việt Nam đã ký kết, gia nhập hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người.

Mới đây, Việt Nam đã bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia theo Cơ chế Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ III của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc ngày 04/7/2019 tại Geneva (Thụy Sĩ) đã khẳng định nỗ lực và thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những thành tựu của Việt Nam trong bảo đảm quyền con người là những minh chứng sinh động để bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam.

Không phủ nhận rằng trong quá trình quản lý xã hội, Việt Nam còn có những khiếm khuyết, trong đó có việc bảo đảm quyền dân chủ của người dân. Ở địa phương này, địa phương khác vẫn còn có hiện tượng lợi ích của người dân chưa được tôn trọng, bảo đảm, nhất là trong vấn đề đất đai. Đây là vấn đề lớn mà các cấp ủy và chính quyền cần đặc biệt quan tâm.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 90 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu đó là kết tinh trí tuệ, sức lực và bản lĩnh Việt Nam. Phủ nhận thành quả cách mạng Việt Nam đồng nghĩa

với phủ nhận một trong những trang sử hào hùng nhất của dân tộc; phủ nhận công lao, sự hy sinh xương máu của bao thế hệ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta; phủ nhận vai trò lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo đất nước của Đảng ta. Đó là một việc làm hoàn toàn trái với sự thật, với công lý và lẽ phải, là quan điểm hư vô lịch sử, xúc phạm quá khứ thiêng liêng của dân tộc, cần phải vạch trần, đấu tranh phê phán và bác bỏ.

## **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐÃ LỖI THỜI**

Trước thềm Đại hội XIII của Đảng, một số người, trong số đó có cả một bộ phận cán bộ, đảng viên cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lenin là tư tưởng ngoại lai, đã lỗi thời, không còn phù hợp với điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, vậy nên Đại hội XIII cần xác định chỉ lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Chúng tôi xin được trao đổi để làm rõ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở để khẳng định rằng, chủ nghĩa Mác - Lenin không thể lỗi thời, và việc Đảng ta xác định lấy chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng là hoàn toàn đúng đắn.

### **1. Chủ nghĩa Mác - Lenin là học thuyết, một hệ thống lý luận khoa học mở, được phát triển không ngừng và do đó nó không bị hạn định bởi biên giới quốc gia, dân tộc, không thể bị lỗi thời**

Chủ nghĩa Mác - Lenin ra đời từ giữa thế kỷ XIX ở trong lòng châu Âu, nơi mà chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh nhất, bộc lộ rõ bản chất giai cấp và những mâu thuẫn gay gắt trong lòng của nó, đồng thời cũng kéo theo tình trạng bóc lột người lao động làm thuê, đẩy họ vào tình cảnh khốn cùng.

Trong hoàn cảnh ấy, sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin không ngoài ảnh hưởng của một mục tiêu nhân văn cao cả là lý giải nguyên nhân dẫn đến tình trạng người bóc lột người để tìm ra con đường, giải pháp nhằm giải phóng con người mà trước hết là giải phóng những người vô sản làm thuê ra khỏi cuộc sống khốn khổ và thân phận thấp hèn trong xã hội đương thời. Cái mục tiêu nhân văn ấy là một mơ ước từ ngàn đời của nhân loại về giải phóng con người ra khỏi mọi áp bức, bất công, mang lại cuộc sống tự do, công bằng, ấm no, hạnh phúc cho mỗi người và mọi người. Cũng cần phải nói rằng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xây dựng học thuyết của mình trên cơ sở kế thừa những thành tựu nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, tiếp thu có phê phán toàn bộ những giá trị tinh hoa của quá trình phát triển tư tưởng của nhân loại, đặc biệt là kinh tế chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Những học thuyết về giá trị lao động của Adam Xmít, Davít Ricácdô, phương pháp biện chứng của G.Ph. Hêghen, chủ nghĩa duy vật nhân bản của L. Phoiobắc, những tư tưởng về chủ nghĩa xã hội không tưởng của H  ngrid   C  l  d   Xanh Xim  ng, R  be Ôoen, Etienne Cabet, S  cl   Phuri   đã đóng góp những cơ sở nhận thức quan trọng giúp cho C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng học thuyết khoa học của mình. Và như vậy, sự ra đời của chủ nghĩa Mác là một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, với thành tựu vĩ đại là lần đầu tiên phát hiện tính quy luật trong sự phát triển của lịch sử loài người, là cột mốc đánh dấu bước ngoặt căn bản từ tự phát sang tự giác của phong trào công nhân quốc tế. Nó trang bị nhận thức lý luận cho giai cấp vô sản về vai trò và sứ mệnh lịch sử toàn thế giới

của mình; làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học; trang bị cho giai cấp công nhân cương lĩnh chính trị cho cuộc đấu tranh lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin là người tiếp tục phát triển những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen. Ông có nhiều đóng góp vào việc phát triển các tư tưởng triết học, kinh tế chính trị của C. Mác và Ph. Ăngghen, phát triển tư tưởng về khả năng cách mạng vô sản thắng lợi ở một nước tư bản có trình độ phát triển chưa cao. Đặc biệt, V.I. Lênin đã phát triển tư tưởng và trực tiếp bắt tay vào xây dựng một chính đảng mácxít kiểu mới; tổ chức cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở nước Nga và vận dụng một cách sáng tạo học thuyết của C. Mác, Ph. Ăngghen để phân tích, đánh giá tình hình, đề ra các chính sách giải quyết hàng loạt vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga và Liên bang Xôviết. Sau V.I. Lênin còn có nhiều nhà cách mạng, học giả tiếp tục phát triển học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, vận dụng sáng tạo học thuyết đó vào điều kiện lịch sử cụ thể để lãnh đạo cách mạng, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà một đại biểu tiêu biểu trong số đó là Hồ Chí Minh.

Nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin là nói đến sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành nên tòa kiến trúc vĩ đại của học thuyết khoa học do C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin xây dựng và phát triển. Đó là triết học duy vật biện chứng và

duy vật lịch sử, kinh tế chính trị mácxít và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Với tính chất là một học thuyết, một hệ thống lý luận khoa học, những người khai sinh ra chủ nghĩa Mác - Lê nin chưa bao giờ muốn và chưa có bất cứ một mệnh đề phán đoán nào để quy các luận điểm trong học thuyết của mình về cách mạng xã hội hay về xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai thành những tín điều siêu hình, cứng nhắc. Trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, Ph. Ăngghen đã trả lời hàng loạt vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến chủ nghĩa xã hội khoa học như: thế nào là giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản; quan hệ giữa giai cấp công nhân với Đảng Cộng sản; hiểu thế nào là xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; mối quan hệ ra sao giữa giai cấp công nhân, dân tộc và quốc tế; các giải pháp cần thiết để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa,... Chính Ph. Ăngghen là người rất khách quan, khoa học khi luận giải rất tường minh chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học, đồng thời yêu cầu những người cộng sản rằng, "... chủ nghĩa xã hội đã trở thành một khoa học mà ngày nay, vấn đề trước hết là phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi mối liên hệ của nó".

Trong rất nhiều tác phẩm, C. Mác và Ph. Ăngghen đều nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức, đánh giá, tổng kết thực tiễn để thường xuyên bổ sung, phát triển lý luận, nhất là lý luận về con đường hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trong Lời đề tựa cho lần xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết rằng: "Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ

rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II<sup>1</sup>. Quan điểm lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển cũng luôn luôn được V.I. Lênin quán triệt vận dụng trong nhận thức thực tiễn, giải quyết mỗi quan hệ gắn bó giữa lý luận với thực tiễn. *Chính sách Kinh tế mới* chính là một dẫn chứng thực tế sáng rõ về quan điểm đó. Chính V.I. Lênin đã có một định nghĩa đầy tính thực tiễn về chủ nghĩa xã hội mà lâu nay đôi khi những người hậu thế đã bỏ quên hoặc bảo thủ với những định kiến mà không nhìn nhận một cách đúng đắn và nghiêm túc. Người nói: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rốt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ =  $\Sigma$  = chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Nhận định của V.I. Lênin từ gần 100 năm trước vẫn còn nguyên giá trị phương pháp luận đối với chúng ta hiện nay, mà hơn thế nữa, là dự báo cho tính chất khoa học và bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin ngay cả trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

## **2. Chủ nghĩa Mác - Lênin không thể lỗi thời bởi những giá trị bền vững không thể phủ nhận của nó**

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời từ giữa thế kỷ XIX và được tiếp tục phát triển, trở thành một học thuyết có ảnh hưởng

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.128.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.36, tr.684.

lớn nhất trong toàn bộ lịch sử khoa học của nhân loại. Sau gần 180 năm phát triển, đãn dắt cả một hệ thống các quốc gia, dân tộc với hàng tỷ người dân hiện thực hóa mô hình xã hội mới, mang lại những thành tựu vĩ đại, đánh dấu một thời đại cách mạng chưa từng có trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định những giá trị bền vững không thể phủ nhận. Đó là:

(1) *Phương pháp biện chứng duy vật*: Phương pháp biện chứng duy vật Mác - Lênin là sự kết tinh toàn bộ những thành tựu tinh hoa của lịch sử phát triển tư tưởng duy vật của nhân loại. Nó cũng được bổ sung, làm phong phú thêm và minh chứng bởi những thành tựu khoa học lớn của thời đại C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin sống, cũng như nhiều thành tựu khoa học của thời đại ngày nay. Phương pháp biện chứng Mác - Lênin xuất phát từ những nguyên lý, quy luật và những mối quan hệ cơ bản của tự nhiên và xã hội. Vì thế, một khi những quy luật đó còn phản ánh đúng bản chất của tự nhiên, xã hội và tư duy của con người thì phương pháp biện chứng duy vật còn có giá trị, còn là công cụ nhận thức của con người và không thể lỗi thời. Ví dụ, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến cho rằng, toàn bộ thế giới thống nhất trong tính vật chất và cho dù các sự vật, hiện tượng có đa dạng, phong phú, phức tạp đến đâu thì chúng cũng chỉ là những dạng, bộ phận của thế giới vật chất duy nhất, có những mối liên hệ chặt chẽ lẫn nhau. Từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, người ta rút ra *quan điểm toàn diện, lịch sử, cụ thể* trong nhận thức hay trong hoạt động thực tiễn. V.I. Lênin đã phát triển lý luận nhận thức và chỉ ra rằng: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng

*đến thực tiễn* - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức *chân lý*, của sự nhận thức thực tại khách quan". Đây chính là quy luật về tư duy của con người trong quá trình nhận thức thế giới. Nó chỉ ra rằng, chính thực tiễn là động lực thúc đẩy quá trình nhận thức của con người về thế giới xung quanh mình. Đến lượt nó, cũng chính thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, tiêu chuẩn đánh giá kết quả nhận thức. Cũng như phép hùng biện ra đời từ thời Hy Lạp cổ đại, thuyết tiến hóa của Sáclø Đácuyn từ giữa thế kỷ XIX, v.v. đến nay vẫn có giá trị, vẫn không lỗi thời, phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn có giá trị như những bậc đá không thể thay thế, giúp con người không phân biệt hệ tư tưởng, bước lên con đường đúng đắn trong nhận thức, mở mang hiểu biết và trong hoạt động thực tiễn hằng ngày.

(2) *Quan niệm duy vật về lịch sử*: Lần đầu tiên trong lịch sử triết học của nhân loại, C. Mác đã phát hiện ra tính quy luật của sự phát triển xã hội loài người, điều mà V.I. Lênin đã nhận xét rằng, là "thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học". Quan niệm duy vật về lịch sử cho thấy lịch sử xã hội loài người vận động trên cơ sở những động cơ vật chất, nhất là động cơ lợi ích kinh tế. Quan niệm duy vật về lịch sử cũng xuất phát từ trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất xã hội để lý giải về đời sống tinh thần, những tư tưởng, văn hóa, điều kiện xã hội của quần chúng nhân dân và vai trò của họ trong lịch sử. Hơn thế nữa, quan niệm duy vật về lịch sử xem xét xã hội một cách toàn diện, chỉnh thể, trên nền của sự phát sinh, phát triển và suy tàn của các hình thái kinh tế - xã hội. Trong khi khẳng định vai trò quyết định của đời sống vật chất đối với đời sống tinh thần, quan niệm duy

vật về lịch sử cũng nhấn mạnh vai trò tích cực, sự tác động trở lại của đời sống tinh thần đối với đời sống vật chất, của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội. Mặc dù con người không thể tùy tiện thay đổi hay xóa bỏ các quy luật của xã hội, nhưng thông qua hoạt động thực tiễn của mình, con người có thể tác động để các quy luật xã hội diễn ra nhanh hơn hay chậm đi. Nói chung, quan niệm duy vật về lịch sử là cơ sở phương pháp luận giúp con người nhận thức xã hội, thực tiễn một cách đúng đắn và còn nguyên giá trị, không thể lỗi thời cho dù trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra.

(3) *Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội*: Trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết toàn bộ lịch sử phát triển của xã hội loài người, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, sự phát triển của xã hội loài người rất phong phú, đa dạng, nhưng đó là sự phát triển có quy luật. Những yếu tố cốt lõi quy định tiến trình phát triển của xã hội chính là mối quan hệ biện chứng giữa *lực lượng sản xuất*, *quan hệ sản xuất* và *kiến trúc thương tầng* - những yếu tố căn bản tạo nên và quy định tính chất, trình độ của mỗi *hình thái kinh tế - xã hội*. Toàn bộ dòng chảy lịch sử của nhân loại là quá trình lịch sử - tự nhiên với sự thay thế, tiếp nối các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp lên cao (công sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản). Nguyên nhân khách quan, nội tại dẫn tới sự thay thế, tiếp nối các hình thái kinh tế - xã hội là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương tầng. Cho dù sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc trên thế giới đều rất phong phú với những biểu

hiện sinh động về đời sống vật chất, tinh thần, tuy nhiên tất cả vẫn phải trải qua những nấc thang, những giai đoạn tương đồng nhất định của hình thái kinh tế - xã hội. Đó có thể là sự tương đồng về tuần tự từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội. Cũng có thể là sự tương đồng về việc bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nào đó nếu điều kiện cho phép. Chính điều này đã dẫn tới tình trạng phát triển không đồng đều của các dân tộc, quốc gia trên thế giới. Sự phát triển không đồng đều thể hiện ở chỗ, trong cùng một thời đại, các quốc gia, dân tộc không ở cùng một hình thái kinh tế - xã hội như nhau, hoặc cùng một hình thái kinh tế - xã hội như nhau nhưng ở mỗi quốc gia, dân tộc lại có những biểu hiện, đặc điểm khác nhau. Mặt khác, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ ra rằng, con người không thể chủ quan, tùy tiện xóa bỏ quy luật khách quan của lịch sử, nhưng con người thông qua động cơ lợi ích, ước muốn, có thể tác động, thúc đẩy quy luật đó diễn ra nhanh hay chậm. Cùng với quan niệm duy vật về lịch sử, lý luận về hình thái kinh tế - xã hội tạo thành cơ sở cho phương pháp luận khoa học trong nhận thức thực tiễn xã hội, giúp cho con người, các lực lượng chính trị - xã hội tiến bộ có thái độ, hành vi hợp lý trong việc thúc đẩy sự phát triển tích cực của xã hội.

(4) *Lý luận về giá trị thặng dư*: Nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác đã phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư, trên cơ sở đó, ông đã vén lên bức màn bí mật của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nguyên nhân và cơ chế vận hành của sự bóc lột đối với công nhân, người làm thuê. Cho đến nay, chưa có học giả nào có thể đưa ra một lý luận khả dĩ có thể bác bỏ được lý luận về giá trị

thặng dư của C. Mác. Cùng với lý luận về giá trị thặng dư, lý luận về sở hữu, về khả năng xóa bỏ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, lý luận về sự ra đời tất yếu của sở hữu xã hội là những giá trị bền vững của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Ngày nay, chính sự phát triển vũ bão của khoa học - công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã không làm cho lý luận về giá trị thặng dư, về mối quan hệ sở hữu trở nên lỗi thời, mà ngược lại, đã và đang minh chứng cho tính đúng đắn của những lý luận đó.

(5) *Lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học*: Khi C. Mác và Ph. Ăngghen nói về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thì đó mới chỉ là dự báo trên những đường nét cơ bản, đặc trưng nhất. Theo các ông, chủ nghĩa xã hội tất yếu sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản dựa trên tính quy luật của sự phát triển thay thế các hình thái kinh tế - xã hội, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội và sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản là do tất yếu kinh tế quy định và đều tất yếu như nhau. Về sau, V.I. Lênin là người trực tiếp vận dụng học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen để tiến hành cách mạng đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga và Liên Xô.

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin là những thiên tài, nhưng họ cũng bị quy định bởi thời gian, không thể suy nghĩ và giải đáp mọi vấn đề đặt ra trong tương lai. Nói như cách hiểu của Ph. Ăngghen, việc dự báo càng sâu, càng chi tiết về tương lai cũng chính là càng rơi vào chủ nghĩa duy tâm. Bởi thế, rất có thể một số nhận định, dự báo của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin bị vượt qua hoặc không còn

phù hợp nữa sau hàng trăm năm vận động, phát triển của loài người, tuy nhiên trong sự vận động tổng thể theo quy luật của xã hội loài người, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn chưa thể bị thời gian vượt qua.

Nói tóm lại, dù được hiểu theo nghĩa nào, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là học thuyết về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; quy luật về sự phát triển của sản xuất xã hội, về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động chống lại áp bức, bóc lột, mưu cầu tự do, hạnh phúc; quy luật về cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng, phát triển để đi tới chủ nghĩa cộng sản. Với tính chất là một học thuyết khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ khẳng định những giá trị bền vững hiển nhiên, không thể phủ nhận, mà còn tiếp tục là cơ sở phương pháp luận cho nhận thức tự nhiên, xã hội và tư duy của con người; cơ sở lý luận cho cuộc đấu tranh của con người để ngày càng thích ứng hài hòa với môi trường tự nhiên, cho cuộc đấu tranh để giải phóng con người khỏi áp bức, bất công, vì sự tiến bộ và hạnh phúc.

### **3. Chủ nghĩa xã hội không chỉ là sự vận động tất yếu theo quy luật, mà còn là mơ ước ngàn đời của nhân dân các dân tộc trên toàn thế giới về một xã hội phồn vinh, hạnh phúc, vì thế nó không bao giờ lỗi thời**

Dựa trên quy luật về lịch sử vận động, phát triển của xã hội loài người, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra và khẳng định tất yếu loài người sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội - giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, qua một thời kỳ quá độ. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xã hội của chủ nghĩa

Mác - Lênin. Và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội cũng có nghĩa là sự kết thúc của chủ nghĩa tư bản. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến việc các học giả tư sản và các thế lực chính trị của chủ nghĩa tư bản căm thù và điên cuồng chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, xuyên tạc, phê phán học thuyết về chủ nghĩa xã hội, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới. Mục tiêu của sự chống phá, phê phán đó rất rõ ràng, đó là bảo vệ sự tồn tại của chế độ tư bản chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Tiếc thay, một số ít người trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản hoặc sinh sống ở những nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng hùa theo những luận điệu, tiếp tay cho những âm mưu đó, xuyên tạc, phủ nhận giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận và phê phán đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vậy đâu là cơ sở để khẳng định rằng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu đúng đắn, tốt đẹp và không thể lối thời?

*Trước hết*, chủ nghĩa xã hội là tất yếu lịch sử, nghĩa là đó là con đường tất yếu theo quy luật mà con người sẽ đi tới. C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát triển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học khi nhìn nhận nó từ quy luật vận động của lịch sử, như sự vận động tất yếu từ những cơ sở xã hội, những yếu tố kinh tế, vật chất vốn đã được hình thành ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản. Căn nguyên kinh tế - xã hội của sự vận động, phát triển tất yếu từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chính là sự phát triển và quá trình xã hội hóa lực lượng sản xuất dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, làm thay đổi tình trạng của cơ sở hạ tầng xã hội tư bản chủ nghĩa. Sự thay đổi tình trạng của cơ sở hạ tầng xã hội tư bản chủ nghĩa đến mức độ cao tất yếu dẫn đến sự thay

đổi kiến trúc thượng tầng của xã hội tư bản chủ nghĩa, tức là thay đổi chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong sự thay đổi ấy, nhà nước với tính chất là công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị sẽ bị diệt vong, thay vào đó là nhà nước quản trị, đại diện cho các công dân bình đẳng để quản trị, duy trì trật tự xã hội. Sự thay đổi ấy đồng nghĩa với sự giải phóng con người một cách toàn diện, thủ tiêu mọi sự thù địch giai cấp, nhất là thù địch giữa giai cấp vô sản và tư sản. Nói như Ph. Ăngghen, “Theo nguyên tắc của nó, thì chủ nghĩa cộng sản vượt lên trên sự thù địch giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản; nó chỉ thừa nhận ý nghĩa lịch sử của sự thù địch đối với hiện tại, nhưng lại phủ nhận tính tất yếu của sự thù địch trong tương lai; chủ nghĩa cộng sản chính là nhằm mục đích thủ tiêu sự thù địch ấy”<sup>1</sup>.

*Thứ hai*, mục đích của chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ người bóc lột người, xây dựng một xã hội công bằng, phồn vinh, hạnh phúc, mang lại sự phát triển tự do và cuộc sống hạnh phúc cho con người, hiện thực hóa mơ ước ngàn đời của người dân toàn thế giới. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin và những người cộng sản chân chính đều khẳng định mục đích ấy, hành động, phấn đấu và đấu tranh vì mục đích ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cả đời mình, vượt qua bao tù đày, gian khổ, thử thách chỉ vì mục đích ấy, một mục đích cao cả, cứu nước, cứu dân. Và để đạt được mục đích độc lập cho dân tộc, phồn vinh cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, theo Người chỉ có xây dựng chủ

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, 1995, t.2, tr.697.

nghĩa xã hội. Bởi vì, “có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”<sup>1</sup>.

Một số người cho rằng, mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa không cụ thể, quá xa vời. Tất nhiên, xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải là công việc ngày một ngày hai, mà là cả một sự nghiệp vĩ đại, đòi hỏi có thời gian, lao động, sáng tạo, đòi hỏi sức người, sức của to lớn. Tuy nhiên, không phải vì thế mà người ta không thể không biết được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội là gì. Từ năm 1946, khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vừa mới thành công, nền độc lập tự chủ của đất nước đang trong thế ngàn cân treo sợi tóc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rất rõ ràng, cụ thể mục đích cách mạng là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>2</sup>. Sau này, Người giải thích: “Chế độ cộng sản là ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức. Đó là một xã hội tốt đẹp vang vang. Trừ những bọn phản động quá sá, thì chắc ai cũng tán thành chế độ cộng sản”<sup>3</sup>. Bằng chính thực tiễn cách mạng hơn 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã giành được độc lập, tự do, đánh đuổi những kẻ thù xâm lược lớn và hung hãn, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao vị thế dân tộc trên trường quốc tế. Cương lĩnh chính trị của Đảng trong thời kỳ mới chỉ rõ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.401.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.187.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.294.

xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” cùng các đặc trưng về văn hóa, con người, kinh tế, quan hệ dân tộc, nhà nước, quan hệ chính trị và quan hệ quốc tế, trong đó đặc biệt nhấn mạnh, đó là chế độ “*do nhân dân làm chủ*”, nhằm làm cho “*con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”. Những điều đó rất rõ ràng, rất minh bạch, thiết nghĩ cán bộ, đảng viên và mọi người dân đều hiểu được, trừ những người cố tình không hiểu do bị “ô nhiễm” bởi sự tuyên truyền chống phá thù địch.

Thứ ba, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lao động sáng tạo không mệt mỏi, là cuộc đấu tranh gian nan, phức tạp để xây dựng, phát triển cơ sở vật chất, không ngừng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất. Cùng với quá trình xây dựng, phát triển cơ sở vật chất là quá trình xây dựng, phát triển con người một cách toàn diện, từ nhận thức, văn hóa, lối sống, ý thức cộng đồng đến sự hoàn thiện về đạo đức, nhân cách, sức khỏe. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh, “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa” và chỉ ra rằng, “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài”<sup>1</sup>. Người phân tích, làm rõ hơn tính chất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với tính chất một cuộc cách mạng: “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.216.

thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột, áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp”<sup>1</sup>.

Một số người nhìn vào sự hơn hẳn về điều kiện vật chất, trình độ phát triển về kinh tế, khoa học - công nghệ và một số lĩnh vực khác của các nước tư bản phát triển đã vội cho rằng, chủ nghĩa tư bản là ưu việt và chê bai chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Xin nhớ rằng, chủ nghĩa xã hội là một mục tiêu tốt đẹp nhưng không phải tự nhiên trên trời rơi xuống hay do một học thuyết nào mang đến, mà do chính chúng ta phải lao động, sáng tạo để xây dựng nên. Đảng Cộng sản là người định hướng đường lối, định hướng chính sách, lãnh đạo Nhà nước tổ chức lực lượng, những lực lượng thực hiện không là ai khác ngoài nhân dân lao động mọi tầng lớp. Cái thuộc về bản chất ưu việt của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là hạn chế đến mức thấp nhất, tiến tới không có người bóc lột người, tạo điều kiện tốt nhất để người dân được thụ hưởng thành tựu của quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Chúng ta đã phải trải qua hơn 30 năm chiến tranh tàn phá, trải qua thời kỳ bao vây cấm vận nghiêm ngặt cùng sự chống phá của các thế lực thù địch. Trên thực tế, chỉ từ năm 1990, sau khi rút quân khỏi Campuchia, kết thúc thời kỳ giúp đỡ nước bạn thoát khỏi nạn diệt chủng, chúng ta mới có điều kiện hòa bình, ổn định thực sự để xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, cải thiện cuộc sống của nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.91-92.

Trong 30 năm, chúng ta đã nâng GDP bình quân đầu người từ 182 USD lên gần 3.500 USD (theo Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới của IMF công bố tháng 10/2020), tức là tăng hơn 19 lần; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đã đạt gần 90%. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện toàn diện, bảo đảm ổn định trong cả những điều kiện thiên tai, dịch bệnh. Thực trạng và những thành tựu to lớn của đất nước trong 35 năm đổi mới, xây dựng, phát triển và cải thiện đời sống nhân dân là bằng chứng hùng hồn, không ai có thể phủ nhận về tính chất ưu việt của chế độ chính trị, về sự đúng đắn của mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng.

Đúng là không ai có thể phủ nhận một thực tế là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có được những thành tựu kinh tế, khoa học - công nghệ kéo theo những cải thiện nhất định về điều kiện sống của người dân. Nhưng đó mới chỉ là cách nhìn thực tại, phiến diện, lệch lạc, không đúng bản chất vấn đề. Trước hết, đó là những nước ít nhất cũng có 60 năm, nhiều hơn là vài trăm năm hòa bình xây dựng, không bị tàn phá bởi chiến tranh. Trong quá trình đó, giai cấp tư sản ở các nước phương Tây đã vơ vét của cải, bóc lột sức của, sức người của nhiều nước thuộc địa và những người lao động chính quốc để làm giàu. Khoảng cách giàu nghèo ở các nước đó ngày càng rộng ra, lớn hơn lên và không bao giờ có thể khỏa lấp. Hơn nữa, trong khi thực hiện một số chính sách tiến bộ ở trong nước, họ vẫn săn sàง gây chiến tranh, áp đặt quyền lực, khai thác vơ vét tài nguyên của các nước nghèo, bị lạm thuỷ để làm giàu cho mình. Những cuộc xung đột vũ trang gần đây ở Irắc, Libya, Xyri... có trách nhiệm lớn của các nước phương Tây. Chính một học giả người Anh Terry Eagleton đã

nhận xét: “Những nước tư bản hiện đại là kết quả của một lịch sử nô dịch, diệt chủng, bạo lực và bóc lột một cách ghê tởm”<sup>1</sup>. Từ đó để thấy, câu trả lời thích hợp cho những người còn ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản chính là câu châm ngôn của người phương Tây: “miếng phomát cho không chỉ có trong bẫy chuột”.

#### **4. Phải chăng chỉ cần duy nhất tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta?**

Có thể nói rằng, cả về lý luận và cơ sở thực tiễn đều chỉ ra rằng, đó là tư tưởng sai lầm từ phương pháp tiếp cận vấn đề đến cái nhìn sai lệch, thiếu toàn diện đối với lịch sử và thực tiễn.

*Thứ nhất*, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”<sup>2</sup>. Vai trò, giá trị và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam trước đây, cũng như đối với công cuộc

---

1. Terry Eagleton: *Tại sao Mác đúng?*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, tr.40.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.88.

xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian tới là vô cùng to lớn. Vai trò, giá trị và ý nghĩa ấy bắt nguồn từ chỗ, Hồ Chí Minh đã “vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta”, đồng thời “kết thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”.

Sau nhiều năm bôn ba nhiều nơi trên khắp thế giới, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cứu dân. Đó là con đường cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi, Người đã truyền bá những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, vận dụng lý luận về xây dựng đảng kiểu mới của V.I. Lênin để sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo cách mạng. Người đã vận dụng lý luận về cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam, một nước thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, để tập hợp lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc thành sức mạnh vô địch đánh đổ thực dân xâm lược, phong kiến áp bức, đánh đuổi những đế quốc to, những kẻ xâm phạm bờ cõi non sông, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ hòa bình cho công cuộc xây dựng đất nước và cuộc sống an toàn, hạnh phúc cho nhân dân. Người yêu cầu phải xây dựng chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho đất nước ngày càng giàu mạnh, nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp sáng tạo giữa nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn sinh động, lịch sử cụ thể của Việt Nam, là một bộ phận phát triển mới trong một giai đoạn mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, không thể tách rời những cơ sở lý luận

của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì thế, không thể chỉ lấy tư tưởng Hồ Chí Minh mà gạt bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

*Thứ hai*, một số người cho rằng, những biểu hiện bảo thủ, trì trệ trong nhận thức, những sai lầm, hạn chế, khó khăn và ách tắc trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lênin, và do đó không nên coi chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng. Có thể nói ngay rằng, đó là sự tư biện hết sức vô lý và mâu thuẫn. Trước hết, xây dựng chủ nghĩa xã hội là *mục tiêu xã hội* của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nói cách khác, toàn bộ nền tảng khoa học và cơ sở thực tiễn, cũng như lôgic của học thuyết Mác - Lênin đều hướng tới mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, giải phóng con người không phân biệt giai cấp, “kể cả các nhà tư bản, khỏi khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ hiện có” - cách nói của Ph. Ăngghen, mang lại tự do, hạnh phúc và một xã hội tốt đẹp cho nhân loại. Điều đó được nhận thức như sự vận động của xã hội theo quy luật tất yếu mà con người chỉ có thể tác động, thúc đẩy cho nhanh lên hay chậm đi, mà không thể thay đổi được xu hướng vận động. Vậy mà thừa nhận con đường xã hội chủ nghĩa của cách mạng nước ta nhưng không thừa nhận vai trò nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin khác nào ở trên tầng cao của tòa nhà mà không thừa nhận nền móng của tòa nhà, mong muốn thu hoạch trái cây mà không quan tâm đến gốc rễ của cây.

Mặt khác, nếu có những biểu hiện bảo thủ, trì trệ trong nhận thức, những sai lầm, hạn chế, khó khăn và ách tắc

trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì đó đâu phải là lỗi của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chính là lỗi của chúng ta không nhận thức đầy đủ những vấn đề lý luận, bảo thủ với những tín điều và kinh nghiệm cũ, thiếu sáng tạo trong giải pháp, chính sách giải quyết các nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Tại Đại hội XII, Đảng đã nghiêm khắc thừa nhận những hạn chế trong đánh giá, dự báo tình hình, trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, trong công tác lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy, chính quyền, v.v.. Đó chính là nguyên nhân chủ quan “trực tiếp và quyết định” đối với những khuyết điểm, hạn chế trên thực tế như: năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm...

Song cũng cần phải nói rằng, việc có những sai lầm, khuyết điểm, khó khăn, hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước âu cũng là khó tránh khỏi. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, có tính khoa học, đòi hỏi thời gian, nguồn lực to lớn và nhiều điều kiện khác. Chúng ta bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị tàn phá nặng nề sau cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài suốt 30 năm. Cái khó khăn lớn nhất của chúng ta có lẽ trước hết không phải từ sự thiếu thốn về của cải, vật chất mà đa phần chính ở lỗi nghĩ, tác phong mang nặng tính chất của nền văn hóa nông nghiệp. Chúng ta không có kinh nghiệm tiền lệ, không có sự hỗ trợ của các

nước xã hội chủ nghĩa như trước đây; bị nhiều thế lực đang nhòm ngó, chống phá. Để có được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những bước đi dũng cảm về nhận thức, sự đổi mới mạnh mẽ về chính sách kinh tế - xã hội. Đó là bước chuyển quyết liệt từ một nền kinh tế bao cấp hoàn toàn dựa trên sở hữu công cộng sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ một nhà nước theo mô hình chuyên chính vô sản sang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; từ một đất nước gần như khép kín sang một đất nước mở cửa hội nhập quốc tế toàn diện, ngày càng sâu sắc về kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, v.v.. Từ thực tế ấy cho thấy, Đảng ta đã kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, thức thời và đổi mới mạnh mẽ để đưa đất nước không ngừng tiến lên theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời, không thể đổ lỗi cho học thuyết Mác - Lênin về những khó khăn, hạn chế, sai lầm của quá trình xây dựng, phát triển đất nước.

Tóm lại, sự sai lầm của những người cho rằng “chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời” xuất phát từ sự hiểu sai về tính chất của học thuyết - chủ nghĩa Mác - Lênin; sự nhìn nhận, đánh giá thiên lệch, không đúng về thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển của đất nước ta; sự thiếu tinh táo và hời hợt trong xem xét, đánh giá về bản chất của chủ nghĩa tư bản; hoặc là bị ảnh hưởng của những luận điệu tuyên truyền chống phá thù địch thâm độc. Điều ấy nhắc nhở chúng ta rằng, những người cộng sản cần phải cảnh giác với nhận thức của mình về chủ nghĩa Mác - Lênin, để tìm hiểu rõ hơn, quán triệt sâu sắc, thường xuyên hơn những nguyên lý khoa học, quan điểm

thực tiễn, quan điểm lịch sử - cụ thể, tránh bệnh chủ quan, giáo điều khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng, phát triển đất nước; đồng thời phải luôn cảnh giác với những quan điểm sai lầm, xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, xa rời lý tưởng cách mạng cao cả mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn, xa rời những thành tựu cách mạng to lớn mà bao đảng viên, cán bộ và đồng bào ta đã ngã xuống, đã cống hiến sức lực và trí tuệ để giành được, vun đắp và giữ gìn cho đất nước, cho dân tộc.

## **PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG KHÔNG CÓ THỜI ĐẠI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI; VÌ VẬY TỪ ĐẠI HỘI XIII TRỞ ĐI KHÔNG NÊN NÓI ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NỮA**

Nhận thức rõ đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một công việc rất cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc cần biết mình đang sống trong thời đại gì và bối cảnh thế giới nào, với những tính chất, đặc điểm, nội dung và xu thế phát triển ra sao. Hiểu biết sâu sắc về thời đại giúp ta tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp, mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng và quy luật phát triển của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được hướng đi phù hợp với sự phát triển của lịch sử; lường trước được những thách đố phức tạp, tránh được những vấp váp sai lệch trên đường đi; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. V.I. Lenin đã từng chỉ rõ: Khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, người ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Nói cách khác, vấn đề thời đại là căn cứ khách quan và tiền đề cần thiết để các chính đảng đi theo chủ nghĩa Mác phân tích tình hình,

xác định nhiệm vụ, phân chia trận tuyến, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện một cách khoa học. Chính vì lẽ đó, khi bàn về những vấn đề lớn của cách mạng, trước đây cũng như bây giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng việc phân tích đặc điểm, nội dung, xu thế phát triển của thời đại và nhận định các mặt của tình hình thế giới để xác định đúng con đường đi của cách mạng Việt Nam và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo.

Cả trên phương diện lý luận và thực tiễn là như vậy, nhưng hiện nay, trước Đại hội XIII của Đảng, một số quan điểm sai trái cho rằng: Thật không tưởng khi nói thời đại ngày nay là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vì vậy từ Đại hội XIII trở đi, không nên nói đến chủ nghĩa xã hội nữa. Cụ thể hơn, họ cho rằng làm gì có thời đại quá độ; nội hàm, đặc điểm, xu thế của thời đại là sự mơ hồ; hai nội dung cốt yếu của thời đại đã bị lịch sử phủ định. Bởi thế, khi không còn Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa nữa thì nước ta làm sao có thể đi lên chủ nghĩa xã hội được. Để có những cơ sở vững chắc cho việc nhận thức về thời đại ngày nay và phản bác những quan điểm sai trái đó, có thể dựa trên những luận cứ xác thực sau:

## **1. Luận cứ về nhận thức thời đại**

### ***1.1. Khái niệm về thời đại***

Trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hai chữ “thời đại” được dùng khá phổ biến. Với ý nghĩa thông thường, nó thường được đồng nhất với các khái niệm “giai đoạn”,

“thời kỳ”... Trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, “thời đại” cũng được dùng để chỉ các giai đoạn, thời kỳ khác nhau trong lĩnh vực đó. Trong các tác phẩm về lịch sử và kinh tế, thường thấy các khái niệm như “thời đại đồ đá”, “thời đại đồ đồng”, “thời đại đồ sắt”, “thời đại hơi nước”, “thời đại kinh tế hái lượm và săn bắt”, “thời đại kinh tế nông nghiệp”, “thời đại kinh tế công nghiệp”, “thời đại kinh tế tri thức”... Khái niệm thời đại còn được sử dụng trong các cụm từ như: thời đại phong kiến, thời đại giai cấp tư sản, thời đại chủ nghĩa đế quốc, thời đại cách mạng vô sản... Trong quân sự, thời đại lại được sử dụng để mô tả các thời kỳ quân sự khác nhau, như: thời đại binh khí lạnh, thời đại binh khí nóng, thời đại hạt nhân, v.v..

Thực ra, “thời đại” là một khái niệm rất linh hoạt. Cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh là “Epoch”, vừa chỉ một khoảng thời gian có đặc trưng nhất định, vừa chỉ thời điểm có một vài đặc điểm nổi bật. *Từ điển tiếng Anh đương đại* (Longman xuất bản năm 1987), xác định: “Thời đại là một thời kỳ lâu dài của trái đất hay lịch sử xã hội loài người”.

Trong tiếng Hán, định nghĩa “thời đại” lại nghiêng về nhấn mạnh tính tiếp tục của thời gian. Ví dụ: *Từ điển Hán ngữ hiện đại* (bản bổ sung năm 2002) quy nạp hàm ý của thời đại thành hai loại: (1) chỉ một thời kỳ trong lịch sử được phân chia dựa theo tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa...; (2) chỉ một thời kỳ trong cuộc đời một con người.

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, thời đại là “thời kỳ lịch sử tương đối dài với xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét về mặt kinh tế - xã hội hoặc về mặt văn hóa, coi như là một chặng đường không lặp lại trên quá trình tiến bộ xã hội”. Thời đại lịch sử có thể là toàn bộ thời kỳ phát triển

của một hình thái kinh tế - xã hội hoặc những giai đoạn chủ yếu trong hình thái ấy.

Từ *diễn tiếng* Việt xác định: thời đại là “khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Theo định nghĩa này, khái niệm thời đại có tiêu chí “thời gian lịch sử dài” và “những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Nhưng định nghĩa đó cũng chưa thật rõ ràng vì bao nhiêu thời gian thì được coi là dài và sự kiện có đặc trưng giống nhau có phải là những công cụ đặc trưng về phát triển lực lượng sản xuất ứng với mỗi thời đại không? Ngoài ra, thuật ngữ “thời đại” còn dùng để nói lên một đặc trưng nổi bật của sự phát triển trong một thời gian nhất định của lịch sử, tất nhiên là không ngắn hạn: thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế,...

Từ *những cách thể hiện như trên, có thể hiểu thời đại theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp*. Theo nghĩa rộng, thời đại là khái niệm về thời gian để chỉ sự phân kỳ lịch sử xã hội và để phân biệt những nấc thang phát triển xã hội mà theo đó nấc thang cao hơn, tiến bộ hơn phủ định nấc thang cũ, lacer hậu để mở đường cho sự phát triển một thời đại mới. Còn thời đại theo nghĩa hẹp là khái niệm về thời gian để chỉ xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét trên phương diện kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ...

## **1.2. Quan điểm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế về thời đại**

Tuyên bố tại các Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa tại Mátxcơva năm 1957

và năm 1960 đã đưa ra quan niệm về thời đại ngày nay, thể hiện bước phát triển mới trong quá trình nhận thức về nội dung, tính chất của thời đại.

*Nội dung cơ bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga (Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, tháng 11/1957).*

*Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa để quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới,... Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người (Nhận định tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân thế giới, tháng 01/1960).*

Thực tế cho thấy, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ra đời năm 1917 đã đánh dấu chấm hết thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra thời đại mới, thời đại của sự quá độ lớn lao nhất trong lịch sử loài người, tiến tới một xã hội hiện thực không còn người bóc lột người, không còn nô dịch giữa người và người. Chế độ xã hội chủ nghĩa non trẻ đã vượt qua hàng loạt thử thách khắc nghiệt nhất của lịch sử, hiện diện cả ở châu Âu,

châu Á, châu Mỹ, phát triển mạnh mẽ với nhiều ưu việt kinh tế - xã hội.

### **1.3. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời đại**

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*”<sup>1</sup>. Tiếp đó, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) lại nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, 2007*, t.51, tr.133.

cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*<sup>1</sup>.

## **2. Luận cứ về đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại**

Xem xét trên cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử xã hội loài người đều cho thấy, mỗi bước chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội này đến hình thái cao hơn đều diễn biến trong thời gian rất dài, có khi vài trăm năm hoặc vài nghìn năm. Vậy nên việc Đảng ta phân định *giai đoạn hiện nay của thời đại* “quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới” là tư duy sáng tạo, có tính khoa học xác thực và cần thiết. Vậy nên việc nghiên cứu đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng được thực hiện trong khung khổ giai đoạn hiện nay của thời đại.

### **2.1. Các mâu thuẫn cơ bản trong giai đoạn hiện nay của thời đại**

Sự vận động không ngừng của thế giới đương đại và giai đoạn hiện nay của thời đại với những diễn biến phức tạp và hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn cơ bản nổi bật hiện nay là:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.69.*

*Thứ nhất, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra gay gắt.* Đây là cách diễn đạt mới vì trước đây thường nói mâu thuẫn giữa “phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa”. Sở dĩ có cách diễn đạt mới này không chỉ vì không còn hai phe như trước, mà còn vì cách đê cập trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi mâu thuẫn giữa hai phe, chưa bao quát được cuộc chiến tranh giữa hai chiều hướng phát triển ngay trong lòng mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này sẽ tác động nhiều mặt đến các mâu thuẫn khác.

*Thứ hai, mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng xã hội với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.* Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, và giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Hai mâu thuẫn này phản ánh chân thực, mô tả khách quan bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản phát triển khi nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn luôn giành giật nhau gay gắt, nhiều khi gây ra các xung đột, chiến tranh kinh tế, thương mại khốc liệt.

*Thứ ba, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển.* Các nước tư bản phát triển thống nhất với nhau về bản chất chế độ và lợi ích giai cấp nhưng giữa các nước đó cũng có những mâu thuẫn khó khoan nhượng về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản. Các nước tư bản phát triển đang bị cuốn vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên,

năng lượng, nhân lực chất lượng cao và chiếm lĩnh các thị trường béo bở trên khắp các châu lục, khai thác mọi tiềm năng của các nước khác để tích lũy và xuất khẩu tư bản, gia tăng lợi nhuận tối đa trên quy mô toàn cầu.

*Thứ tư, mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội.* Thế giới đang diễn ra quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau vô cùng phức tạp để thiết lập một trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh đó, các thế lực hiếu chiến, cường quyền luôn thực hiện các chính sách áp đặt, gây ra các xung đột cục bộ, xung đột khu vực, xung đột biên giới, biển, đảo. Mâu thuẫn giữa các nước lớn cũng thường được giải quyết thông qua các cuộc chiến tranh “mượn tay người” ở các điểm nóng; các cuộc chiến giành giật tài nguyên, chiến tranh thương mại. Tình hình đó làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới hết sức lo lắng và đề cao cảnh giác.

*Thứ năm, mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của loài người ngày càng tăng với tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.* Sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội luôn có mối quan hệ khăng khít với môi trường và điều kiện thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường là cơ sở và nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Nếu biết sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và các yếu tố địa lợi, kinh tế - xã hội sẽ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững. Vậy nhưng hiện nay, vấn đề sử dụng quá mức và thiếu trách nhiệm đã gây ra vấn nạn cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

## **2.2. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh**

Thế giới hiện nay là thế giới toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; là cả một không gian mở, đan xen lợi ích, tùy thuộc lẫn nhau. Một khi khủng hoảng kinh tế ở một khu vực hoặc một nước lớn sẽ kéo theo khủng hoảng toàn cầu; một khi giá dầu mỏ lên xuống thất thường và đột biến đều làm cho kinh tế thế giới bị ảnh hưởng. Các vấn đề toàn cầu, nhất là một số vấn đề an ninh phi truyền thống buộc cả cộng đồng quốc tế phải chung tay giải quyết. Sự biến đổi khí hậu khác thường, thiên tai nghiệt ngã đang diễn ra rất đáng lo ngại. Sự phát triển không thể ngăn cản của các loại vũ khí giết người khủng khiếp cũng là yếu tố làm cho bất kỳ giới cầm quyền nào, cho dù là nước xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, cũng phải tính toán kỹ vấn đề chiến tranh hay hòa bình. Như vậy, cùng với việc đổi mới nhận thức của toàn nhân loại, đặc biệt là của giới lãnh đạo các nước về trách nhiệm chung đối với sự phát triển thế giới, những nhân tố khách quan nêu trên vừa thúc đẩy, đòi hỏi, vừa tạo điều kiện cho việc cùng tồn tại và hợp tác cùng phát triển đối với tất cả các nước.

Trong khi nhận rõ sự hợp tác giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản hiện nay là khá toàn diện, thì không thể quên rằng giữa hai chiêu hướng phát triển này vẫn chưa đựng những mâu thuẫn vốn có. Các thế lực hiếu chiến và thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm muốn xóa sổ chủ nghĩa xã hội. “Diễn biến hòa bình” là một trong những chiến lược tổng thể của chủ nghĩa đế quốc nhằm thực hiện mục tiêu đó. Đây là cuộc chiến tranh không khói súng nhưng thực sự là kế sách nham hiểm phá vỡ thành lũy của chủ nghĩa xã hội

từ bên trong, là chiến thuật “mối xây nhà” nhằm làm thoái hóa về tư tưởng, mục ruỗng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa. Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực đế quốc đã và đang sử dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa, cũng như đối với giai cấp những người lao động trên toàn thế giới cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay không kém phần gay gắt, quyết liệt và phức tạp. Bởi vậy, trong điều kiện mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và hợp tác, giao lưu với các nước tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa phải luôn kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác cùng phát triển nhưng luôn cảnh giác và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và mục tiêu, lý tưởng của mình.

### ***2.3. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng***

Ngày nay, tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, nghèo đói và dịch bệnh. Cả thế giới đã chứng kiến đại dịch Covid-19 trở thành thảm họa toàn cầu với số ca nhiễm và số ca tử vong liên tục tăng<sup>1</sup>, khiến tâm trạng xã hội rối loạn, kinh tế toàn cầu khủng hoảng, hoạt động xã hội ngưng trệ, đảo lộn. Trong

---

1. Tính đến ngày 16/12/2020, số ca nhiễm trên toàn thế giới là hơn 74 triệu, số người chết là gần 1,65 triệu.

những vấn đề gay cấn và là những thách thức to lớn đó, cạn kiệt tài nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của nhiều nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Trong một bài phát biểu của mình, nguyên Tổng Thư ký Liên hợp quốc Ban Ki Moon đã nhận xét: “chân trời có vẻ tối đi”. Thế giới đang ở trong thời kỳ có nhiều xáo động. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên rất mạnh, chủ nghĩa phân hóa cũng đang phát triển và những tư tưởng cũng như hành vi cường quyền, cực đoan đang trỗi dậy. Trong khi các cuộc “cách mạng màu” đã làm tan hoang một số nước tại Trung Đông, Bắc Phi thì chủ nghĩa dân tộc cực đoan, khủng bố quốc tế chưa bao giờ phức tạp như bây giờ. Chủ nghĩa khủng bố, điển hình là IS vẫn đang duy trì hoạt động tại Irắc, Xyri và ở một số nước khác, đã không chỉ gây ra những bất ổn và biến động chính trị, quốc phòng, an ninh tại nhiều nước mà còn lôi cuốn nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực vào “chảo lửa” này. Nguy hiểm hơn, các tổ chức khủng bố đang mở rộng địa bàn hoạt động sang châu Âu, châu Á gây mất an ninh, an toàn xã hội. Những vụ tấn công nhầm vào Pháp, Bỉ, Anh, Nga, lan sang một số nước Đông Nam Á như Philíppin, Indônêxia cho thấy tất cả những điều đó không thể giải quyết trong một sớm một chiều, mà sẽ kéo dài, vô cùng phức tạp.

### **3. Luận cứ về xu thế phát triển trong giai đoạn hiện nay của thời đại**

Trong giai đoạn hiện nay của thời đại, thế giới đang đứng trước các xu thế nổi bật tác động đến chiều hướng phát triển toàn nhân loại và chi phối trực tiếp đến tất cả các nước.

#### ***3.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển cả về trình độ và tính chất***

Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình gia tăng và lan tỏa những mối liên hệ ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa là xu thế và kết quả tất yếu của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, thúc đẩy quá trình mở rộng quan hệ nhiều mặt ra khỏi phạm vi quốc gia, tăng cường mối liên hệ, hợp tác cùng có lợi. Các nước vừa có cơ hội, vừa không thể cưỡng lại sức lôi cuốn của quá trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa trở thành quá trình tất yếu không ngừng phát triển, kéo theo cả thế giới vào cuộc chơi hội nhập cùng phát triển, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hội nhập quốc tế hiện nay cũng trở thành một lẽ đương nhiên mà không nước nào có thể bỏ qua được. Hội nhập quốc tế là tiến trình mỗi quốc gia theo đuổi lợi ích, mục tiêu của mình thông qua việc tự giác hợp tác liên kết với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...) dựa trên sự chia sẻ về nhận thức, lợi ích, giá trị,

nguồn lực, quyền lực và chủ động chấp nhận, tiếp thu, tham gia xây dựng các luật chơi chung, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế bắt đầu từ thập niên 1950 và bùng nổ từ thập niên 1990 đến nay. Hàng loạt tổ chức khu vực đã ra đời như việc hội nhập toàn diện của Liên minh châu Âu (EU) đã đạt đến mức độ cao, biến tổ chức này trở thành một thực thể mạnh siêu quốc gia. Các nước trong Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang mở rộng và làm sâu sắc tiến trình hội nhập khu vực một cách toàn diện hơn dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng chính trị - an ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa - xã hội. Ở cấp độ toàn cầu, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đã ra đời, ngày càng phát triển với số lượng thành viên bao quát hầu hết các nước trên thế giới.

### **3.2. Xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ**

Thế giới đang chứng kiến chưa bao giờ cách mạng khoa học - công nghệ lại phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Cách mạng khoa học - công nghệ chính là sự thay đổi căn bản trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ cũng như mối quan hệ và chức năng kinh tế - xã hội của chúng, tác động lớn đến cơ cấu và động thái phát triển của sức sản xuất xã hội. Quan trọng nhất của cách mạng khoa học - công nghệ là nổi lên vai trò hàng đầu của yếu tố con người trong hệ thống lực lượng sản xuất dựa trên việc vận dụng đồng bộ và hữu hiệu các ngành

công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao. Cách mạng khoa học - công nghệ làm biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất xã hội, thực hiện vai trò dẫn đường và kết nối trong toàn bộ chu trình công nghệ - sản xuất - con người - xã hội - môi trường.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ, trở thành một trong những xu thế phát triển mới của đời sống nhân loại trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là sự hợp nhất, không ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật và sinh học. Đó là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, Internet kết nối vạn vật. Cuộc cách mạng này làm cho thế giới “phẳng” hơn, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những bước tiến mới mạnh mẽ hơn, làm cho các nước có cơ hội mới và cũng đứng trước những thách thức mới. Với tốc độ phát triển cao, thay đổi nhanh chóng và sự kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, loài người đứng trước sự thay đổi lớn và khả năng phát triển chưa từng có.

### **3.3. Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển**

Thế kỷ XX đã xảy ra hai cuộc chiến tranh thế giới mà hậu quả vô cùng thảm khốc. Còn hiện nay, nếu chiến tranh thế giới, chiến tranh giữa các nước lớn xảy ra sẽ dẫn tới nguy cơ phá vỡ toàn bộ hạ tầng kinh tế của nhiều nước và nếu trở thành cuộc chiến tranh hạt nhân thì tất cả sẽ bị hủy diệt. Vậy nên hòa bình và ổn định là nhu cầu và khát vọng của toàn nhân loại. Phải có hòa bình mới có hợp tác, phát triển và ngược lại, hợp tác và phát triển được đẩy mạnh sẽ củng cố được hòa bình của thế giới. Chính sự hợp tác, hội nhập

quốc tế, tùy thuộc lẫn nhau, đan xen lợi ích giữa các quốc gia khiến mọi bất ổn, biến động sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng.

Hòa bình, hợp tác và phát triển đã và đang là một trong những xu thế khách quan, hết sức quan trọng và tối cần thiết trong quan hệ quốc tế hiện nay nhưng đang đứng trước nhiều trở ngại, thách thức. Đây là xu thế và là ước mong của toàn nhân loại, bởi xu thế là vậy nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi trên thế giới chưa có hòa bình, bởi vẫn có bạo lực, cường quyền áp đặt thay cho hợp tác và vẫn có những nguy cơ kiềm chế sự phát triển.

#### **4. Những luận cứ về nội dung thời đại**

Khi đã xác định thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga, thì rõ ràng nội dung của thời đại ngày nay có hai vấn đề chính: *Một là*, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; *Hai là*, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. Nhận định về nội dung thời đại như vậy là sự khái quát mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, đầy tính thuyết phục.

Tuy nhiên, sau khi mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch lợi dụng sự kiện này để công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, bài bác những luận điểm cơ bản nhất về thời đại. Quan điểm của họ không có gì mới mẻ nhưng cách diễn đạt khác đi. Những luận cứ đấu tranh chống các quan điểm này cần được làm rõ.

#### **4.1. Luận cứ về vấn đề thứ nhất của nội dung thời đại**

Lập luận của quan điểm sai trái là, nếu nói thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thì nay chủ nghĩa xã hội sụp đổ rồi, thời đại này đương nhiên là của chủ nghĩa tư bản; rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã tàn lụi thì dù có trăm năm sau cũng không thể gượng dậy được nữa.

Cách nhìn nhận của họ rõ ràng là thiếu kiến thức lịch sử và rất thiển cận. Quá trình chuyển biến và thay thế một thời đại này bằng thời đại khác không thể diễn ra nhanh chóng được, mà phải qua một chặng đường dài. Quá trình đó là một xu thế tất yếu của xã hội loài người, nhưng diễn ra quanh co, phức tạp, chưa đựng nhiều biến cố, có cả bước tiến mạnh mẽ và cũng có cả những bước tụt lùi. Sự đổ vỡ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đương nhiên là tổn thất nặng nề đối với phong trào cộng sản. Đồng thời ai cũng biết rằng, sự sụp đổ ấy có nhiều nguyên nhân, nhưng nó không thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, càng không phải vì thế mà làm mất đi nội dung thời đại. Lịch sử đã cho thấy thời đại tư bản chủ nghĩa thay thế thời đại phong kiến đâu phải dễ dàng. Quá trình chuyển biến đó diễn ra hàng mấy trăm năm, trải qua biết bao phức tạp bởi sự chống trả quyết liệt của các thế lực phong kiến. Tình hình hiện nay cũng tương tự như vậy. Thế lực đế quốc không từ một thủ đoạn nào để mưu toan chặn đứng phong trào cộng sản. Điều đó càng thể hiện tính chất phức tạp của thời đại ngày nay.

#### **4.2. Luận cứ về vấn đề thứ hai của nội dung thời đại**

Kẻ thù tư tưởng của chúng ta công khai tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã sụp đổ thì giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga cũng chấm hết.

Đây đúng là kết luận vội vã và hồ đồ. Đành rằng thành quả mà Cách mạng Tháng Mười Nga đem lại đã bị đổ vỡ tại ngay quê hương của nó, nhưng đó quyết không phải là sự chấm dứt lý tưởng cao đẹp của Cách mạng Tháng Mười Nga. Vả chăng, lịch sử đã tỏ rõ, không có một cuộc cách mạng nào, kể cả các cuộc cách mạng vĩ đại nhất, lại đủ khả năng kết thúc ngay công việc xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xong ngay xã hội mới. Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa đã phải trải qua hàng trăm năm với nhiều cuộc cách mạng tư sản: Cách mạng Anh năm 1788, các cuộc Cách mạng tư sản Pháp vào các năm 1830, 1848, 1871...

Sự phát triển của xã hội loài người từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã chứng tỏ rằng, lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là ngọn đèn pha dẫn đường tỏa sáng, mà còn có những đóng góp thực tế to lớn. Cách mạng Tháng Mười Nga là tiếng chuông đánh thức lịch sử, báo hiệu một trang sử mới của thế giới. Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười Nga là một thời kỳ u mê, an phận, là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Sự đột phá của Cách mạng Tháng Mười Nga làm cho chủ nghĩa tư bản bị đổ vỡ một mảnh lớn. Thế giới bừng tỉnh, bung ra với sức mạnh mới của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Thành quả của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tạo cho loài người có khả năng kìm giữ sự lộng hành của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi cả những yếu tố bên trong của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản không thể sống tự nó nữa mà đã phải cố gắng vì sự tồn tại của nó. Những thay đổi trong chiến lược kinh tế, chính trị để thích nghi, những thay đổi trong các chính sách phúc lợi xã hội, bảo đảm xã hội... ở các nước tư bản phát triển hiện nay đều do kết quả của đấu tranh xã hội của những người lao động và sâu xa hơn là được ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta càng thống nhất với nhận định rằng, mặc dù tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới có nhiều thay đổi, có khi là thay đổi khôn lường nhưng bản chất của thời đại không thay đổi. Tình hình cụ thể trong từng thời kỳ của thế giới có những biến động nhưng điều đó không làm thay đổi nội dung của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức.

#### **4.3. Luận cứ về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta**

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội tuy không còn có sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa như trước, nhưng trong giai đoạn mới của thời đại, khi cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hoá đòi sống thế giới, tất cả các

nước đều ở trong mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau, không một nước nào sống biệt lập, mà có thể phát triển được. Sự hợp tác kinh tế với các nước bằng nhiều hình thức sinh động trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là một khả năng thực tế mà chúng ta đã và đang cố gắng tận dụng, đưa nước ta hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Mặt khác, không chỉ có thời cơ mà còn có cả những thách thức, những nguy cơ. Trong hợp tác kinh tế với các nước, nhất là với các nước tư bản phát triển, là những trung tâm kinh tế - kỹ thuật hùng mạnh, họ có thể lợi dụng ưu thế về vốn, kỹ thuật và công nghệ hiện đại để gây sức ép đối với chúng ta, nhất là trong những lúc chúng ta gặp khó khăn, buộc chúng ta phải chấp nhận những điều kiện có lợi cho họ, hòng lái chúng ta đi chệch khỏi định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù hoà bình, hợp tác, phát triển là xu hướng của thời đại nhưng còn một xu hướng khác đối lập là xu hướng cường quyền, áp đặt. Mưu toan của các thế lực cường quyền, hiếu chiến thể hiện trong các điểm nóng trên nhiều khu vực của thế giới đang là những mưu toan độc chiếm các vùng biển, đảo, xâm phạm độc lập, chủ quyền của nước khác.

Đó là những thách thức, những nguy cơ mà chúng ta cần có sự nhận thức sâu sắc và tinh táo, không một chút mơ hồ,

mất cảnh giác, để có những chủ trương, biện pháp ngăn ngừa, đối phó hữu hiệu. Chúng ta thực hiện phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên cơ sở giữ vững những vấn đề có tính nguyên tắc về mục tiêu chiến lược và mềm dẻo linh hoạt về sách lược. Đấu tranh không phải để phá vỡ hợp tác mà để phát triển hợp tác. Phải biết khéo lợi dụng những mâu thuẫn trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhất là mâu thuẫn giữa các nước lớn trong xu hướng đa cực hoá để mở rộng sự hợp tác vừa có lợi, vừa bảo vệ được mình và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu nhất, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Một vấn đề nữa cũng không kém phần quan trọng là khi nước ta hội nhập vào kinh tế khu vực và kinh tế thế giới, kinh tế của nước ta cũng chịu sự tác động hai chiều tích cực và tiêu cực. Tác động tích cực khi kinh tế khu vực và kinh tế thế giới ổn định phát triển, tác động tiêu cực khi kinh tế thế giới và kinh tế khu vực rơi vào trì trệ khủng hoảng. Chúng ta cần có chính sách sử dụng tốt mặt tích cực và ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực, giữ cho nền kinh tế nước ta ổn định và phát triển. Đây là bài học thực tế đã xử lý trước những tác động tiêu cực của cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ và khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới trong thời gian qua.

Như vậy, từ một nước kinh tế kém phát triển, nếu chúng ta biết tranh thủ những thời cơ, những thuận lợi và biết vượt qua những thách thức, những nguy cơ, chúng ta có thể “phát triển rút ngắn” lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản

chủ nghĩa theo quan điểm của V.I. Lê nin, Người đã có đóng góp to lớn vào lý luận về sự “phát triển rút ngắn” và Chính sách Kinh tế mới (NEP). Nó đã được thực tiễn khảo nghiệm mà ngày nay Đảng ta đang vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

Xuất phát từ tình hình như thế, chúng ta có thể tin tưởng vững chắc rằng Việt Nam đang trong tư thế vươn tầm, kiên định con đường đã lựa chọn, đã có đủ sức lực và trí tuệ để tiến bước cùng thế giới, tiến cùng thời đại; nhất định thực hiện được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG ĐẠI HỘI XIII CẦN BỎ CỤM TỪ “NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG”, CỨ LÝ THUYẾT NÀO ĐÚNG THÌ THEO**

## **1. Sự mâu thuẫn của một âm mưu thâm độc**

Trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại, sự đấu tranh, va đập, xung đột giữa các trào lưu tư tưởng, ý thức hệ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... luôn xuất hiện và có diễn biến phức tạp đặc biệt là từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cho đến nay. Tùy theo đặc điểm, mức độ khác nhau, có thể nói, cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh dai dẳng, lâu dài, quyết liệt nhất, quy mô, tính chất, phạm vi ảnh hưởng sâu rộng, từ khi chủ nghĩa xã hội mới chỉ là “ý tưởng”, cho đến khi trở thành mô hình phát triển hiện thực với nhiều tính ưu việt không thể phủ nhận. Chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển như ngày nay mất gần bốn thế kỷ, tuy đã có nhiều điều chỉnh so với chủ nghĩa tư bản hoang dã trước đây về sự bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn xã hội, khủng bố, thủ phạm của nhiều cuộc chiến tranh..., nhưng bản thân mô hình chế độ xã hội này cũng đã vấp phải nhiều thăng trầm, khủng hoảng chu kỳ, đổ vỡ ở nhiều quốc gia trong quá trình phát triển. Theo bản chất của sự vận động, đó là mâu thuẫn trong

giải quyết mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương mại; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; giữa sự tiến bộ của văn minh vật chất không tương xứng với sự phát triển của văn minh tinh thần... Rõ ràng rằng, trong quá trình tiến hóa của nhân loại, nhất định sẽ ra đời chế độ xã hội mới, ưu việt hơn.

Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực đến nay mới được hơn 100 năm, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Nhân loại chứng kiến một mô hình chế độ xã hội mới chưa có tiền lệ trong lịch sử, với một kiểu tổ chức, thiết chế xã hội được thiết lập trên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, được V.I. Lenin vận dụng và phát triển sáng tạo vào thực tiễn nước Nga - một nước tư bản phát triển trung bình lúc bấy giờ. Tư tưởng, lý luận của C. Mác, Ph. Ăngghen và sau này là V.I. Lenin về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là sự tổng kết khoa học quá trình tiến hóa của lịch sử nhân loại, đúc kết những giá trị tri thức, tinh hoa trên các lĩnh vực của lịch sử văn minh nhân loại, từ công xã nguyên thủy cho đến chủ nghĩa tư bản và dự báo cho sự ra đời một chế độ xã hội mới. Đó cũng là một quá trình lịch sử tự nhiên từ thấp đến cao, từ tư tưởng thành hiện thực. Ngay từ khi mới ra đời, bản thân chủ nghĩa Mác - Lenin đã phải trải qua nhiều cuộc đấu tranh ý thức hệ, với các mức độ khác nhau. Đặc điểm chính của các xung đột ý thức hệ thời đó là cuộc đấu tranh về tư tưởng, lý luận của các quan điểm triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học do C. Mác, Ph. Ăngghen đại diện với các trào lưu tư tưởng khác, trong đó có tư tưởng của giai cấp

thống trị. Những cuộc đấu tranh, phê phán này ít mang tính bạo lực, hoặc ở mức độ khác là sự đàm áp của nhà nước với cá nhân hay một nhóm người.

Từ khi những dự báo của các nhà kinh điển mácxít trở thành hiện thực, với sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xôviết, cuộc đấu tranh về ý thức hệ chuyển sang một giai đoạn mới, với sự đa dạng, phức tạp và khốc liệt hơn nhiều. Đó là cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, giữa hai kiểu chế độ chính trị, nhà nước với ý thức hệ khác nhau, là cuộc đấu tranh “một mất một còn”, không khoan nhượng. Tính chất, âm mưu và thủ đoạn, nội dung chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch vừa mang tính chất nhà nước, liên nhà nước, tổ chức và cá nhân... nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân loại đã từng chứng kiến các cuộc bao vây cấm vận kinh tế, chiến tranh lạnh, chiến tranh “Ủy nhiệm”, cách mạng màu, xung đột vũ trang... cũng như các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, tâm lý chiến, xuyên tạc, bôi nhọ... Đặc điểm, mức độ tác động do sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch với từng giai đoạn, ở từng nước cũng rất khác nhau, phụ thuộc vào nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài. Trong sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, sự khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có nguyên nhân quan trọng từ sự chống phá về tư tưởng, ý thức hệ của các thế lực cơ hội, thù địch.

Ở Việt Nam, sự chống phá của các thế lực thù địch diễn ra từ trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, với sự đàm áp

của chế độ thực dân với các phong trào yêu nước, các cá nhân có tư tưởng tiến bộ. Khát vọng giành độc lập dân tộc, đưa nhân dân, đất nước thoát khỏi ách đô hộ của thực dân, thoát khỏi đói nghèo là một trong những nguyên nhân ra đời một chính đảng kiểu mới - chính đảng của giai cấp công nhân, lãnh đạo nhân dân kháng chiến giành độc lập và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Bây giờ chủ nghĩa nhiều, học thuyết nhiều, chỉ có chủ nghĩa Lênin là chắc chắn nhất, cách mạng nhất. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam không chỉ là cuộc kháng chiến giành độc lập của một dân tộc đánh đuổi đế quốc, thực dân xâm lược mà còn là cuộc đấu tranh về ý thức hệ giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Ở thời điểm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và lựa chọn đi lên chủ nghĩa xã hội đang trở thành khát vọng của nhiều quốc gia, dân tộc sau hàng thế kỷ sống dưới chế độ thực dân, phong kiến, trong đó có cả những nước tư bản chủ nghĩa.

Trong suốt 30 năm từ khi Nhà nước công - nông non trẻ đầu tiên ra đời cho đến khi đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, Việt Nam đã tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ đánh thực dân Pháp, đuổi phát xít Nhật và chiến thắng đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai. Cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra ở Việt Nam lúc này không chỉ là cuộc đấu tranh trên chiến trường với súng đạn, các phương tiện chiến tranh hủy diệt của kẻ thù xâm lược, sự hy sinh xương máu của hàng triệu người, mà còn là cuộc chiến tranh tổng lực, trên mọi phương diện,

trong đó có cả sự chống phá về tư tưởng, ý thức hệ của các thế lực cơ hội, thù địch. Những âm mưu kích động bạo loạn, lật đổ, tâm lý chiến, tuyên truyền, bôi nhọ, phá hoại từ bên trong thường xuyên xảy ra, có sự phối hợp trong ngoài, trên dưới với nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, ly tán. Phạm vi chống phá cũng rất đa dạng, kết hợp đấu tranh trên chiến trường với sức mạnh vượt trội về phương tiện chiến tranh, tiềm lực quân sự với tâm lý chiến, phá hoại về tư tưởng, chính trị, bao vây, cô lập... Nội dung và lĩnh vực chống phá được thực hiện hướng vào những vấn đề khó khăn trong nước, khi Việt Nam vừa thực hiện kháng chiến giành độc lập, vừa từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện điểm xuất phát thấp, một số lĩnh vực hay bị lợi dụng như dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... Ở mỗi thời điểm, giai đoạn khác nhau, các thế lực cơ hội, thù địch sử dụng phương thức chống phá tương ứng. Tuy nhiên, sức mạnh của chính nghĩa và sự đoàn kết, đồng lòng của người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đã làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, Việt Nam đã giành độc lập, thống nhất đất nước.

Từ sau năm 1975, đặc biệt là từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới (năm 1986) đến nay, Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bước vào giai đoạn mới với nhiều đặc điểm khác biệt so với trước đây, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh tư tưởng, ý thức hệ. Những năm cuối thập niên 1980 của thế kỷ XX, vì nhiều lý do, nhưng chủ yếu là sai lầm chủ quan, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào

khó khăn. Khủng hoảng kinh tế - xã hội, quản lý đất nước yếu kém, sự chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ, cùng với cuộc Chiến tranh lạnh, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc đã làm cho một số nước mất ổn định nghiêm trọng, dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô và một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vào đầu những năm 1990.

Ở Việt Nam, thời điểm này, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo mới tiến hành được 5 năm, những khó khăn về kinh tế do điểm xuất phát thấp, bị chiến tranh tàn phá nặng nề trước đây, cùng với hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, đã đầy đất nước vào khủng hoảng chưa từng có. Bị cấm vận, bao vây cô lập, mất nguồn viện trợ từ bên ngoài làm cho Việt Nam đã khó khăn càng khó khăn hơn; ở nhiều vùng miền trong cả nước, tình trạng thiếu lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu trở nên trầm trọng... Sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch giai đoạn này đối với Việt Nam càng quyết liệt hơn bao giờ hết. Điều này không chỉ thể hiện mong muốn xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở một số nước còn lại, trong điều kiện phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đang thoái trào, các thế lực thù địch còn muốn xóa bỏ mô hình chế độ xã hội mới tồn tại hơn nửa thế kỷ.

Trong suốt thời gian từ cuối thế kỷ XX cho đến hiện nay, nội dung chống phá của các thế lực thù địch có thể khái quát ở một số vấn đề cơ bản, như: (1) Tiếp tục chống phá về hệ tư tưởng, ý thức hệ mà trực tiếp là những quan điểm nền tảng, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lê nin, cho rằng đã lỗi thời; đề cao mô hình, thể chế nhà nước tư bản chủ nghĩa, tam quyền

phân lập, ca ngợi sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ... (2) Chống phá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, chia rẽ Đảng với nhân dân, quân đội, công an với nhân dân; phê phán đường lối đối ngoại, trong đó đặc biệt tập trung vào quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. (3) Hạ thấp thành tựu, đồng thời khoét sâu, thổi phồng những khó khăn, yếu kém, sai lầm trong quản lý kinh tế - xã hội. (4) Hạ bệ thần tượng, tập trung vào các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; nhân việc Đảng xử lý cán bộ tham nhũng, tiêu cực, chúng khuếch đại, chia rẽ nội bộ nhân dân, dân tộc, tôn giáo, khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nhân dân mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. (5) Thông tin bôi nhọ mô hình, yếu kém của một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại... Từ những nội dung trên, các thế lực thù địch “chế biến” thành nhiều nội dung cụ thể, có vấn đề chống phá thường xuyên, liên tục, có nội dung khai thác sâu ở từng thời điểm.

Lực lượng chống phá cũng có nhiều thay đổi, bên cạnh một số thế lực chính trước đây ở các nước phương Tây, lực lượng “diều hâu” cực đoan, còn một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài “hận thù” dân tộc sau chiến tranh, một số bất mãn, cơ hội trong nước móc nối với bên ngoài, trong đó có cả một số nguyên là cán bộ cao cấp, trí thức, văn nghệ sĩ... Âm mưu, thủ đoạn chống phá linh hoạt hơn, ngoài việc tiếp tục thực hiện “diễn biến hòa bình”, “chiến thắng không cần chiến tranh”, tận dụng tối đa các kênh thông tin như đài phát thanh, nhà xuất bản trực tiếp hướng vào Việt Nam như trước đây, hiện nay chúng triệt để khai thác thế mạnh truyền thông,

mạng xã hội, Internet với các hình thức đa dạng, tập trung vào thế hệ trẻ, với các hình thức mới như livestream, YouTube, Facebook... để tuyên truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật. Một số lĩnh vực thường tập trung đó là các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đất đai, biên giới, hải đảo, chia rẽ công an, quân đội với nhân dân..., kích động biểu tình, bạo loạn, lật đổ, đưa người từ ngoài vào, phối hợp với những phần tử cơ hội, bất mãn trong nước xây dựng ngọn cờ. Nội dung chống phá cũng linh hoạt, đa dạng và tinh vi hơn, thật giả lẫn lộn, trắng đen thay đổi..., nhất là vào các thời điểm quan trọng, sự kiện chính trị lớn của đất nước, như trước và sau Đại hội Đảng các nhiệm kỳ. Trong đó, luận điểm “*Đại hội XIII cần bỏ cụm từ “nền tảng tư tưởng”, cứ lý thuyết nào đúng thì theo*” là một ví dụ!

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Điều này được ghi trong Hiến pháp, trong các văn kiện quan trọng của Đảng, trở thành một tuyên ngôn tuyên bố với thế giới, định hướng cho con đường phát triển của đất nước, là sự phản ánh ý chí, nguyện vọng của người dân, gắn liền với thực tiễn lịch sử, vai trò lãnh đạo của Đảng mang tính chất hiến định. Từ bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng đồng nghĩa với từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phá bỏ thành quả của đất nước mà biết bao thế hệ đã hy sinh xương máu để gây dựng nên. Từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước, dân tộc, đó là âm mưu thâm độc. Càng tinh vi và thâm độc hơn khi gắn nội dung trên với cụm từ “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo*”, bởi vì

nếu chỉ đặt vấn đề xóa bỏ nền tảng tư tưởng thì không dễ gì đánh lừa được người nghe. Nhân dân Việt Nam gắn bó với Đảng Cộng sản Việt Nam, tin yêu và đi theo Đảng, gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là “*Đảng ta*”. Do đó, khi nêu “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo*”, điều này nghe qua rất hợp lý, có tính xây dựng, nhưng thực chất là sự mâu thuẫn, đánh tráo khái niệm. Hoặc là, nền tảng tư tưởng của Đảng là đúng, được thực tiễn Việt Nam khẳng định, thì “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo*” như vậy là đủ, không cần kiên trì nền tảng tư tưởng, dễ bị coi là cứng nhắc, giáo điều. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khó khăn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay, các thế lực thù địch thường rêu rao về sự “lạc hậu, lỗi thời” hoặc “chỉ đúng với trước kia, không còn đúng với hiện nay”, điều này cũng đồng nghĩa với việc coi chủ nghĩa Mác - Lê nin không còn phù hợp, không còn đúng, và do đó, “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo*” càng có vẻ phù hợp. Điều đó phản ánh âm mưu, thủ đoạn và cho thấy rõ mục đích cuối cùng của các thế lực cơ hội, thù địch là mong muốn Việt Nam từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh!

Tuy nhiên, điều mấu chốt trong sự mâu thuẫn của luận điểm “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo*” là ở chỗ, các thế lực cơ hội, thù địch thường lấy mô hình, lý thuyết của chủ nghĩa tư bản là chân lý, hoặc các lý thuyết theo chúng là đúng, còn khác với quan điểm của chúng là sai. Thậm chí, không ít trường hợp, do hận thù dân tộc, do thái độ thù địch, những người cộng sản làm bất cứ điều gì có lợi cho đất nước, dân tộc, nhân dân, chúng đều phê phán. Ở Việt Nam, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, nhiều thành tích chúng ta đạt được về

xóa mù chữ, xóa đói, giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội được thế giới thừa nhận, nhưng các thế lực cơ hội, thù địch vẫn cứ ra rả phê phán. Bởi vậy, cái gọi là “*lý thuyết đúng*” với chúng chỉ là ảo tưởng, đánh tráo khái niệm, mập mờ đánh lừa người thiếu hiểu biết. Bên cạnh đó, không thể so sánh một lý thuyết đơn thuần với một nền tảng tư tưởng, hệ tư tưởng, đó là sự so sánh khập khiễng, thiếu tính hệ thống, tính khoa học. Thông thường, một lý thuyết chỉ đề cập đến một vấn đề, một lĩnh vực cụ thể, còn hệ tư tưởng, nền tảng tư tưởng bao gồm nhiều lý thuyết, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong một chỉnh thể thống nhất, bao quát nhiều lĩnh vực rộng lớn.

## **2. Những luận cứ khẳng định tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

### **2.1. Luận cứ về giá trị phổ quát của việc lựa chọn tư tưởng, mô hình phát triển của một quốc gia**

Mỗi chế độ xã hội đều dựa trên những quan điểm tư tưởng nhất định, là cơ sở để xây dựng, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại cho đến nay, dù tiếp cận từ quan điểm chính trị, ý thức hệ như thế nào, mọi người cũng đều phải thừa nhận, loài người đã trải qua các thời kỳ từ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, và sau này, đã có các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm phát triển, tương ứng với mỗi một thời kỳ là một kiểu chế độ xã hội đặc trưng, thể hiện sự tiến hóa của văn minh nhân

loại trên các lĩnh vực, từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mô hình tổ chức nhà nước, xã hội, các giá trị văn hóa, tinh thần tiêu biểu. Các nhà nước La Mã cổ đại, chủ nô, phong kiến phương Đông, tư bản phương Tây minh chứng cho điều đó. Tất nhiên, ở đây có sự phát triển không đều về văn minh, trình độ sản xuất và các kiểu tổ chức xã hội, điều này cũng đồng nghĩa với sự đan xen về trình độ phát triển.

Nhìn chung, tư tưởng, mô hình tổ chức xã hội tồn tại trên thực tế, xét ở các khía cạnh khác nhau, đều là tri thức, lý thuyết, kết tinh trí tuệ, tinh hoa của nhóm, tầng lớp, giai cấp hay của nhân loại trong từng giai đoạn lịch sử. Các đảng phái chính trị, nhất là đảng cầm quyền ở từng quốc gia đều đại diện cho một giai cấp hoặc tầng lớp xã hội nhất định, đều lựa chọn tư tưởng, cương lĩnh ngay từ khi mới ra đời, đặc biệt khi trở thành đảng cầm quyền. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới có khoảng trên 5.000 đảng phái chính trị. Ở Mỹ, Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa có lịch sử hàng thế kỷ; ở Anh, Pháp và nhiều quốc gia khác, một số đảng cầm quyền hiện nay cũng tương tự. Điểm khác nhau giữa tư tưởng, hệ tư tưởng, cương lĩnh chính trị của các đảng phái trong mỗi quốc gia là bảo vệ lợi ích cho ai, có được nhân dân ủng hộ không, đất nước có phát triển không? Vì thế, đây là vấn đề mang tính phổ quát của tất cả các chính đảng, nhất là các đảng chính trị cầm quyền hiện nay trên thế giới.

## **2.2. Luận cứ về khái niệm, nội hàm khoa học**

Theo Bách khoa thư mở (Wikipedia): *Lý thuyết là một loại chiêm nghiệm và hợp lý của cái gì đó trừu tượng hoặc*

*khái quát hóa của suy nghĩ về một hiện tượng, có thể là khoa học hoặc chưa đến mức khoa học và Từ lý thuyết hay theo lý thuyết ít nhiều thường được mọi người sử dụng một cách sai lầm để giải thích một cái gì đó mà cá nhân họ không trải nghiệm hoặc thử nghiệm trước đó.* Điều này cho thấy, xét về mặt khoa học, lý thuyết có thể đúng và chưa đúng, và dễ bị sử dụng, phụ thuộc vào chủ quan của con người, lý thuyết đúng phải được thực tiễn kiểm nghiệm. Bên cạnh đó, nội hàm của tư tưởng rộng hơn, theo *Từ điển triết học giản yếu*: “Tư tưởng là hình thức phản ánh thế giới bên ngoài, trong đó bao hàm sự ý thức về mục đích và triển vọng của việc tiếp tục nhận thức và cải tạo thế giới bên ngoài ấy”<sup>1</sup>, hoặc theo *Từ điển tiếng Việt* cho rằng: “Tư tưởng là quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội”<sup>2</sup>. Như vậy có thể thấy, điểm chung nhất có thể khái quát về tư tưởng là sự phản ánh khái quát hiện thực khách quan vào trí óc con người dưới dạng những khái niệm, phạm trù, quy luật... biểu hiện những lợi ích của con người, của giai cấp và của xã hội, nhằm thỏa mãn nhu cầu của các chủ thể. Tư tưởng có một số đặc trưng cơ bản, như: (1) Có tính độc lập tương đối so với thế giới khách quan, tác động trở lại đối với thế giới khách quan và hoạt động thực tiễn của con người. (2) Nội dung phản ánh của tư tưởng là khách quan, nhưng thông qua chủ quan của con người. (3) Luôn gắn bó và thể

---

1. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng: *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, tr.495-496.

2. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2005, tr.1071.

hiện lợi ích của con người, nhóm người cụ thể. (4) Luôn gắn với chủ thể nhất định và phản ánh lợi ích của chủ thể đó. (5) Có nhiều cấp độ, hình thức khác nhau về sự tiến bộ hay lạc hậu; tính khoa học hay phản khoa học và thể hiện ở các lĩnh vực khác nhau.

Trên cơ sở đó, nội hàm của hệ tư tưởng được hiểu là *hệ thống các tư tưởng của một giai cấp có mối liên hệ biện chứng, thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau, cùng hướng tới một mục tiêu thống nhất, là cơ sở để đảng chính trị đại diện cho giai cấp để ra chủ trương, đường lối và tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đã xác định*. Chính vì thế, khi đề cập đến nền tảng tư tưởng đồng nghĩa với việc khẳng định những tư tưởng cốt lõi mang tính nguyên tắc, là cơ sở để định hướng cho việc bổ sung, phát triển tư tưởng mới trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của thực tiễn. Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của chính đảng vô sản cách mạng, đảng kiểu mới - Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động. Đó là *hệ thống các tư tưởng, quan điểm sâu sắc và toàn diện của các nhà kinh điển mácxít về chính trị, kinh tế, xã hội, triết học, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo... bao gồm ba bộ phận cấu thành là Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Đây là học thuyết mở, bản thân các nhà kinh điển mácxít cũng chỉ rõ yêu cầu cần phải bổ sung, phát triển trong điều kiện mới. Hơn một thế kỷ qua, thực tiễn phát triển của các quốc gia lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho thấy, nước nào vận dụng đúng,

sáng tạo sẽ phát triển; ngược lại, nước nào giáo điều, rập khuôn, máy móc sẽ thất bại. Thực tiễn thế giới ngày nay chứng minh một thực tế, đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn là xu thế phát triển chung của nhân loại.

Ở Việt Nam, tại Đại hội VII, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng đã đánh dấu một bước tiến mới về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng. Trong đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, không chỉ là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, giải phóng con người, mà còn là học thuyết về sự phát triển xã hội, là vũ khí tinh thần để Đảng làm tròn vai trò tiên phong, vai trò lãnh đạo cách mạng, và chính Người từ chủ nghĩa yêu nước đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền bá vào Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”<sup>1</sup>. Đó cũng là cơ sở để hình thành nên tư tưởng của Người sau này.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là *hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*. Tư tưởng Hồ Chí Minh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.2, tr.289.*

là tài sản tinh thần vô cùng to lớn của Đảng, dân tộc và nhân dân ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của đất nước ta đi tới thắng lợi cuối cùng. Từ nhiều nhiệm kỳ Đại hội Đảng, đặc biệt từ Đại hội IX đến nay, tư tưởng Hồ Chí Minh được nghiên cứu, làm sáng tỏ trên nhiều vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, như tư tưởng Hồ Chí Minh - nguồn gốc hình thành; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng; tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế; tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng, an ninh; tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh... Ngày nay, môn Hồ Chí Minh học được giảng dạy ở nhiều cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng trong toàn Đảng và xã hội, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đón nhận nồng nhiệt, có nhiều chủ đề học tập theo từng nhiệm kỳ, phù hợp với các đối tượng khác nhau trong xã hội. Nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục được mở rộng về triết học, xã hội học, kinh tế học...

### **2.3. Luận cứ về tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng không chỉ được

ghi nhận trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, mà còn được khẳng định trong Hiến pháp, văn bản pháp lý quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia. Điều 4, khoản 1, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Không những thế, trải qua các giai đoạn cách mạng, khi Đảng, Nhà nước Việt Nam tổng kết, đánh giá những thành công, hạn chế trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện, vấn đề kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là một bài học quan trọng hàng đầu được rút ra. Từ Đại hội VII đến Đại hội XII, khi đề cập đến bài học kinh nghiệm, vấn đề kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn được đề cập trong văn kiện Đảng. Tổng kết 30 năm đổi mới, trong 5 bài học được rút ra, bài học đầu tiên: “*Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam*”<sup>1</sup>. Dự thảo Báo cáo

---

1. TS. Đinh Thế Huynh - GS.TS. Phùng Hữu Phú - GS.TS. Lê Hữu Nghĩa - GS.TS. Vũ Văn Hiền - PGS.TS. Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.344.

chính trị trình Đại hội XIII của Đảng, ngày 20/10/2020, khi đề cập 5 quan điểm chỉ đạo, quan điểm đầu tiên cũng nêu: “*Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”.

Như vậy, những luận cứ khoa học và thực tiễn nêu trên cho thấy, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống các quan điểm sâu sắc, toàn diện, kết tinh trí tuệ, tinh hoa của nhân loại, luôn được bổ sung, phát triển cùng thời đại và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Bởi vậy, đây không chỉ là những lý thuyết đúng đắn riêng lẻ, mà quan trọng hơn, những lý thuyết đúng đắn đó gắn kết trong một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất, mang tính cách mạng và khoa học, được thực tiễn Việt Nam kiểm nghiệm và tiếp tục bổ sung đầy đủ, sâu sắc hơn. Trong giai đoạn kháng chiến giành độc lập dân tộc, nhờ có chủ nghĩa Mác - Lenin, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền, xây dựng thành công Nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trên những quan điểm có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lenin, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược và các chính sách phù hợp, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, đánh thực dân Pháp, đuổi phát xít Nhật, làm nên trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, và hơn thế nữa, đã đánh

bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để thống nhất đất nước vào năm 1975. Một đất nước nhỏ bé, lạc hậu như Việt Nam trong những năm chiến tranh, nếu không có đường lối đúng đắn không thể đánh bại các đế quốc lớn với tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ, sức mạnh quân sự vượt trội, điều đó càng khẳng định tầm quan trọng của nền tảng tư tưởng. Đây là minh chứng cho thấy tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của đất nước, được thực tiễn lịch sử chứng minh và khẳng định.

#### ***2.4. Luận cứ về giá trị thời đại, cơ sở để đưa cách mạng Việt Nam phát triển***

Từ khi đất nước thống nhất, sau đó tiến hành công cuộc đổi mới vào năm 1986 cho đến nay, Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức to lớn, kết cấu hạ tầng bị tàn phá nặng nề, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lại bị bao vây, cấm vận, sự chống phá điên cuồng của các thế lực cơ hội, thù địch. Liên Xô (trước đây) và hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị sụp đổ, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào thoái trào. Chiến tranh ở biên giới Tây Nam và phía Bắc, rồi tranh chấp biển, đảo, biên giới càng làm cho Việt Nam chồng chất khó khăn. Đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện điểm xuất phát thấp, chưa có tiền lệ trong lịch sử, chuyển đổi từ mô hình kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, mệnh lệnh sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, thiếu sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa bạn bè, là những thách thức to lớn. Tuy nhiên,

sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tiếp thu tinh hoa của thế giới, đặc biệt là cách mạng khoa học - công nghệ, hiện nay là cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Việt Nam có quan hệ rộng mở với các quốc gia trên thế giới, vị thế ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Điều này càng khẳng định vai trò nền tảng tư tưởng của Đảng, một nhân tố cực kỳ quan trọng không thể tách rời sự phát triển của đất nước cho đến ngày nay. Đúng như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định trong bài viết ngày 31/8/2020 với tiêu đề: “*Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới*” rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay... Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho

phép ai được ngả nghiêng, dao động. Những quan điểm trên là sự đúc kết sâu sắc từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, vì thế không có chuyện từ bỏ “nên tảng tư tưởng của Đảng, cứ lý thuyết nào đúng thì theo”, một âm mưu thâm độc của các thế lực cơ hội, thù địch.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG CHẾ ĐỘ “ĐỘC ĐÁNG” VÀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ LÀ TRỞ NGẠI LỚN NHẤT CẨN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ DÂN TỘC**

## **1. Các luận điệu sai trái, thù địch**

Một thuộc tính cố hữu trong bản năng chống Cộng của các phần tử thù địch đối với cách mạng Việt Nam nói chung và Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, đó là nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp và phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những luận điệu thường thấy của các phần tử này là: “Đảng Cộng sản bản chất là không dân chủ và do đó Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất lãnh đạo và cầm quyền là vi phạm nền dân chủ” (!); “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội” tức là theo chế độ đảng trị, bằng “đảng chủ”; “một đảng cầm quyền thì không thể có dân chủ, chỉ dân đến độc tài, độc trị” (!); “chế độ một đảng lãnh đạo, độc quyền là trái với nguyên tắc nhà nước pháp quyền” (!), v.v..

Một cách tất yếu, muốn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không khể không đi tới phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, bởi đây là

nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Phủ nhận nguyên tắc này đồng nghĩa với phá bỏ viễn ám tảng trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Các thế lực thù địch thường tung ra các luận điệu như: nguyên tắc tập trung dân chủ chủ yếu hướng tới “tập trung”, “dân chủ” chỉ là “thứ yếu”, là “hình thức”; nguyên tắc tập trung dân chủ đã “lỗi thời”, “không có thật”, “dân chủ không thể đi đôi với tập trung”; là một “nguyên tắc sai lầm”, “làm mất dân chủ” và “tất yếu dẫn đến tập trung quan liêu, chuyên chế, tình trạng vô trách nhiệm”; tập trung dân chủ chỉ là một thứ chế độ tập quyền, độc đoán bảo thủ, kìm hãm tư duy sáng tạo; v.v..

Đây là một loại luận điệu hết sức nguy hiểm bởi nó cố tình đánh đồng giữa vấn đề đa nguyên, đa đảng với dân chủ và phát triển. Thực chất những luận điệu này là gì nếu không phải là muốn đa nguyên, đa đảng, chia quyền lãnh đạo dẫn tới tiềm quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Mục đích của họ là phủ nhận vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội Việt Nam.

## 2. Nội dung của vấn đề

### 2.1. Về chế độ “độc đảng” (hay một đảng) lãnh đạo, cầm quyền

Vấn đề một đảng hay nhiều đảng lãnh đạo, cầm quyền không phải là vấn đề mới. Thực tiễn cho thấy vấn đề này phụ thuộc vào nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan. Về khách quan, nó phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của

mỗi nước, mỗi đảng khi lên lãnh đạo, cầm quyền. Về chủ quan, nó phụ thuộc vào tương quan so sánh lực lượng giữa các giai cấp, các bộ phận trong một xã hội, mà mỗi nước có thể có một đảng hoặc nhiều đảng.

Đảng là tổ chức chính trị của giai cấp, mang tính chất giai cấp, là sự liên kết tự nguyện của những người cùng chí hướng và cùng quyền lợi. Bản chất của đảng chính trị chính là bản chất giai cấp mà nó đại diện.

Trong xã hội có sự phân chia giai cấp, mỗi giai cấp khác nhau có đảng khác nhau, thậm chí trong cùng một giai cấp cũng có thể có nhiều đảng khác nhau. Những đảng của cùng một giai cấp sẽ có cùng bản chất của giai cấp, có lợi ích gắn liền với giai cấp sinh ra nó, chỉ khác nhau về hình thức tổ chức, phương thức hoạt động và những mục tiêu cụ thể mà không đối lập về bản chất. Những đảng của các giai cấp khác nhau hoặc đối lập nhau thì không chỉ khác nhau về tôn chỉ, mục đích, phương cách hoạt động, nguyên tắc tổ chức mà còn đối lập về bản chất của đảng. Như vậy, sự đa đảng cũng có nhiều sắc thái khác nhau. Có hiện tượng đa đảng nhưng vẫn nhất nguyên chính trị, có hiện tượng đa đảng đồng thời là đa nguyên chính trị.

Cho đến nay, vẫn chưa có cơ sở khoa học nào chứng tỏ được vấn đề một đảng thì mất dân chủ, cản trở sự phát triển, còn đa đảng đồng nghĩa với dân chủ, phát triển. Thực tiễn cho thấy, dân chủ và sự phát triển của một nước không tỷ lệ thuận với số lượng các đảng mà nước đó có. Có nước một đảng vẫn bảo đảm dân chủ mà phát triển; có nước nhiều đảng vẫn kém phát triển, vẫn mất dân chủ. Vấn đề thuộc về

bản chất của các đảng, lợi ích xã hội mà nó đại diện, bảo vệ; uy tín và năng lực tập hợp, liên kết, lãnh đạo các lực lượng xã hội cùng thực hiện mục tiêu chung của quốc gia - dân tộc. Nếu một đảng chỉ phục vụ cho lợi ích riêng của đảng mình, giai cấp mình thì đảng đó khó có thể được các giai tầng khác chấp thuận làm lực lượng lãnh đạo xã hội, lãnh đạo đất nước. Một đảng đại diện cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân và dân tộc, vì dân vì nước mà hành động chắc chắn sẽ được nhân dân suy tôn, ủy thác làm lãnh đạo.

## **2.2. Về nguyên tắc tập trung dân chủ**

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng Cộng sản. Nguyên tắc tập trung dân chủ là sự thống nhất biện chứng giữa hai thành tố tập trung và dân chủ. Tập trung trên cơ sở dân chủ, dân chủ có sự lãnh đạo, được sự bảo đảm của tập trung. Có giữ vững tập trung mới có thể thực hiện được dân chủ. Phát triển dân chủ luôn gắn liền với giữ vững và tăng cường tập trung, trên cơ sở đó dân chủ càng phát triển thì tập trung càng vững chắc.

Dân chủ đối lập với tình trạng độc đoán, chuyên quyền chứ không đối lập với tập trung; tập trung đối lập với tình trạng tản漫, tự do, tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật chứ không đối lập với dân chủ. Dân chủ là cơ sở của tập trung và tập trung chỉ có thể thực hiện được hiệu quả trên cơ sở phát huy thật sự dân chủ trong Đảng. Tập trung trên cơ sở dân chủ hoàn toàn khác với tập trung quan liêu, độc đoán, chuyên quyền. Dân chủ có sự bảo đảm của tập trung cũng hoàn toàn khác về bản chất với dân chủ hình thức, dân chủ vô chính phủ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc nền tảng để xây dựng Đảng thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, vừa phát huy sức mạnh của mỗi người, vừa tạo nên sức mạnh tổng hợp của tổ chức. Nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ đạo toàn bộ, xuyên suốt quá trình xây dựng tổ chức, sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của Đảng. Nguyên tắc đó quy định cơ cấu, hình thức tổ chức của Đảng, phương thức, chế độ thiết lập các cơ quan lãnh đạo của Đảng, xác lập các quy tắc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ Đảng và nguyên tắc này còn chi phối các nguyên tắc khác của Đảng. Đó cũng là nguyên tắc quan trọng nhất để chỉ đạo mọi hoạt động của tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của Đảng. Nó làm cho Đảng được xây dựng thành một đội ngũ có kỷ luật chặt chẽ, có sức chiến đấu cao, phát huy được tính chủ động, năng động và sáng tạo của đông đảo cán bộ, đảng viên. Nó bảo đảm cho Đảng luôn là một tổ chức lãnh đạo, một tổ chức chiến đấu, một tổ chức hành động mà không phải là một câu lạc bộ.

Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ vừa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, trách nhiệm cao của mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, vừa tập trung được trí tuệ và sức mạnh vật chất của toàn Đảng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người”. Sức mạnh của Đảng là sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, đạo đức chỉ có thể vững chắc và biến thành hiện thực khi được bảo đảm bằng sự thống nhất về mặt tổ chức thông qua thực hiện nguyên tắc

tập trung dân chủ. Tập trung dân chủ là cơ sở của kỷ luật đảng, bảo đảm cho Đảng thực sự là một chính thể có tổ chức chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới cơ sở.

Mặt khác, tập trung dân chủ là nguyên tắc phân biệt đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân với các đảng chính trị khác. Nguyên tắc này đã được V.I. Lê nin khẳng định để xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, phân biệt với các đảng cơ hội trong Quốc tế II đầu thế kỷ XX. Thừa nhận và tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ là một dấu hiệu, một điều kiện cơ bản bảo đảm cho một chính đảng đi theo và trung thành với những nguyên tắc của một đảng mácxít - léninnít.

### **3. Các luận cứ phê phán**

#### ***3.1. Luận cứ về chế độ độc đảng cầm quyền không cản trở sự phát triển***

Có phải độc đảng thì cản trở, còn đa đảng thì tạo điều kiện cho sự phát triển đất nước? Có hai khả năng phải tính đến: *Khả năng thứ nhất*, một đảng cầm quyền có lợi ích riêng thì đa đảng trong hệ thống chính trị là cần thiết. Ở đây, nếu chỉ có một đảng là độc tài. *Khả năng thứ hai*, một đảng không có lợi ích riêng khi cầm quyền, cầm quyền vì lợi ích chung thì đa đảng dễ gây bè phái, phân tán.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo chính trị, lãnh đạo Nhà nước. Vậy Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ rơi vào trường hợp nào trong hai khả năng trên? Để làm rõ vấn đề, chúng ta cần phân tích trên các khía cạnh sau:

*Một là, mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam là lãnh đạo đất nước phát triển.*

Trước hết, phải xác định Đảng Cộng sản Việt Nam là của ai, đại diện cho lợi ích của ai? Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một hiện tượng hợp quy luật, phản ánh điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi trong dòng vận động lịch sử của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả sự hợp nhất của ba tổ chức cách mạng tiền thân là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Trước khi hợp nhất, các tổ chức này hoạt động độc lập và có hiện tượng tranh chấp sự ảnh hưởng trong quần chúng, bài xích lẫn nhau và mỗi tổ chức đều muốn đứng ra thống nhất các tổ chức cộng sản. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chấm dứt tình trạng phân tán lực lượng, chia rẽ nội bộ, tạo sự thống nhất về tổ chức trong cả nước, nâng tầm ảnh hưởng và vị thế của Đảng. Đảng trở thành hiện thân đại diện tiêu biểu cho lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>1</sup>. Ngoài lợi ích trên, Đảng Cộng sản Việt Nam không còn lợi ích nào khác.

---

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr. 4.

Mục đích của Đảng là “xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”<sup>1</sup>. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng ta.

*Hai là, Đảng đã tìm ra định hướng phát triển và trực tiếp lãnh đạo các cuộc cách mạng để phát triển.*

Trong những năm 1920 của thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam rơi vào bế tắc, tưởng như không có đường ra. Nhiều sĩ phu yêu nước, nhiều phong trào cách mạng đưa ra các lựa chọn để giải phóng dân tộc, phát triển đất nước, song tựu trung, tất cả đều thất bại. Giữa lúc đen tối ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, rẽ đám mây mù, chỉ ra con đường duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc, đưa giống nòi bước qua lầm than, nô lệ. Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 10/1930) xác định phương hướng chiến lược của cách mạng là: lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng đánh đổ đế quốc và phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau. Động lực cách mạng là giai cấp vô sản và nông dân. Lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản. Xác định hình thức, phương pháp đấu tranh và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Tiếp đến, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 11/1939) xác định: Đặt nhiệm

---

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.4.

vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu; tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng; thay khẩu hiệu lập chính quyền Xôviết công - nông - binh bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hòa. Phương pháp đấu tranh: chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhằm tập hợp mọi lực lượng dân tộc chống đế quốc.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941) xác định: Giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và nhấn mạnh là nhiệm vụ “bức thiết nhất”; tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, chỉ thực hiện khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công. Quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) là mặt trận đoàn kết dân tộc Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Đề ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang, coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân; chỉ rõ một cuộc tổng khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi phải có đủ điều kiện chủ quan, khách quan và phải nổ ra đúng thời cơ; đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.

Với đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn đó nêu mới 15 tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lật đổ ách thống trị của chế độ

thực dân - phong kiến, thiết lập nên nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập, tự do.

Nhưng sau khi vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng non trẻ đã phải đối phó với một tình thế hết sức hiểm nghèo, hàng loạt nguy cơ, thách thức tưởng chừng khó có thể vượt qua. Đó là nguy cơ của “giặc đói”, “giặc dốt”, và đặc biệt là “giặc ngoại xâm”. Trong tình hình đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những quyết sách đúng đắn, sáng suốt trong việc phát huy các yếu tố thuận lợi, hạn chế và vượt qua khó khăn, kịp thời có đổi sách thích hợp để ứng phó với những thách thức đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng non trẻ, xây dựng chế độ mới, đưa cách mạng đi lên.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với thắng lợi thuộc về nhân dân ta, Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền, với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào ngày 10/10/1954, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành, tạo điều kiện cho miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, tháng 5/1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc. Mỹ vào thay chân Pháp, đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc này được Đảng ta xác định là: Tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở

hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Trong đó, miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước, còn miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp trong cuộc đấu tranh lật đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Cách mạng hai miền có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, phối hợp với nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Đó là quan hệ giữa hậu phương với tiền tuyến.

Với Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, chúng ta đã kết thúc thắng lợi 21 năm chiến đấu chống Mỹ, cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc (1945-1975), chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc; mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn. Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa tiến hành hai cuộc chiến tranh chống xâm lược ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động.

Tuy nhiên, việc duy trì lâu dài mô hình, cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp là không còn phù hợp và đã bộc lộ

những hạn chế, nhược điểm; việc hoạch định và thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi đã mắc sai lầm, khuyết điểm chủ quan, duy ý chí. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở đánh giá tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Ba là, thực tế đất nước đạt nhiều thành tựu và phát triển không ngừng.*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được những thành tựu vĩ đại vô cùng. Qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp; đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Văn hóa - xã hội có bước phát triển, công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những thành tựu quan trọng, sớm đạt được nhiều mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, được quốc tế đánh giá cao. Diện mạo đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Dân chủ

xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang đạt được một số kết quả tích cực. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Nhiều đảng viên đã để lại nhiều tấm gương tốt thể hiện tinh thần tiên phong và tính gương mẫu.

Những thành tựu của 35 năm đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, có thể khẳng định: luận điệu cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam độc quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội nên cản trở sự phát triển là hết sức hàm hồ và trơ trẽn.

### ***3.2. Luận cứ về nguyên tắc tập trung dân chủ không cản trở sự phát triển***

*Một là, nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ có mục tiêu khơi dậy nguồn lực phát triển và thủ tiêu các yếu tố tiêu cực.*

Theo V.I. Lê nin, “Chế độ tập trung dân chủ chỉ có nghĩa là đại biểu các địa phương hội họp lại và cử ra cơ quan có trách nhiệm để tiến hành việc quản lý”<sup>1</sup>. Để làm tròn được sứ mệnh tiên phong của giai cấp công nhân thì Đảng Cộng sản phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tập trung và dân chủ là hai mặt thống nhất trong một nguyên tắc, không thể coi nhẹ mặt này, xem nhẹ mặt kia hay ngược lại. Việc nhấn mạnh một mặt nào đó là cần thiết tùy thuộc vào tình hình và thực tế hoàn cảnh lịch sử cụ thể quy định. Ph. Ăngghen từng nhấn mạnh đến “hoàn toàn dân chủ”, nhưng trong điều kiện phong trào công nhân lúc đó có một số lãnh tụ muốn xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân thành một tổ chức âm mưu, độc tài. Vì vậy, theo Ph. Ăngghen, với cách tổ chức chính đảng của giai cấp công nhân “hoàn toàn dân chủ, với những ban chấp hành được bầu ra và luôn luôn có thể bị bãi miễn; chỉ điều đó thôi cũng đủ chấm dứt mọi toan tính manh động - tức là những toan tính đòi hỏi một chế độ độc tài”<sup>2</sup> mà một số lãnh tụ của phong trào công nhân lúc đó theo đuổi.

Trong thực tế trước đây, ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc tập trung dân chủ được hiểu và thực hiện chưa đúng. Một số nước nghiêm về tập trung quan liêu, thống nhất cứng nhắc, dẫn đến vi phạm dân chủ trong Đảng, xuất hiện hàng loạt những sai lầm: gia trưởng, độc đoán, sùng bá cá nhân, lãnh tụ là thống soái, cá nhân trùm lên tập thể.

---

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, 2006, t.40, tr.303.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, 1995, t.21, tr.26.

Một số nước lại hạ thấp tính tập trung thống nhất, để cao một chiều tự do dân chủ, dẫn đến hỗn loạn, vô chính phủ, không kiểm soát được. Chính những sai lầm trong nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trên đây đã làm tổn hại cho sự lãnh đạo và sức mạnh của Đảng Cộng sản, cản trở sự phát triển của các nước đó.

Chỉ có nhận thức đúng đắn và thực hiện triệt để nguyên tắc tập trung dân chủ mới bảo đảm cho công tác và sự lãnh đạo của Đảng được tập trung, đoàn kết, tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Đồng thời, nó tạo điều kiện để khắc phục tình trạng cấp ủy vi phạm quyền của đảng viên, còn đảng viên thì thụ động, tiêu cực.

*Hai là, thực thi nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng ta không ngừng lớn mạnh.*

Để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, chúng ta cần thực hiện đồng bộ nhiều nguyên tắc, trong đó nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản, chủ đạo bởi đây là nguyên tắc tổ chức hàng đầu để giữ vững bản chất cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng và có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại, phát triển của Đảng. Việc nhận thức và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng Đảng có ý nghĩa quan trọng, phát huy dân chủ, thống nhất ý chí và hành động, làm cho Đảng ngày càng lớn mạnh. Ngược lại, buông lỏng, hạ thấp cũng như nhận thức không thấu đáo, thực hiện không đúng đắn, triệt để nguyên tắc này không chỉ dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, mà còn làm tổn hại đến vị thế, sức mạnh của Đảng.

Thực tiễn hoạt động của các Đảng Cộng sản cho thấy, mỗi khi nguyên tắc tập trung dân chủ bị xem thường, buông lỏng trong các hoạt động của Đảng thì sẽ dẫn đến nội bộ thiếu đoàn kết, thống nhất, kỷ luật không nghiêm, tư tưởng phân rã, mất sức chiến đấu, tạo mảnh đất màu mỡ để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá.

*Ba là, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đất nước luôn ổn định và phát triển.*

Ở nước ta hiện nay, nguyên tắc tập trung dân chủ không chỉ được thực hiện trong xây dựng Đảng mà còn cả trong tổ chức quản lý nhà nước, quản lý nền kinh tế, xã hội.

Trong xây dựng Đảng cũng như trong quản lý hành chính nhà nước, tập trung nhằm bảo đảm tập trung quyền lực đảng, nhà nước vào chủ thể lãnh đạo, quản lý để lãnh đạo, điều hành, chỉ đạo việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật một cách thống nhất. Trong khi đó, dân chủ hướng tới việc mở rộng quyền cho đối tượng lãnh đạo, quản lý, phát huy khả năng tiềm tàng của đối tượng lãnh đạo, quản lý trong quá trình thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung và dân chủ là hai mặt không thể tách rời trong lãnh đạo và quản lý hành chính nhà nước, tập trung hỗ trợ bảo đảm cho dân chủ thực hiện trong khuôn khổ, có sự kiểm soát; dân chủ giúp cho tập trung thực hiện linh hoạt, đạt hiệu quả cao trong lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, cần phải có sự phối hợp một cách đồng bộ, chặt chẽ việc bảo đảm cả hai yếu tố này trong hoạt động lãnh đạo, quản lý hành chính nhà nước. Nếu chỉ có sự lãnh đạo, quản lý tập trung mà không mở rộng dân chủ thì sẽ tạo cơ hội cho

quan liêu, cửa quyền, tham nhũng phát triển. Ngược lại, không có sự lãnh đạo tập trung thống nhất sẽ dẫn đến tình trạng tùy tiện, vô chính phủ, cục bộ địa phương.

Như vậy, sự kết hợp đúng đắn giữa tập trung và dân chủ là một trong những yếu tố quyết định sức mạnh và hiệu quả hoạt động lãnh đạo của Đảng và của bộ máy hành chính nhà nước. Nó tạo ra sự thống nhất về tổ chức và hành động, phát huy và kết hợp chặt chẽ sức mạnh của cả tập thể với sức mạnh từng cá nhân; của cả nước và từng địa phương, từng cơ sở; của cả hệ thống chính trị và từng tổ chức.

Giải quyết tốt quan hệ giữa tập trung và dân chủ không phải là làm triệt tiêu nhau, trái lại là tôn nhau lên. Tập trung nâng tầm dân chủ lên thành dân chủ tập trung, tránh được sự tản mạn, phân tâm, dân chủ quá trớn, dẫn đến vô chính phủ; dân chủ làm cho tập trung tập hợp được nhiều ý kiến khác nhau, trao đổi với nhau đi đến thống nhất trong nhận thức và hành động, tránh được tình trạng độc đoán, quan liêu. Bản thân nguyên tắc tập trung dân chủ không chỉ dân chủ yếu hướng tới “tập trung”, “dân chủ” chỉ là “thứ yếu”, là “hình thức” như các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

*Tóm lại, sự phát triển của một quốc gia, dân tộc không phụ thuộc hoàn toàn vào việc quốc gia, dân tộc đó có thể chế nhất nguyên, một đảng hay đa nguyên, đa đảng. Ở Việt Nam cũng không có ngoại lệ đó. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản của Đảng Cộng sản, đồng thời là nguyên tắc phân biệt chính đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân với các đảng phái khác. Đây cũng là tiêu điểm*

mà các thế lực thù địch thường công kích nhằm phá hoại Đảng và phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì thế, quan điểm cho rằng chế độ một đảng lãnh đạo, nguyên tắc tập trung dân chủ làm cản trở sự phát triển của đất nước là hoàn toàn không có căn cứ khoa học và thực tiễn thuyết phục. Thực chất, đó chỉ là những thủ đoạn thâm độc nhằm phủ nhận vai trò độc tôn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội.

**LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG  
MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN KHÔNG THỂ CÓ DÂN CHỦ,  
CHỈ DẪN ĐẾN ĐỘC TÀI, TRÁI VỚI NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN;  
ĐẤT NƯỚC RƠI VÀO YẾU THẾ, LẠC HẬU  
DO SỰ LÃNH ĐẠO SAI LẦM CỦA ĐẢNG**

**1. Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch trước  
Đại hội XIII của Đảng**

Để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch tập trung vào chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam. Những năm gần đây chúng tiếp tục phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, với nhiều loại quan điểm như: Đảng Cộng sản Việt Nam hơn ai hết và trước hết nên thẳng thắn sám hối những sai lầm của mình; tình trạng khủng hoảng và đói nghèo ở Việt Nam hoàn toàn là hệ quả của chính sách cai trị độc tài dựa theo chủ nghĩa Mác - Lenin mà Đảng Cộng sản Việt Nam áp đặt trên đất nước Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền; độc đoán, đảng trị; thực hiện sự chuyên chính của một đảng; sự thống trị quan liêu của giới thượng lưu; Đảng không nên giữ vai trò lãnh đạo, không nên và không thể lãnh đạo tuyệt đối; phải đa đảng (!). Trước thềm Đại hội XIII của Đảng, còn có loại “Thư ngỏ về tình hình

khẩn cấp của đất nước” của một nhóm tác giả có ký tên, viết: “Từ nhiều năm nay, Đảng Cộng sản Việt Nam dẫn dắt dân tộc đi theo đường lối sai lầm và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xôviết được coi là dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin. Công cuộc đổi mới gần 30 năm qua nhằm sửa chữa sai lầm về đường lối kinh tế nhưng chưa triệt để, trong khi vẫn giữ nguyên thể chế độc đảng toàn trị kìm hãm tự do, dân chủ, chia rẽ dân tộc. Đường lối sai cùng với bộ máy cầm quyền quan liêu, tha hóa tạo điều kiện cho sự lộng hành của các nhóm lợi ích bất chính gắn với tệ tham nhũng, đưa đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, ngày càng tụt hậu so với nhiều nước xung quanh”.

Đại hội XIII của Đảng - Đại hội có ý nghĩa rất quan trọng. Đại hội kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, 35 năm đổi mới, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5, 10 năm tới - đến năm 2030, năm kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và tầm nhìn đến năm 2045 - năm kỷ niệm 100 năm Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước thềm Đại hội XIII của Đảng, lại xuất hiện các quan điểm tấn công vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Nổi lên là hai loại quan điểm sau: (1) Cho rằng một đảng cầm quyền không thể có dân chủ, chỉ dẫn đến độc tài, trái với nguyên tắc pháp quyền; (2) Cho rằng đất nước bị rơi vào yếu thế, lạc hậu đều do sự lãnh đạo sai lầm của Đảng.

Bài viết này tập trung cung cấp những luận cứ phê phán hai loại quan điểm nêu trên.

## **2. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng một đảng cầm quyền không thể có dân chủ, chỉ dân đến độc tài, trái với nguyên tắc pháp quyền**

Quan điểm trên hoàn toàn sai trái, bởi các căn cứ sau:

### **a) Luận cứ lý luận**

*Thứ nhất*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển tư tưởng dân chủ - giá trị chung của nhân loại.

Dân chủ đã xuất hiện từ thời cổ xưa. Dân chủ là khát vọng của con người. Xuất phát từ một từ Hy Lạp cổ đại *dēmokratia*, dân chủ có nghĩa là quyền lực nhân dân, quyền lực của nhân dân, toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.

Trên cơ sở nội dung quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin, kế thừa truyền thống của dân tộc và tư tưởng dân chủ trong nền văn hóa chính trị Hy Lạp cổ đại và phương Tây cận, hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định dân chủ, tức là dân là chủ và dân làm chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân nhằm thực hiện quyền lực nhân dân: *Một là*, Nhà nước của dân. Người chỉ rõ: Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. *Hai là*, Nhà nước do dân: Toàn bộ hệ thống quyền lực nhà nước đều do dân tổ chức nên. Dân bầu ra đại diện cho mình để cầm quyền; đồng thời có quyền kiểm soát, giám sát và bãi miễn khi họ không làm tròn sự ủy thác của dân. *Ba là*, Nhà nước vì dân: Nhà nước quản lý xã hội theo nguyên tắc “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”. Tất cả các

hoạt động của Nhà nước đều phải nhầm vào việc thực hiện quyền lợi của nhân dân, trước hết là quyền lợi hằng ngày của nhân dân. Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, phải có cơ chế bảo đảm và thực hiện dân chủ bằng Hiến pháp, pháp luật. *Một là*, bảo đảm tính hợp pháp, hợp hiến của chế độ dân chủ. Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, từ năm 1922, trong bản *Việt Nam yêu cầu ca*, Người đã xác định:

“Bảy xin hiến pháp ban hành,  
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhiệm vụ thứ ba là “phải có một hiến pháp dân chủ”. *Hai là*, dân chủ phải được thực hiện bằng cách thức dân chủ.

*Thứ hai*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức ngày càng rõ hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội IV của Đảng (năm 1976) đã khẳng định: “**Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa** là xây dựng xã hội nước ta thành một xã hội, trong đó, người làm chủ chân chính là cộng đồng xã hội, là tập thể nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, và do giai cấp công nhân lãnh đạo”<sup>1</sup>. Đại hội V của Đảng (năm 1982) một lần nữa nhấn mạnh: “*năm vững chuyên chính vô sản*,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, 2004, tr.509.

*xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*<sup>1</sup>. Nhận thức này đã không ngừng được bổ sung, phát triển và làm sâu sắc thêm qua thời gian và mở rộng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ có bước phát triển mới so với trước, khẳng định bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhấn mạnh dân chủ phải được thực hiện trên thực tế ở tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra bằng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Dân chủ phải gắn liền với công bằng xã hội, với kỷ luật, kỷ cương, được thể chế hóa bằng pháp luật và bảo đảm bằng pháp luật. Đồng thời, Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện các khung khổ pháp luật, xác định các quyền con người, quyền công dân, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện, tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, 2006, tr.59.

năm 2011). Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa được đề cập đậm nét, thể hiện sự phát triển mới về nhận thức lý luận của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm*”<sup>1</sup>. Đây là những quan điểm mang tính nguyên tắc, khái quát một vấn đề hệ trọng, phản ánh bản chất của chế độ xã hội. “Dân chủ” và “nhân dân làm chủ” trở thành một trong tám đặc trưng của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng.

Xác định dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phấn đấu, đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân; gắn quyền lợi với trách nhiệm. Để dân chủ được thực hiện đầy đủ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, gồm: bản chất chế độ xã hội, năng lực thực thi của bộ máy công quyền, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa, dân trí... Vì thế, tránh giản đơn, nóng vội chủ quan, duy ý chí. Bên cạnh đó, việc xác định dân chủ còn là động lực phát triển có ý nghĩa hết sức quan trọng, mỗi bước tiến về dân chủ lại là động lực để thúc đẩy tiến bộ xã hội và ngược lại. Dân chủ phải được thực hiện trên thực tế, gắn với kỷ luật, kỷ cương và được thể chế hóa bằng pháp luật.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.84-85.*

Phát triển và cụ thể hóa quan điểm thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn về hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong nhiều vấn đề quan trọng của đất nước, tiếp tục khẳng định bài học về “dân làm gốc”, về nội dung và phương thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện của người dân. Nhân dân tham gia và phát huy vai trò làm chủ trong nhiều hoạt động của bộ máy nhà nước theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đồng thời, xác định rõ vai trò các thành tố trong hệ thống chính trị trong phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, trước hết là phải thực hành dân chủ trong Đảng. Đảng phải đặc biệt chăm lo, củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhận thức nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua các kỳ Đại hội ngày càng được bổ sung, phát triển. Đảng ta luôn khẳng định, dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, được thực hiện thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và bảo đảm bằng pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân do Hiến pháp quy định.

Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống, các cấp, các ngành và trên tất cả các lĩnh vực.

### **b) *Luận cứ thực tiễn***

Một là, việc thực hiện dân chủ ở Việt Nam ngày càng tốt hơn:

#### *(1) Về thực hành dân chủ trong Đảng*

Dân chủ trong Đảng có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự vận hành hệ thống chính trị, điều này không chỉ thể hiện bản chất của Đảng với tư cách là hạt nhân lãnh đạo, mà còn bảo đảm việc thực hành dân chủ trong toàn xã hội, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Việc thực hành dân chủ trong Đảng thể hiện trước hết từ các quan điểm chỉ đạo, nêu trong các văn kiện quan trọng của Đảng từ khi thành lập đến nay, đặc biệt là sau khi Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới.

Đảng đã ban hành nhiều quy định, quy chế trong sinh hoạt của Đảng. Nội dung thực hành dân chủ được quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm từ khâu xây dựng, ban hành nghị quyết, kết luận, các văn bản chỉ đạo, cho đến việc tổ chức thực hiện, phát huy dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và trong sinh hoạt nội bộ của Đảng. Thực hành dân chủ trong công tác cán bộ được coi trọng hơn, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình luôn được đề cao; bắt đầu triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và toàn xã hội. Không khí

dân chủ trong sinh hoạt đảng của các cơ quan lãnh đạo từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, đặc biệt là tại các Hội nghị Trung ương, các kỳ Đại hội, đến cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới. Việc cung cấp thông tin, thảo luận các vấn đề quan trọng, chất vấn, tranh thủ ý kiến của nhân dân trong xây dựng Đảng, được quan tâm trong sinh hoạt đảng của các tổ chức cơ sở đảng từ Trung ương đến địa phương, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Việc thực hành dân chủ trong Đảng tiếp tục có bước phát triển mới, khuyến khích tự do tư tưởng trong sinh hoạt Đảng, tôn trọng sự khác biệt trong quan điểm, ý kiến cá nhân trên tinh thần xây dựng. Khuyến khích sáng tạo, thảo luận, tranh luận dân chủ nhằm phát huy trí tuệ của toàn Đảng, của từng cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm và việc ứng cử, đề cử đều được đưa vào quy định của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đi vào chiều sâu, theo phương châm: trong trước, ngoài sau, trên trước, dưới sau. Cấp trên nêu gương trước cấp dưới, thực hành dân chủ được quán triệt và yêu cầu thực hiện trong tất cả các hoạt động của Đảng, từ công tác cán bộ, khen thưởng, kỷ luật, không có vùng cấm khi sai phạm.

Đặc biệt trong các nhiệm kỳ gần đây, việc thực hành dân chủ trong Đảng tiếp tục được bổ sung những quy chế, quy định chặt chẽ hơn, như quy định Bộ Chính trị báo cáo công việc và hoạt động giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; các cấp ủy có trách nhiệm báo cáo sự lãnh đạo, chỉ đạo giữa hai kỳ họp. Quy định thời gian tiến hành tự phê bình và

phê bình, lấy phiếu tín nhiệm cán bộ, đảng viên từ cơ quan cao nhất đến tổ chức cơ sở, nhân dân góp ý xây dựng Đảng...

## (2) Về thực hành dân chủ trong các cơ quan nhà nước

Việc thực hành dân chủ trong các cơ quan nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thực hành dân chủ được thể hiện cụ thể trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Các bản Hiến pháp, nhất là Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, được cụ thể hóa và thể chế hóa. Hoạt động của Quốc hội tiếp tục được đổi mới, theo hướng chuyên nghiệp. Kế thừa và phát huy thành quả của các giai đoạn trước, dân chủ tiếp tục được coi trọng hơn, trong đó việc chất vấn và trả lời chất vấn được tăng cường. Sự phản hồi ý kiến, nguyện vọng của người dân được phản ánh công khai. Công tác bầu cử được cải tiến một bước, tăng cường hơn về chất lượng và số lượng đại biểu chuyên trách; sự tham gia của nhân dân vào việc góp ý các dự án luật được thực hiện bài bản hơn...

Hoạt động của Chính phủ được đổi mới theo hướng xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ kiến tạo nhằm phát huy dân chủ trong thực thi hành chính công. Các cơ quan công quyền đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân. Chính phủ, các cơ quan chính phủ được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và ngày càng minh bạch hơn. Vai trò của người

dân tham gia giám sát các hoạt động của cơ quan công quyền được đẩy mạnh. Việc tiếp xúc với người dân, giải quyết đơn, thư khiếu kiện có chuyển biến tích cực. Vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí được tăng cường.

Các cơ quan tư pháp tiếp tục được kiện toàn theo hướng thượng tôn pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, công khai, minh bạch và giảm mạnh các vụ việc oan sai, nợ đọng giải quyết các vụ việc.

### *(3) Về thực hành dân chủ trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

Thực chất của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nhân dân nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là phát huy vai trò tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

Việt Nam đã chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, sang xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đất nước chuyển mạnh từ chỗ bị bao vây, cấm vận, khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước phát triển có mức thu nhập trung bình thấp. Đó là tiền đề quan trọng để bảo đảm thực hiện dân chủ trên thực tế. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cũng chuyển dần hoạt động phù hợp với bối cảnh mới của đất nước, khi phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế dần đi vào chiều sâu. Theo đó, về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, vị trí, vai trò trong sự vận hành hệ thống chính trị:

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong điều kiện mới từng bước được đổi mới.

Thực hành dân chủ trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được đổi mới; vai trò giám sát và phản biện xã hội được coi trọng. Đặc biệt, Bộ Chính trị đã ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội” và “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” và nhiều quy định khác. Kết luận số 83-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, khẳng định: phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng pháp luật. Các hình thức thực hiện dân chủ (dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp) được coi trọng. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cũng như Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã đạt những kết quả quan trọng. Bầu không khí dân chủ trong Đảng, trong xã hội được mở rộng hơn. Đồng thời, tiếp tục đổi mới tổ chức, tinh gọn bộ máy, khắc phục bệnh hành chính, phát huy vai trò chủ động, tích cực, dân chủ, tự giác của các hội viên, đoàn viên trong việc tham gia các hoạt động xã hội như xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

#### *(4) Vẽ thực hành dân chủ trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội*

Việc thực hành dân chủ trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng tốt hơn. Trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, dân chủ hóa trong lĩnh vực chính trị tiếp tục được coi trọng, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và yêu cầu giữ vững ổn định đất nước. Các quyền cơ bản tiếp tục được cụ thể hóa, như quyền được thông tin, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, quyền đóng góp ý kiến xây dựng Đảng và chính quyền, quyền tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng; quyền thảo luận và giám sát các dự án, chương trình phát triển của đất nước...

Dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế thể hiện tập trung ở quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng. Môi trường tự do kinh doanh, bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế ngày càng được bảo đảm trên thực tế. Các quyền của người dân được làm những gì pháp luật không cấm trong hoạt động kinh tế. Kinh tế tư nhân được coi là một động lực quan trọng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Trong điều kiện mới, Nhà nước đã đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý, làm cơ sở cho việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực văn hóa và xã hội; đã thông qua việc ban hành một hệ thống các bộ luật liên quan, nhiều chính sách mới được ban hành. Nhờ vậy, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực văn hóa và xã hội được

tôn trọng, bảo đảm và phát huy. Đặc biệt, dân chủ trong hoạt động khoa học đã có bước tiến, nhất là khoa học xã hội, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng tạo, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Có thể khẳng định rằng, vấn đề dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn cả về nhận thức và tổ chức thực hiện. Thực hành dân chủ đã từng bước được cụ thể hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; quyền con người, quyền làm chủ của người dân tiếp tục được phát huy; tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp phát triển mạnh mẽ. Nhiều chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước thu được kết quả to lớn nhờ phát huy dân chủ như: Phong trào thi đua Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới, công tác dân vận của Đảng, chính quyền trong giải quyết các vấn đề thực tiễn; Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc... Tuy nhiên “nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân: Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ. Không ít cấp ủy đảng, cơ quan

nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa là tấm gương về phát huy dân chủ trong xã hội”<sup>1</sup>.

*Hai là*, dân chủ không phụ thuộc vào chế độ một đảng hay đa đảng:

Lịch sử hiện đại đã chứng minh rằng, trình độ dân chủ không tỷ lệ thuận với sự gia tăng của số lượng đảng chính trị. Chẳng hạn, Ácmênia có khoảng 40 đảng, Hà Lan có 25 đảng, Na Uy có 23 đảng... nhưng không thể kết luận Ácmênia dân chủ hơn Hà Lan, Na Uy. Hiện nay trên thế giới có khoảng hơn 30 nước theo chế độ một đảng như: Ăngtigoa, Arập Xêút, Baren, Bênanh, Bôxnia, Bôtxoana, Cuba, Cômô, Fiji, Gambia, Gana, Ghinê Bítxao, Haiti, Hôndurat, Bờ Biển Ngà, Giamaica, Lào, Libi, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Mônacô, Môdambich, Mađagatxca, Mông Cổ, Namibia, Ruanda, Xômali, Tátgikixtan, Tôgô, Tờrinidát, Tôbagô và Việt Nam... Trong các nước trên chỉ có ba nước Triều Tiên, Lào, Việt Nam là theo chế độ một đảng, và do Đảng Cộng sản giữ vai trò cầm quyền. Điều đó nói lên hai vấn đề: *Thứ nhất*, chế độ chính trị do một đảng cầm quyền không phải là đặc điểm chỉ có ở các nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. *Thứ hai*, không phải các nước theo chế độ một đảng không bảo đảm dân chủ.

Ngay trong chủ nghĩa tư bản, có những thời kỳ một số quốc gia và vùng lãnh thổ theo chế độ một đảng duy nhất cầm quyền vẫn bảo đảm dân chủ và phát triển mạnh mẽ.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.168.

Ví dụ, cho đến cuối những năm 1980, Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan,... vẫn theo chế độ một đảng duy nhất cầm quyền, nhưng vươn lên phát triển mạnh mẽ. Ngược lại, ở các nước đa đảng, dân chủ vẫn không được thực hiện tốt.

### **3. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng đất nước rơi vào yếu thế, lạc hậu đều do sự lãnh đạo của Đảng**

Quan điểm trên hoàn toàn sai lầm, bởi các căn cứ sau:

*Một là*, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tháng 2 năm 1930, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: “Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.63-64.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đã trải qua 35 năm và giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng khá cao (giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Quy mô và tiềm lực nền kinh tế được nâng lên (năm 2010 đạt 115,93 tỷ USD, năm 2015 đạt 193,24 tỷ USD, năm 2019 đạt 261,92 tỷ USD, năm 2020 ước đạt 269 tỷ USD). Bình quân thu nhập đầu người tăng nhanh (năm 1945 là 35 USD, năm 1975 là 80 USD, năm 1985 là 159 USD, năm 1990 là 182 USD, năm 2020 ước đạt 2.750 USD). Năng suất lao động được nâng lên (giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 4,3%/năm; giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân khoảng 5,8%/năm). Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng nhanh, xếp thứ 67/141 nền kinh tế (năm 2019). Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng rất nhanh (năm 1945 đạt 4,2 triệu USD, năm 1975 đạt 914,2 triệu USD, năm 1985 đạt 2.451,7 triệu USD, năm 1990 đạt 5.156,4 triệu USD, năm 2020 ước đạt khoảng 566 tỷ USD).

Hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung xây dựng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Nhiều công trình, dự án giao thông quan trọng được tập trung đầu tư, xây dựng, một số công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả. Hạ tầng năng lượng được đầu tư tăng thêm, nhiều công trình lớn đã hoàn thành, đáp ứng được yêu cầu phát triển và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển nhanh, khá hiện đại, rộng khắp đến 98% người dân với công nghệ hiện đại, tốc độ kết nối Internet trung bình đạt 9,5 Mb/s, xếp hạng 58 thế giới (năm 2018). Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn đáp ứng yêu cầu

phát triển kinh tế số, xã hội số. Tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 35,7% (năm 2015) lên gần 40% (năm 2020).

Hội nhập kinh tế quốc tế phát triển sâu, rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Nhiều hiệp định thương mại song phương, đa phương thế hệ mới được ký kết, có hiệu lực thực hiện. Xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh (đến hết năm 2019, Việt Nam đã thu hút được 33.921 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đã ký là hơn 454 tỷ USD, đã giải ngân được hơn 211,47 tỷ USD).

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được quan tâm phát triển, đạt nhiều thành tựu. Hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển rộng khắp cả nước, tới mọi vùng, kể cả vùng sâu, vùng xa, với cơ cấu hoàn chỉnh từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề, giáo dục đại học, với cơ sở vật chất ngày càng khang trang hơn. Cả nước đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, từng bước nâng cao tỷ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào mẫu giáo; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú, có chất lượng tốt hơn. Chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo được nâng lên (xếp hạng đại học ngày càng tăng). Dân số và chất lượng dân số ngày càng được nâng lên. Dân số năm 1945 là 22,3 triệu người, năm 1975 là 47,6 triệu người, năm 1985 là 59,8 triệu người, năm 1990 là 66 triệu người, năm 2020 là 97,5 triệu người. Tuổi thọ người dân bình quân từ 72,9 tuổi (năm 2010) lên 73,7 tuổi (năm 2020). Chỉ số phát triển con người (HDI) được nâng lên rõ rệt

(năm 2019: xếp thứ 116/189 quốc gia trên thế giới), thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới. Lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực đều có sự cải thiện đáng kể. Về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở nên: năm 1975 là 21,3 triệu người, năm 1985 là 26 triệu người, năm 1990 là 29,4 triệu người, năm 2020 ước tính là 54,6 triệu người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% (năm 2010) lên khoảng 65% (năm 2020). Tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia được tăng cường; Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam (GII) liên tục được cải thiện, từ vị trí thứ 59 (năm 2016) lên vị trí thứ 42 (năm 2020) trên 131 quốc gia và nền kinh tế.

Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có bước phát triển. Hiện nay, cả nước có khoảng 170 nghìn cán bộ khoa học và công nghệ tham gia vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, làm việc trong các tổ chức khoa học và công nghệ nhà nước (khoảng 84,1%), khu vực ngoài nhà nước (khoảng 13,8%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (khoảng 2,1%). Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ ngày càng được mở rộng. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ với hơn 70 quốc gia, vùng lãnh thổ, là thành viên của hơn 100 tổ chức quốc tế và khu vực về khoa học và công nghệ.

Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt thành tựu nổi bật. Số quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao tăng nhanh: năm 1975 với 90 quốc gia, năm 1985 với 112 quốc gia, năm 1990 với 118 quốc gia, năm 2020 với 189 quốc gia. Có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với 33 nước đối tác quan trọng. Việt Nam đã

chủ động và tiếp cận hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam đã tham gia có hiệu quả vào các định chế khu vực, toàn cầu, nhất là các FTA thế hệ mới và đóng góp tích cực ở hầu hết các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách, đã ghi đậm dấu ấn vì sự chủ động, tích cực trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021...

Có thể khẳng định rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Tuy nhiên, đất nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cần kiên quyết khắc phục để phát triển nhanh và bền vững. Nhưng không phải Việt Nam rơi vào yếu thế, bị động.

*Hai là, Đảng ta luôn luôn thẳng thắn nhận rõ sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.*

Sinh thời, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có những khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>1</sup>.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nhìn lại quá trình cách mạng từ năm 1930 đến năm 2010 và thẳng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.301.

thắn thừa nhận: “Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên”<sup>1</sup>.

Thực tế Cách mạng Việt Nam đã khẳng định: “... *sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam*”<sup>2</sup>.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.64, 66.

## **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐÃ HẾT VAI TRÒ LỊCH SỬ, KHÔNG CÒN ĐỦ KHẢ NĂNG ĐỂ LÃNH ĐẠO ĐẤT NƯỚC**

Một trong những âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá nước ta của các thế lực thù địch, phản động là tìm mọi cách phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ nhận, bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và coi đây là đột phá khẩu, là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất để xóa bỏ thành quả cách mạng và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, hướng lái Việt Nam phát triển đi theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh chuẩn bị tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh việc công kích, xuyên tạc trên nhiều phương tiện truyền thông, nhất là trên Internet, các mạng xã hội. Chúng tiếp tục rêu rao, lặp lại luận điệu cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước trong bối cảnh thế giới có nhiều bất ổn, xu hướng bùng nổ thông tin và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, kết cấu xã hội ở Việt Nam đã có sự chuyển biến theo hướng đa dạng, nhiều tầng nấc, xu hướng dân chủ hóa ngày càng được coi trọng... Từ đó nhằm làm mất uy tín của Đảng, tiến tới lật đổ và loại bỏ vai

trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước, đồng thời từng bước tạo dựng cơ sở tư tưởng và xã hội nhằm xác lập chế độ chính trị đa nguyên, đa đảng theo con đường tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.

Để lập luận, minh chứng cho luận điệu này, chúng đưa ra nhiều lý lẽ khác nhau để tấn công, chống phá như:

(1) Cho rằng nền tảng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam theo các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã lỗi thời, không còn phù hợp trong thế kỷ XXI; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, dẫn dắt là sai lầm, mù mờ, hư ảo, do vậy Đảng Cộng sản Việt Nam không đảm đương được trách nhiệm lãnh đạo, dẫn dắt dân tộc Việt Nam, nhất là trong bối cảnh mới hiện nay(!).

(2) Xuyên tạc, phủ nhận lịch sử và thành quả đấu tranh cách mạng vẻ vang của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng quy chụp Đảng có nhiều sai lầm trong quá khứ và dù quá khứ có làm được một số việc thì bây giờ chuyển sang thời kỳ mới, Đảng đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước. Chúng viện dẫn phiến diện và xuyên tạc thực tiễn lịch sử để cố chứng minh chế độ một đảng lãnh đạo là “sai lầm”, rằng nếu không có Đảng Cộng sản Việt Nam trên chính trường thì dân tộc ta không phải tiến hành mấy cuộc chiến tranh lâu dài và đau thương như thế và rằng, nếu Đảng Cộng sản Việt Nam không “tiếm quyền” thì Việt Nam đã đứng trong hàng ngũ các nước phát triển từ lâu(!).

(3) Chúng rêu rao rằng Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng suy thoái, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam ngày

càng tham nhũng, tham ô, lãng phí; Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái thành công(!).

(4) Cho rằng tình hình, điều kiện, bối cảnh mới ngày nay đã khác và có nhiều thay đổi về bản chất với vai trò của khoa học công nghệ, đội ngũ trí thức ngày càng tăng, nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là phát triển kinh tế thì giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không đủ khả năng lãnh đạo đất nước trong thời gian tới. Từ đó, chúng đòi Đảng tự nguyện rời bỏ vai trò lãnh đạo, vì theo chúng: “Đảng chỉ giỏi lãnh đạo trong chiến tranh, còn trong xây dựng kinh tế thì nên trao quyền cho lực lượng chính trị khác”(!)…

Những quan điểm, luận điệu này đã bộc lộ dã tâm, mưu đồ đen tối là xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đòi Đảng ta phải thoái lui, thực hiện “đa nguyên, đa đảng”, từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; từ đó gây tâm lý hoài nghi, dao động, giảm sút niềm tin trong nhân dân, đặc biệt là niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua những lý lẽ đưa ra có thể thấy đây là những quan điểm, luận điệu hết sức phản động, sai lầm, phi khoa học, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn, chứa đựng nhiều mâu thuẫn trong phân tích, đánh giá; nhiều nhận xét là chủ quan, vô căn cứ và mang tính áp đặt.

## **1. Những luận cứ về lý luận**

### ***1.1. Xuất phát từ luận điểm khách quan, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của chính đảng vô sản trong tiến trình cách mạng ở các quốc gia***

C.Mác và Ph.Ăngghen trong học thuyết cách mạng và khoa học của mình đã chỉ ra rằng, giai cấp công nhân là giai cấp hiện đại, cách mạng nhất, tiên tiến nhất trong xã hội, nhưng giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình khi thành lập ra được chính đảng đảm đương vai trò lãnh đạo, dẫn dắt giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân tiến hành cách mạng thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Giai cấp công nhân phải giành lấy quyền lực nhà nước và thực hiện vai trò lãnh đạo đối với xã hội. V.I. Lênin từ thực tiễn cách mạng nước Nga đã khẳng định, chỉ có Đảng Cộng sản mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh kiên quyết nhất và thắng tay nhất chống lại tất cả mọi lực lượng của chủ nghĩa tư bản và chỉ có Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân mới lãnh đạo được đất nước. V.I. Lênin cũng nhấn mạnh rằng, Đảng Cộng sản phải giữ vai trò duy nhất lãnh đạo nhà nước, xã hội, là người định hướng sự phát triển trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội: Về nguyên tắc, Đảng Cộng sản phải giữ vai trò lãnh đạo, đó là điều không còn phải nghi ngờ gì nữa. Thẩm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rằng, cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng

xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo. “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”<sup>1</sup>.

### ***1.2. Bản chất, mục tiêu, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam là vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân và dân tộc Việt Nam, Đảng không có lợi ích nào khác***

Các quốc gia trên thế giới đều có đảng cầm quyền lãnh đạo và nắm giữ nhà nước để tổ chức và quản lý đất nước, triển khai chủ trương, đường lối chính trị của đảng cầm quyền, thực hiện lợi ích của giai cấp thống trị. Để đánh giá vai trò, khả năng lãnh đạo đất nước của một chính đảng cầm quyền cần phải dựa vào và xem xét bản chất, mục tiêu, đường lối lãnh đạo của đảng cầm quyền và đó là tiêu chí cốt lõi để đánh giá vai trò, khả năng lãnh đạo đất nước của chính đảng cầm quyền. Về bản chất, Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức ưu tú nhất của giai cấp công nhân, của nhân dân và dân tộc Việt Nam. Mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của Đảng luôn thống nhất với mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và toàn thể nhân dân Việt Nam. Đảng một lòng một dạ phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự dân tộc, được nhân dân, dân tộc thừa nhận là đội tiên phong của mình. Mục đích hoạt động, đường lối của Đảng Cộng sản

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

Việt Nam là “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”<sup>1</sup>; là “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>2</sup>; xây dựng một xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đưa đất nước Việt Nam ngày càng phồn vinh, thịnh vượng, xã hội ổn định, phát triển, đời sống nhân dân thường xuyên được cải thiện,... Với bản chất, mục tiêu, đường lối như vậy thì chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới là chính đảng duy nhất lãnh đạo đất nước và nhân dân Việt Nam tiến tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

### ***1.3. Trong bối cảnh mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất hội tụ đầy đủ các phẩm chất, năng lực, tiêu chí để lãnh đạo đất nước, dân tộc Việt Nam phát triển***

Trong bối cảnh mới hiện nay, để một quốc gia như Việt Nam phát triển, xã hội ổn định, phồn vinh, người dân được hưởng ấm no, tự do, hạnh phúc thì cần những điều kiện, nhân tố, năng lực gì đối với một chính đảng lãnh đạo đất nước và Đảng Cộng sản Việt Nam có đáp ứng được những điều kiện, nhân tố đó không?

Bối cảnh mới hiện nay bên cạnh những cơ hội, còn tồn tại nhiều thách thức ảnh hưởng tới sự phát triển của Việt Nam như: hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước, nhất là các nước lớn diễn biến ngày càng phức tạp, có nguy cơ gây mất ổn định trên quy mô toàn cầu; chiến tranh sắc tộc, chiến tranh khu vực, xung đột tôn giáo và khủng bố quốc tế vẫn có

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.65, 187.

khả năng bùng phát dưới những hình thức mới; tình hình Biển Đông có thể diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới có thể phát triển chậm lại, nguy cơ rơi vào khủng hoảng; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy ngày càng nổi lên; đại dịch Covid-19 có nguy cơ gây ra cuộc khủng hoảng kép;... đòi hỏi điều kiện, nhân tố cho chính đảng lãnh đạo quốc gia là phải đoàn kết, tập hợp được quần chúng nhân dân; có tính tiên phong, cách mạng; có sức mạnh và kỷ luật tập thể; toàn tâm, toàn ý vì lợi ích chung của nhân dân, dân tộc;... Ở Việt Nam hiện nay chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam có được những điều kiện, nhân tố nêu trên.

*Thứ nhất*, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới có đủ phẩm chất chính trị và năng lực, xứng đáng là người lãnh đạo đất nước trong bối cảnh mới. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong giác ngộ, có tổ chức chặt chẽ nhất, Đảng hình thành nên những sức mạnh, phẩm chất nổi trội và nhờ đó lãnh đạo, dẫn dắt nhân dân ta, đất nước ta vượt qua các khó khăn, thử thách trên con đường phát triển, đó là:

(1) Sức mạnh của sự đoàn kết, thống nhất thành một khối vững chắc cả về tư tưởng và hành động trong Đảng, bảo đảm sự tập trung trong lãnh đạo của Đảng. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng dựa trên cơ sở mục đích, lý tưởng của Đảng, trên cơ sở lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, trên cơ sở phát huy dân chủ, tôn trọng ý kiến cá nhân... sự thống nhất về tổ chức và phương thức hành động tạo ra sức mạnh lớn lao cho Đảng vượt qua được các khó khăn, thử thách.

(2) Có tinh thần triệt để cách mạng, súc chiến đấu mạnh mẽ, được tôi luyện và ý thức kỷ luật cao, được tổ chức và hoạt động chặt chẽ, nghiêm ngặt theo tư tưởng, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

(3) Sự sẵn sàng hy sinh, chấp nhận những khó khăn, gian khổ, khả năng vươn lên không ngừng của Đảng vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc...

Những phẩm chất, sức mạnh này được hình thành từ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng như các nguyên tắc: tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình... Các nguyên tắc cơ bản đó đã phát huy cao nhất dân chủ trong Đảng với trí tuệ tập thể để có được các quyết định, đường lối đúng đắn nhưng đồng thời bảo đảm sự tập trung, thống nhất trong thực hiện các quyết định, đường lối của Đảng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người”<sup>1</sup>; các nguyên tắc này cũng đòi hỏi cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương, tất cả các đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng; đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải tự giác, thường xuyên tu dưỡng, học tập, rèn luyện về mọi mặt, thấy được những hạn chế, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa, để xứng đáng là người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam mới gắn bó mật thiết với nhân dân, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tin và đi theo Đảng. Vai trò lãnh đạo của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.17.

Đảng chính là trách nhiệm, nhiệm vụ cao cả mà nhân dân Việt Nam tin tưởng giao phó cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, từ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân đối với Đảng. Mục tiêu lãnh đạo của Đảng là để nhân dân thực sự là người chủ đất nước, để toàn bộ quyền lực “đều ở nơi dân”; Đảng luôn có trách nhiệm với dân và tăng cường mối quan hệ máu thịt với dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng được nhân dân tin yêu, giúp đỡ, thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình, là Đảng của chính mình. Nhân dân thấy rằng lợi ích căn bản của mình gắn liền với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; mục đích, lý tưởng của Đảng cũng chính là ước mơ, nguyện vọng lâu đời của nhân dân, của dân tộc.

#### ***1.4. Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên cầu thi, luôn tự xây dựng, chỉnh đốn, luôn nâng tầm trí tuệ, nâng cao năng lực và sức chiến đấu, luôn nghiêm khắc và có trách nhiệm với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo của mình***

Đảng Cộng sản Việt Nam không hề bảo thủ mà luôn đổi mới, cập nhật, nhằm làm cho Đảng mạnh lên, có đường lối đúng đắn, giúp Đảng hoàn thành sứ mệnh, nhiệm vụ đặt ra, đưa Việt Nam vượt qua các khó khăn, thách thức, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trong bối cảnh mới hiện nay. Thực tiễn đất nước và thế giới không ngừng vận động, biến đổi, rất nhiều vấn đề mới, yếu tố mới xuất hiện đòi hỏi phải được giải quyết. Đảng ta luôn tìm tòi, học hỏi, tổng kết thực tiễn để đề ra đường lối, quyết sách đúng đắn, phù hợp.

Đảng luôn quan tâm đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của mình để hoàn thành mọi trách nhiệm, nhiệm vụ trong các giai đoạn cách mạng, nhất là những trách nhiệm, nhiệm vụ mới nảy sinh từ thực tiễn hiện nay, để Đảng luôn giữ được bản chất cách mạng, khoa học, vì lợi ích của quần chúng nhân dân, tránh chủ nghĩa quan liêu và hình thức, trước sau giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân...

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chất lượng, năng lực của đội ngũ đảng viên có tính chất quyết định đối với chất lượng, năng lực cầm quyền của Đảng, do vậy, Đảng chú trọng kết nạp những người ưu tú vào Đảng và luôn luôn làm trong sạch Đảng, loại bỏ những phần tử biến chất, xét lại, cơ hội chủ nghĩa ra khỏi Đảng... Đảng luôn siết chặt kỷ luật đảng để chống suy thoái, tiêu cực và tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Đảng ta ý thức rõ ràng, một đảng duy nhất cầm quyền, bên cạnh mặt thuận lợi là cơ bản, cũng chứa đựng không ít những nguy cơ, mà một trong số đó là dễ quan liêu, xa rời quần chúng, dễ chủ quan... Để tránh nguy cơ đó, Đảng hết sức kiên định mục tiêu đã lựa chọn, thường xuyên tự đổi mới, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức mạnh về mọi mặt, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, phong cách công tác gần gũi với nhân dân...

## **2. Những luận cứ từ thực tiễn**

Thực tế lịch sử ở Việt Nam và trên thế giới đã chứng minh tính tất yếu khách quan vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các giai đoạn của tiến trình cách

mạng Việt Nam. Không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được vai trò này của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi luận điểm nhằm hạ thấp hoặc muốn xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam đều trái với điều kiện thực tế của nước ta. Sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không phải tự nhiên mà có, nó là tất yếu của lịch sử.

Trong thời kỳ giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước đây, ngoài phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và dẫn dắt, đã có những phong trào cứu nước, giải phóng dân tộc của một số hội, đoàn thể, đảng phái khác như Duy Tân hội, Việt Nam Quang Phục hội, Việt Nam Quốc dân đảng... Tuy nhiên, những tổ chức, đảng phái này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do đường lối, mục tiêu của các tổ chức, đảng phái đó không phù hợp với xu thế phát triển của dân tộc, thời đại, không quy tụ, tập hợp được quần chúng nhân dân... nên đã không thể lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam và dần tan rã, thất bại. Bài học rút ra từ thất bại của các phong trào yêu nước ở Việt Nam trước đây cũng chứng minh tầm quan trọng và vai trò của việc có một chính đảng, tổ chức yêu nước đảm đương sứ mệnh dẫn dắt dân tộc Việt Nam đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, là ý nguyện và là sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã giành những thắng lợi, những thành tựu to lớn, vĩ

vang, có ý nghĩa lịch sử. Đó là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 lịch sử, lật đổ ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là thắng lợi của hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, làm nên những chiến thắng vang dội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước.

Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển đất nước, với đường lối đổi mới đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cả nước từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị tàn phá bởi chiến tranh trở thành nước đang phát triển năng động, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng tăng, uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đất nước ta chưa bao giờ có cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế, sức mạnh tổng hợp như ngày nay, như khẳng định của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng.

Trong bối cảnh mới hiện nay với nhiều thách thức, khó khăn càng khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam có điều kiện để giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo ra môi trường ổn định; quy tụ, tập hợp được các giai cấp, tầng lớp; tập trung, huy động được các nguồn lực cho phát triển đất nước; thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, nâng cao đời sống của nhân dân. Nếu Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ vai trò duy nhất lãnh đạo, thực hiện đa nguyên, đa đảng, tất yếu đất nước sẽ rơi vào tình trạng hỗn loạn,

phân tán, mất ổn định do sự đấu đá, tranh giành quyền lực giữa các đảng phái, nhóm lợi ích.

Kinh nghiệm từ sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu vào những năm cuối thế kỷ XX cũng cho thấy, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự sụp đổ chế độ chính trị ở các nước này là đã từ bỏ, buông lỏng, phủ nhận vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản, để cho các lực lượng thù địch, phản động lợi dụng, vô hiệu hóa, cướp chính quyền, đưa đất nước đi theo con đường khác khi có những biến cố về chính trị.

Thực tiễn ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay cũng đã chỉ rõ không phải cứ nhiều đảng, cứ đa nguyên, đa đảng thì đất nước phát triển, ổn định. Nhiều nước đa đảng nhưng vẫn là các nước nghèo trên thế giới, thậm chí nhiều nước thường xuyên xảy ra xung đột, bất ổn. Cũng có những nước chỉ một đảng lãnh đạo nhưng vẫn là nước phát triển mọi mặt và có vị thế lớn trên thế giới.

Như vậy, cả lý luận và thực tiễn lịch sử đã chứng minh và khẳng định vai trò và sứ mệnh của Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất lãnh đạo, dẫn dắt dân tộc và nhân dân Việt Nam tiếp tục phát triển, bắt kịp xu hướng của thời đại. Những quan điểm sai lầm, suy diễn về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước là quan điểm phản động, sai trái, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, quan điểm này đã dựa trên những phân tích, nhận xét không khoa học, không lôgic,

không hệ thống và không toàn diện. Về thực tiễn, quan điểm này cũng hết sức phiến diện, quy chụp, phi thực tế khi không thấy rõ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thừa nhận những thành quả trong phát triển đất nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian qua.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG VIỆT NAM BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA LÀ TRÁI QUY LUẬT, LÀ DUY Ý CHÍ NÊN CHỈ THẤT BẠI - THỰC SỰ VIỆT NAM ĐANG ĐI THEO CON ĐƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ TRÁ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

## **1. Một số quan điểm sai trái, thù địch về chủ nghĩa xã hội**

Ngay từ khi mới ra đời cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lê nin nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng đã bị các thế lực thù địch chống phá quyết liệt. Đặc biệt sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, không ít người cho rằng chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung; chủ nghĩa xã hội chỉ là ảo tưởng không bao giờ thực hiện được.

Có rất nhiều quan điểm phê phán con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; nhất là vào những thời điểm có tính quyết định về đường hướng phát triển đất nước. Chẳng hạn, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; thời điểm chuẩn bị và thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991; thời điểm chuẩn bị và thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ

quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); thời điểm tiến hành các Đại hội Đảng; thời điểm thông qua Hiến pháp, v.v..

Những năm gần đây, có một số quan điểm cho rằng, “Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là đi theo vết xe đổ của Liên Xô”, “Việt Nam đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa; ở Việt Nam chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách cuồng nhiệt”(!), v.v..

Trước thêm Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch tiếp tục đưa ra các quan điểm tấn công, xuyên tạc mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khái quát lại có hai loại quan điểm chính: *Một là*, Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại; *Hai là*, Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trái hình chủ nghĩa xã hội.

## **2. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại**

Quan điểm trên hoàn toàn sai trái. Xin nêu những luận cứ chủ yếu:

*Một là, Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hợp quy luật phát triển của lịch sử.*

Xã hội loài người phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Trên cơ sở tổng kết sự phát triển của xã hội loài người, phát hiện ra các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội loài người, C.Mác đã

rút ra kết luận: “sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”<sup>1</sup>. Các hình thái kinh tế - xã hội vận động, phát triển theo các quy luật khách quan, chứ không phải theo ý chí chủ quan của con người. V.I.Lênin viết: “Mác coi sự vận động xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên chịu sự chi phối của những quy luật không những không phụ thuộc vào ý chí, ý thức và ý định của con người, mà trái lại, còn quyết định ý chí, ý thức và ý định của con người”<sup>2</sup>.

Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội vừa bị chi phối bởi các quy luật phổ biến, vừa bị chi phối bởi các quy luật đặc thù. Các quy luật phổ biến là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương tầng, v.v.. Sự tác động của các quy luật khách quan làm cho các hình thái kinh tế - xã hội phát triển thay thế nhau từ thấp đến cao, đó là con đường phát triển chung của lịch sử xã hội loài người.

Tuy nhiên, con đường phát triển của mỗi dân tộc không chỉ bị chi phối bởi các điều kiện phát triển cụ thể của mỗi dân tộc, như về điều kiện tự nhiên, về chính trị, về truyền thống văn hóa, về tác động quốc tế,... mà lịch sử phát triển của xã hội loài người còn tuân theo những quy luật đặc thù, rất phong phú, đa dạng. V.I.Lênin chỉ rõ: “tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ

---

1. C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.23, tr. 21.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1974, t.1, tr.200.

mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó”<sup>1</sup>.

Tính đặc thù trong lịch sử phát triển xã hội loài người thể hiện ở hai điểm: (1) Cùng một hình thái kinh tế - xã hội nhưng ở các nước khác nhau có những hình thức cụ thể; (2) Có những dân tộc lần lượt trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội tuần tự từ thấp đến cao, nhưng cũng có những dân tộc bỏ qua một hay một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã diễn ra như thế. Việc bỏ qua đó cũng diễn ra theo một quá trình lịch sử - tự nhiên, chứ không phải theo ý muốn chủ quan. V.I.Lênin đã phát triển sáng tạo lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ông chỉ ra hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội: (1) Quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước tư bản chủ nghĩa; (2) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua nhiều khâu trung gian, nhiều bước quá độ. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước lạc hậu, kinh tế kém phát triển.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ *Chánh cương văn tắt*, được thông qua tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã xác định làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đến Cương lĩnh xây dựng đất

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, 1978, t.45, tr.431.

nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng xác định: “*Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*”<sup>1</sup>. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) một lần nữa khẳng định: “*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”<sup>2</sup>; “*Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử*”<sup>3</sup>.

*Hai là, thực tiễn phát triển của cách mạng nước ta từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã xác nhận: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn.*

Từ năm 1930 đến năm 1945, nhờ gắn vấn đề độc lập dân tộc với mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh to lớn của dân tộc, tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành được chính quyền trong cả nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra trong 9 năm (từ năm 1945 đến năm 1954), kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử. Đó là kết quả của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.133.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.69, 70.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 1954 miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta xác định nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của cách mạng cả nước. Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) là Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới. Đến nay, công cuộc đổi mới đã qua 35 năm và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lý luận về đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

*Ba là, không thể có sự lựa chọn nào khác.*

Nhân dân Việt Nam đã từng sống cơ cực dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đã thấy rõ mặt trái của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản có vai trò to lớn trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Hiện nay, chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển, đạt được những thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nhưng bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Chủ nghĩa tư bản không phải là tấm gương phổ biến cho nhân loại. Chính các học giả tư bản đã thừa nhận các ung nhọt không thể chữa khỏi. Xin nêu ý kiến của một nhà triết học và một nhà chính trị học.

Giáccơ Đêriđa - nhà triết học Pháp nổi tiếng, trong cuốn sách *Những bóng ma của Mác*, xuất bản năm 1993, đã nêu lên 10 ung nhọt của trật tự thế giới mới: (1) Nạn thất nghiệp; (2) Việc loại trừ hàng loạt công dân không nhà ở khỏi mọi sự tham gia và đời sống dân chủ của các quốc gia, trực xuất, lưu đày những người lưu vong, không quốc tịch; (3) Cuộc chiến tranh không thương tiếc giữa các nước tư bản hàng đầu; (4) Sự bất lực trong việc chế ngự những mâu thuẫn về chuẩn mực và thực tế của thị trường tự do; (5) Sự gia tăng nợ nước ngoài; (6) Công nghiệp và buôn bán vũ khí; (7) Sự phát triển vũ khí nguyên tử vượt khỏi sự kiểm soát quốc tế; (8) Chiến tranh sắc tộc ngày càng nhiều; (9) Những nhà nước - ma siêu lực xâm nhập vào các tổ chức kinh tế - xã hội, vào sự lưu thông tư bản, vào cả các thiết chế quốc gia và liên quốc gia; (10) Sự bất bình đẳng giữa các quốc gia trước pháp luật.

Sự bá quyền của một số quốc gia trong lĩnh vực luật pháp và thiết chế quốc tế.

Những ung nhọt đó, các nước tư bản tìm mọi cách để che giấu đi. Giấc mơ Đêrida kêu gọi phải chiến đấu chống lại theo tinh thần của C.Mác.

Trong cuốn *Ngoài vòng kiểm soát*, xuất bản năm 1993 của Brédincky đã chỉ ra 20 khuyết tật của xã hội Mỹ và dự báo Mỹ sẽ mất vai trò siêu cường vào thế kỷ XXI: (1) Nợ nần; (2) Thâm hụt thương mại; (3) Khối lượng tiền tiết kiệm vào đầu tư thấp; (4) Không có khả năng cạnh tranh công nghiệp; (5) Tỷ lệ tăng năng suất lao động thấp; (6) Chăm sóc y tế không đầy đủ; (7) Giáo dục trung học chất lượng kém; (8) Kết cấu hạ tầng của xã hội xấu đi và tình trạng sa sút lan tràn ở đô thị; (9) Một giai cấp giàu có tham lam; (10) Tình trạng kiện tụng lan rộng không đem lại lợi ích gì; (11) Vấn đề chủng tộc và nghèo đói ngày càng sâu sắc; (12) Tội ác và bạo lực lan tràn; (13) Sự lan tràn của nền văn minh ma túy ô ạt; (14) Tình trạng lan tràn tâm lý tuyệt vọng xã hội; (15) Quá nhiều giấy phép mại dâm; (16) Sự truyền bá ô ạt về đồi trụy tinh thần bằng phương tiện nghe nhìn; (17) Suy giảm về ý thức công nhân; (18) Sự nổi lên của nền văn hóa đa phương có nhiều nguy cơ chia rẽ; (19) Một yếu tố trở ngại đang xuất hiện trong hệ thống chính trị. Nó làm cho cử tri càng thấy chính quyền của mình rất xa xôi, thiếu trách nhiệm, và tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi về giai cấp tinh hoa chính trị được hưởng những cơ hội không công bằng, được ngồi vững vàng trong chức vụ của mình; (20) Cảm giác tuyệt vọng về tinh thần ngày càng phổ biến.

Những nhận xét, đánh giá về chủ nghĩa tư bản của Giàccơ Đêriđa và Brêdincky đến nay vẫn đúng. Bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất và chế độ chiếm hữu tư bản tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển vẫn tiếp tục gay gắt. Mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội... Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy trong quan hệ quốc tế gia tăng. Hoặc chủ nghĩa tư bản không vì con người thể hiện trong phòng, chống đại dịch Covid-19 ở các nước tư bản chủ nghĩa như Mỹ, Ấn Độ, Braxin,... là một minh chứng. Ở các nước này số ca nhiễm và số ca tử vong rất cao.

Cũng có một số ý kiến cho rằng nước ta nên đi theo con đường xã hội dân chủ. Thật ra mô hình xã hội - dân chủ chỉ là một hình thái của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn, cả thực tế trong nước và trên thế giới đều chỉ ra rằng, muốn thay đổi căn bản địa vị, cuộc sống của nhân dân lao động, không có con đường nào khác ngoài con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Mọi con đường khác đều không được nhân dân lao động nước ta chấp nhận.

### **3. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trái hình chủ nghĩa xã hội**

Quan điểm trên hoàn toàn sai trái. Xin nêu những luận cứ chủ yếu:

*Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức ngày càng rõ hơn nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.*

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) xác định: “Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề “ai thắng ai”<sup>1</sup>.

Đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng xác định: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp”<sup>2</sup>. Như vậy, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 có bước nhận thức mới - nước ta quá độ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.374.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.133.

lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa chứ không phải bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng chưa định rõ nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Đến Đại hội IX (năm 2001), Đảng xác định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thương tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá đột*<sup>1</sup>. Đây là bước tiến về nhận thức của Đảng khi xác định rõ nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

*Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức về chủ nghĩa xã hội ngày càng rõ hơn.*

Trong những cương lĩnh đầu tiên “*Chính cương văn tắt*”, “*Sách lược văn tắt*” (tháng 2 năm 1930) và “*Luận cương chính trị*” (tháng 10 năm 1930), Đảng đã chỉ rõ quá trình cách mạng không ngừng. Trước mắt, làm cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Đây là nhận thức đầu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.179.

tiên rất quan trọng của Đảng về quan hệ biện chứng giữa cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản.

Đại hội II của Đảng (năm 1951) dự báo, con đường đi đến chủ nghĩa xã hội là con đường khó khăn, lâu dài, cơ bản trải qua ba giai đoạn: *giai đoạn thứ nhất*, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc; *giai đoạn thứ hai*, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; *giai đoạn thứ ba*, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn này không tách rời nhau, mà liên hệ mật thiết và xen kẽ lẫn nhau.

Đại hội III của Đảng (năm 1960) đã đưa ra những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Đại hội bước đầu phác họa những đường nét cơ bản về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta sẽ xây dựng ở miền Bắc: xã hội ấm no, hạnh phúc; có nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp chặt chẽ công nghiệp với nông nghiệp, quan hệ sản xuất mới với các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa; nhân dân lao động có đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được nâng cao; xã hội mới mà cơ sở là liên minh giữa giai cấp công nhân với các tầng lớp nhân dân lao động khác, chủ yếu là giữa công nhân và nông dân tập thể; có quan hệ hữu nghị quốc tế, trước hết là sự đoàn kết, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu. Về định hướng con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội xác định, phải sử dụng nhà nước dân chủ nhân dân làm

nhiệm vụ chuyên chính vô sản; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc và lạc hậu tiến lên một nền kinh tế cân đối và hiện đại; tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật; tăng cường đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh công nông; tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

Đại hội IV của Đảng (năm 1976) đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đại hội chỉ rõ: “*Năm vũng chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã*

*hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*<sup>1</sup>; “Phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian hai mươi năm”<sup>2</sup>.

Đại hội IV của Đảng đã xác định rõ hơn tính chất, đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, vô cùng sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lấn quan hệ sản xuất mới; tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lấn kiến trúc thương tầng mới; tạo ra cả đời sống vật chất mới lấn đời sống tinh thần và văn hóa mới. Đó là quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai giai cấp tư sản và vô sản, giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa”<sup>3</sup>.

Đại hội V của Đảng (năm 1982) tiếp tục khẳng định những nhận thức và định hướng chung của Đại hội IV, đồng thời bước đầu có một số điều chỉnh về định hướng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về vận dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường...

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.523-524, 524, 508.

Những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta thời kỳ trước đổi mới tuy còn những hạn chế do hoàn cảnh lịch sử, song đó là những tiền đề lý luận rất quan trọng để Đảng kế thừa có chọn lọc, tiếp tục phát triển, từng bước hoàn thiện trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới.

Đại hội VI (năm 1986) là Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới. Đại hội nhận thức sâu sắc hơn tính tất yếu, lâu dài, khó khăn của thời kỳ quá độ; khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; xác định “*nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*”<sup>1</sup>. Đại hội chủ trương, sau Đại hội sẽ xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, xác định đây “là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội”<sup>2</sup>.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh năm 1991 đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.550, 375.

“- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”<sup>1</sup>.

Cương lĩnh năm 1991 xác định bảy phương hướng cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta là: (1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; (2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm; (3) Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.134.

chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; (4) Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; (5) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; (6) Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; (7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới, làm sáng tỏ hơn nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội khái quát tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa và xác định tám phương hướng cơ bản trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh này đã bổ sung, phát triển những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa*, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội*: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ám no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển

toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>1</sup>.

*Về những phương hướng cơ bản đi lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định:*

“*Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.*

*Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

*Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.*

*Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.*

*Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.*

*Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.*

*Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr. 70.*

*Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”<sup>1</sup>.*

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nhất là tổng kết 30 năm đổi mới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, các hội nghị Trung ương khóa XI, Đại hội XII và các hội nghị Trung ương khóa XII tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng rõ hơn những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được trình bày trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

*Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ khăng khít, biện chứng giữa các đặc trưng cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nội hàm của từng đặc trưng được bổ sung những nhận thức mới, phù hợp với tình hình mới, yêu cầu mới, nổi bật là nhận thức về vai trò là chủ, làm chủ của nhân dân; về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hiện đại hóa lực lượng sản xuất trên nền tảng khoa học - công nghệ gắn với quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; về vai trò là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển của văn hóa, vai trò chủ thể và trung tâm của con người; về đoàn kết dân tộc, sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa; về dân chủ và pháp quyền; về lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc trong quan hệ quốc tế...*

*Về những phương hướng cơ bản, Đảng đã có những nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.72.*

đại hóa trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược, phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hiện đại, hội nhập quốc tế. Đảng đã bổ sung nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và xây dựng con người; về đúc kết, phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh và giá trị của con người Việt Nam; về nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, thực hiện hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách, từng bước phát triển. Nhận thức về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được hoàn thiện trên cơ sở phát triển Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phương hướng thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế tiếp tục được bổ sung, phát triển gắn với yêu cầu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc; xử lý hiệu quả hợp tác và đấu tranh, đối tác và đối tượng. Phương hướng xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất được bổ sung những nhận thức mới về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Đảng nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, tăng cường phân cấp, phân quyền, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phương

hướng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được bổ sung nhận thức mới về xây dựng Đảng toàn diện: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; về xây dựng Đảng gắn với chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Từ đó có thể khẳng định lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được xác định. So với chủ nghĩa tư bản đây là sự khác biệt về chất. Nếu có gì gần giống thì có hai vấn đề: (1) Đó là phát triển nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là thành tựu văn minh của nhân loại, được phát triển mạnh trong chủ nghĩa tư bản. Chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền cũng là thành tựu của nhân loại. Chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ đó có thể khẳng định Việt Nam không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng từng bước được hiện thực hóa. Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. Đến năm 2020, GDP ước 268,4 tỷ USD và GDP bình quân đầu người ngày càng tăng: năm 1945 đạt 35 USD, năm 1975 đạt 8 USD, năm 1985 đạt 159 USD, năm 1990 đạt 182 USD, đến năm 2020 ước đạt 2.750 USD. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19

tác động lớn đến Việt Nam, gây ra nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nhờ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Việt Nam đã kiểm soát thành công đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh; ổn định đời sống nhân dân. Nhân dân tin Đảng, tin Nhà nước, tin chế độ xã hội chủ nghĩa.

## **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG VIỆT NAM KHÔNG CÓ DÂN CHỦ, NHÂN QUYỀN, KHÔNG CÓ TỰ DO NGÔN LUẬN, TỰ DO TƯ TƯỞNG, ĐÀN ÁP MẠNG XÃ HỘI**

Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, Hiến pháp, pháp luật, chính sách của Nhà nước, đấu tranh phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”; ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ của Đảng, xây dựng sự thống nhất về tư tưởng và đồng thuận trong xã hội là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Do đó, việc đưa ra những luận cứ xác đáng nhằm phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, đàn áp mạng xã hội có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

### **1. Các quan điểm sai trái cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, đàn áp mạng xã hội**

Sự phát triển mạnh mẽ về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, cùng với nó là những khó khăn, thách thức do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh

tế - tài chính toàn cầu, những vấn đề phức tạp về tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, đặc biệt là trên Biển Đông và tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp. Trước những vấn đề khó khăn và phức tạp đó, các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do ngôn luận”..., ráo riết đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng nước ta. Theo đó, các phần tử cơ hội chính trị ở trong nước đã liên kết với các phần tử cơ hội ở nước ngoài để đưa ra những luận điệu chống phá Đảng, Nhà nước, thông qua việc đưa lên mạng Internet những thông tin sai sự thật, bịa đặt, vu khống, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hòng làm xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước. Do đó, cần phải nhận thức đúng các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, từ đó có luận cứ, luận chứng một cách khoa học để phản bác lại các quan điểm sai trái đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Một là, về vấn đề dân chủ, nhân quyền.** Các phần tử cơ hội chính trị và chống đối cho rằng, ở Việt Nam không có dân chủ vì thực hiện chế độ nhất nguyên, nhất đảng nên sẽ là vừa đá bóng, vừa thổi còi và vì thế dẫn đến dân chủ hình thức hoặc mất dân chủ. Các tổ chức dân chủ phương Tây đã và đang tìm mọi phương cách áp đặt các “tiêu chuẩn nhân quyền” kiểu phương Tây vào Việt Nam; đồng thời ra sức tung tin bịa đặt, nào là “Việt Nam thiếu văn hóa dân chủ, không có dân chủ, hạn chế quyền riêng tư của công dân”, nào là “Việt Nam vi phạm nghiêm trọng quyền con người”,...

Theo đó, để thực hiện được cái gọi là “dân chủ”, một số thế lực ở các nước phương Tây còn bổ sung thêm chiêu bài “nhân quyền”, với những luận điệu xấu độc và các bước thực hiện đầy toan tính, nhằm lèo lái Việt Nam đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, theo con đường tư bản chủ nghĩa. Triển khai theo chủ đích đó, họ thực hiện chiêu bài về tự do, dân chủ, hợp tác, ngoại giao thân thiện cùng các hình thức hợp tác khác như: “tự do thương mại”, “hợp tác giáo dục - đào tạo”, “hợp tác phát triển khoa học - công nghệ”... Đích cuối cùng của họ đối với vấn đề “dân chủ” ở Việt Nam là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới thực hiện chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập để đi đến xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vấn đề mấu chốt trong học thuyết “dân chủ, nhân quyền kiểu phương Tây cần áp dụng đối với Việt Nam” là xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với cách mạng Việt Nam. Như vậy, chiêu bài “dân chủ” suy đến cùng là mục đích phá hoại Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Về vấn đề “dân chủ”, luận điệu mà một số nước phương Tây cố tình gán cho chúng ta là việc “vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo”. Họ vu khống, tuyên truyền rằng Đảng Cộng sản Việt Nam không có năng lực lãnh đạo cách mạng, không có khả năng đem lại cuộc sống hòa bình, ấm no, tự do, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc và tôn giáo. Với cách lập luận đó, chúng lôi kéo, kích động những phần tử chống đối, bất mãn trong các tôn giáo đứng lên chống đối Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, nhằm gây rối, ảnh hưởng đến an ninh,

trật tự xã hội, phá vỡ môi trường hòa bình ổn định của đất nước. Không dừng lại ở đó, lợi dụng vấn đề dân chủ, các phần tử chống đối còn tìm cách khôi phục lại các giáo phái đã bị đào thải trong lịch sử, cũng như phục hồi hoạt động của các tổ chức trá hình tôn giáo ở Việt Nam... Đồng thời, tuyên truyền chia rẽ khôi đoàn kết thống nhất trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Với âm mưu thâm độc phủ nhận con đường cách mạng Việt Nam đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Về vấn đề nhân quyền*, một luận điệu mà các thế lực chống đối thường rêu rao là “đa đảng là dân chủ, độc đảng là độc tài”; “Việt Nam phải đa đảng đổi lập để có dân chủ thực sự”; “muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện đa nguyên, đa đảng”... Các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam “không chịu đổi mới về chính trị”. Sai lầm của họ là đồng nhất “đa nguyên, đa đảng” với “đổi mới chính trị”, và kết luận chủ quan là: “Độc tài, đảng trị là cái gốc sai chính của nhà cầm quyền Việt Nam hiện tại”. Từ đó, họ đưa ra “lời khuyên” rằng, “Đảng chỉ nên giữ vai trò lãnh đạo chính trị, không nên và không thể lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối”. Với cách lập luận đó, họ cho rằng chỉ có mô hình dân chủ đa đảng và kinh tế thị trường mới đem lại dân chủ và nhân quyền, còn lại đều là vi phạm nhân quyền.

Nhằm thực hiện mưu đồ của mình, họ đưa ra học thuyết: “nhân quyền cao hơn chủ quyền” với ý đồ can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác bằng mọi giá. Vấn đề nhân quyền cũng được các nước phương Tây gắn kèm với vấn đề tôn giáo,

dân tộc. Họ vừa vận động, vừa dùng sức mạnh để ép Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc thông qua các nghị quyết về tình trạng vi phạm nhân quyền ở Việt Nam, để từ đó có cớ can thiệp vào Việt Nam, như là yêu cầu thay đổi Hiến pháp, sửa đổi các điều luật mà họ cho rằng không phù hợp với luật pháp quốc tế... Các yêu sách, biện pháp mà phương Tây yêu cầu thực chất là can thiệp vào công việc nội bộ của ta và vấn đề dân chủ, nhân quyền luôn gắn liền với các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa, pháp luật của Việt Nam.

Như vậy, tất cả các luận điệu của các thế lực thù địch đều hướng đến chống chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy và hướng đến sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới sự tác động của nguồn vốn và hàng hóa phương Tây; kích động, chia rẽ khói đại đoàn kết toàn dân tộc và tâm lý sinh ngoại, chạy theo lợi ích vật chất, hỗ trợ các thành phần kinh tế tư bản, tư nhân nhằm lấn át, làm lu mờ kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường; cổ súy, lôi kéo những trường hợp suy thoái về đạo đức, lối sống, dẫn đến suy thoái về chính trị, tư tưởng, ảnh hưởng đến thanh danh và sức chiến đấu của Đảng.

***Hai là, về vấn đề tự do ngôn luận, tự do tư tưởng.*** Về vấn đề này, đã có những tổ chức báo chí và cá nhân cho rằng: Việt Nam “không có tự do ngôn luận, tự do báo chí”; “Việt Nam kiểm soát và bóp nghẹt quyền tự do báo chí, tự do Internet”; Hà Nội “bắt bớ nhiều blogger”... Điển hình như: báo cáo nhân quyền thế giới hàng năm của Anh, Ôxtrâylia; nghị quyết của Nghị viện EU; báo cáo thường niên, thông cáo báo chí của các tổ chức quốc tế; báo cáo của

tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF), của Ủy ban bảo vệ nhà báo (CPJ)... Hiện nay, mặc dù không thể không thừa nhận Việt Nam đã có tiến bộ về dân chủ, nhân quyền, nhưng họ vẫn vu cáo Nhà nước ta vi phạm “tự do báo chí”, “đàn áp, bắt giữ trái phép các blogger”... Với mưu đồ làm sai lệch tình hình ở Việt Nam trong cộng đồng quốc tế để hạ thấp uy tín của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế và để dễ bê can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta.

Các thủ đoạn tuy không mới nhưng thâm độc như xuyên tạc khái niệm tự do báo chí. Trong khi họ trích dẫn các quy định về luật pháp quốc tế và của Việt Nam về tự do báo chí, nhưng lại cố tình bỏ qua những quy định và điều khoản nghĩa vụ kèm theo rồi phát tán lên mạng xã hội làm cho nhiều người hiểu lầm rằng “tự do báo chí” là một quyền tuyệt đối, không có bất cứ một hạn chế nào. Rồi thông qua các thủ đoạn tinh vi của chúng tác động đến Quốc hội Mỹ và các nước phương Tây, các tổ chức quốc tế để đưa ra các báo cáo, các nghị quyết xuyên tạc về tình hình dân chủ, nhân quyền, tự do báo chí ở Việt Nam; nhằm vu cáo Việt Nam “vi phạm tự do ngôn luận, tự do báo chí”. Ngoài ra, lợi dụng việc tự do ngôn luận, tự do báo chí, một số phần tử đã thành lập các diễn đàn trên mạng xã hội để lôi kéo các phần tử chống đối, tập hợp lực lượng chống Đảng và Nhà nước ta.

**Ba là, về vấn đề đàn áp mạng xã hội.** Hiện nay, một số phần tử cho rằng ở Việt Nam không có tự do thông tin, tự do mạng xã hội, ở Việt Nam mạng xã hội bị kiểm duyệt gắt gao. Và đến khi chúng ta chính thức ra mắt mạng Lotus, một mạng xã hội của Việt Nam, thì nhiều đối tượng lại điên

cuồng chống phá, cho rằng dùng mạng xã hội “Made in Việt Nam”: Như tự sắm dây trói mình(!). Trong một số bài viết này, chúng đã sử dụng những luận điệu xuyên tạc “cũ rích” về tình hình tự do thông tin, tự do Internet, mạng xã hội ở Việt Nam nhằm mục đích chống phá nền dân chủ, công kích vào chế độ chính trị - xã hội ở Việt Nam.

## **2. Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, đàn áp mạng xã hội**

**Một là, về vấn đề dân chủ.** Chúng ta khẳng định dứt khoát không thể chấp nhận cái “dân chủ” mà các thế lực thù địch muốn áp đặt cho chúng ta. Bởi vì, dân chủ gắn liền với tiến bộ xã hội và sự phát triển của lịch sử qua các chế độ xã hội và thời đại khác nhau. Theo đó, dân chủ xuất hiện khi có Nhà nước và mỗi nền dân chủ phải gắn với một Nhà nước nhất định, được pháp luật của Nhà nước đó quy định. Dân chủ mà con người có được là quá trình phát triển, mà kết quả trực tiếp của nó chính là thông qua đấu tranh giai cấp, đấu tranh xã hội, để giải phóng con người.

Như vậy, chừng nào xã hội còn có giai cấp thì dân chủ trong xã hội đó mang tính giai cấp sâu sắc và trong khung khổ pháp luật của xã hội đó, không có thứ dân chủ phi giai cấp, mọi luận điệu phủ nhận vấn đề này đều chỉ là sự lừa phỉnh mà thôi. Mọi hoạt động trong xã hội, kể cả dân chủ, không thể tách rời khỏi mảnh đất hiện thực của xã hội đó, trái lại nó phụ thuộc chặt chẽ vào nền tảng kinh tế, văn hóa, xã hội và trình độ dân trí của xã hội đó. Về điều này, C. Mác

đã chỉ rõ: “Quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định”<sup>1</sup>.

Theo lịch sử phát triển của xã hội loài người thì rõ ràng, sự ra đời của Nhà nước tư sản đánh dấu một nấc thang phát triển về dân chủ so với dân chủ phong kiến, nhưng nền dân chủ đó cũng không vượt ra ngoài cái nền tảng kinh tế của xã hội đó. Nên toàn bộ thiết chế của nền dân chủ tư sản, từ việc tổ chức nhà nước đến các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện đều chỉ nhằm mục đích cao nhất là bảo vệ sự thống trị của giai cấp tư sản, bảo vệ quyền sở hữu, lợi ích của giai cấp tư sản; toàn bộ bộ máy chính quyền đó đều hướng đến việc chống lại tư tưởng tự do, dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Còn trong xã hội xã hội chủ nghĩa, với tính cách là một nấc thang phát triển cao hơn xã hội tư bản, dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa khác hẳn về chất so với dân chủ trong xã hội tư bản. Nên dân chủ đó, lấy tiêu chí cốt lõi để khẳng định bản chất nhà nước của mình đó là nhân dân là chủ và làm chủ. Theo đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên những nội dung cốt lõi là: nền dân chủ của nhân dân lao động, vì nhân dân lao động, thể hiện ở việc bảo vệ quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của nhân dân lao động; thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự do được bảo đảm về mặt pháp lý để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; có nội dung toàn diện, thể hiện trên tất

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, 1995, t.19, tr.36.

cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ý thức - tư tưởng, trong đó nổi bật là sự tham gia một cách bình đẳng và ngày càng rộng rãi của những người lao động vào công việc quản lý nhà nước và xã hội thông qua hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Nhìn từ bản chất của hai nền dân chủ, rõ ràng dân chủ xã hội chủ nghĩa ưu việt hơn, đem lại quyền lợi, lợi ích cho đại bộ phận nhân dân lao động, nên sự lựa chọn của Việt Nam là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, là điều không cần phải tranh luận và bàn cãi.

Dân chủ là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước. Vì vậy, chúng ta phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hoàn thiện hệ thống pháp luật,... là quá trình hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Hoàn toàn sai lầm khi cho rằng, phải có đa đảng mới có “dân chủ và phát triển”. Dân chủ không đồng nghĩa với đa nguyên, đa đảng mà nó hoàn toàn phụ thuộc vào bản chất của chế độ xã hội; do đó, thể chế nhất nguyên một đảng lãnh đạo hoàn toàn không đồng nghĩa với mất dân chủ, kém phát triển và kém dân chủ. Thực tiễn hiện thực nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay cho thấy, đa đảng nhưng vẫn mất dân chủ, vẫn là những nước nghèo, kém phát triển. Trong khi, nhiều quốc gia chỉ có một đảng lãnh đạo, nhưng dân chủ được bảo đảm, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được bảo đảm, nhân dân cảm thấy hạnh phúc. Điều đó là bằng chứng hùng hồn, khẳng định đa nguyên, đa đảng không phải là cứu cánh cho dân chủ và sự phát triển.

**Hai là, về vấn đề nhân quyền.** Thực chất vấn đề nhân quyền mà các thế lực thù địch đang không ngừng rêu rao, chống phá ta đó chính là phủ nhận con đường, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Từ đó, đi đến phủ nhận nền tảng tư tưởng và vai trò độc tôn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi hoạt động coi trọng “dân chủ, nhân quyền, nhân đạo” theo các giá trị của các nước tư bản phương Tây để áp đặt vào Việt Nam chỉ là giả tạo, thực chất là vì lợi ích của các nước phương Tây chứ không phải vì sự tiến bộ và phát triển của Việt Nam. Vì bản chất nhân đạo, nhân văn của nó được tự thể hiện rõ trong bản chất của chế độ xã hội, chứ không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của những phần tử chống đối.

Minh chứng to lớn mà bạn bè quốc tế đã thừa nhận đó chính là thành quả mà chúng ta đạt được sau 35 năm đổi mới đất nước. Diện mạo trên tất cả các lĩnh vực của chúng ta đã thay đổi và có sự phát triển mới, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Số liệu thống kê cho thấy, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô và mở rộng tín dụng. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng năng suất lao động. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng bình quân từ 33,6% giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 44,3% trong giai đoạn 2016-2020. Tính chung 10 năm 2011-2020 đạt 39,3%, vượt mục tiêu chiến lược đề ra (35%).

Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3%/năm, giai đoạn 2016-2020 đã tăng lên 5,8%/năm. Đặc biệt năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao kỷ lục trong 10 năm, đạt trên 7% nhưng tăng trưởng tín dụng chỉ đạt dưới 14% so với mức 17-18% của các năm trước đó. Những số liệu này cho thấy, nền kinh tế của chúng ta đang có sự chuyển dịch về mô hình tăng trưởng và sự thăng tiến cao hơn về chuỗi giá trị.

Những đổi thay của đất nước sau 45 năm thống nhất đất nước là không thể phủ nhận, điều này được bạn bè quốc tế và cả những người Mỹ đã từng là cựu binh tham chiến tại Việt Nam chứng kiến, khẳng định. Mặc dù đời sống của nhân dân chưa thực sự khá giả, chúng ta còn nhiều điều phải làm, nhưng chúng ta có môi trường chính trị - xã hội ổn định, cuộc sống thật sự hòa bình, ấm no, tự do, trật tự, an toàn, an ninh tốt, nhân dân thật sự là chủ nhân của đất nước. Quyền con người được Hiến pháp, pháp luật thừa nhận, điều này phản ánh rõ tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã lựa chọn. Bản chất tốt đẹp của chế độ ta đã đem lại quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ta, đây là điều hơn hẳn những người tự cho mình cái quyền đi phán xét, ban phát dân chủ, nhân quyền cho nước khác, nhưng ở ngay trên quê hương họ, tệ nạn xã hội còn nhiều, nạn khủng bố, giết người vô cớ liên tục diễn ra, biếu tình, bối công là chuyện thường ngày, tình trạng phân biệt giàu nghèo diễn ra mạnh mẽ... Phải chăng như thế là tự do, dân chủ, là có nhân quyền?

Chăm lo cho đất nước được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành là thực hiện ước mong cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là mệnh lệnh của cuộc sống, cho dù các thế lực thù địch có bịa đặt, xuyên tạc thế nào đi chăng nữa. Đó là đạo lý, là lẽ sống giản dị, chân tình của người dân Việt Nam tin yêu đi theo Đảng. Xin ai đó đừng giả danh đạo đức, nhân đạo để thực hiện âm mưu đen tối của mình làm những điều phi nhân tính. Xin hãy đừng lên lớp về “dân chủ, nhân quyền” này nọ để mưu đồ áp đặt giá trị của phương Tây vào Việt Nam, mà hãy đến thăm đất nước, con người Việt Nam với những thành tựu to lớn sau 35 năm đổi mới.

**Ba là, về vấn đề tự do ngôn luận, tự do tư tưởng.** Quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng của người dân đến đâu hoàn toàn phụ thuộc vào chế độ dân chủ của xã hội đó, không bao giờ tách rời xã hội. Do đó, không thể có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng ở một quốc gia mất dân chủ, hoặc bị bóc lột, bị thống trị bởi nước khác. Từ khi giành được độc lập dân tộc năm 1945 đến nay, Việt Nam đã không ngừng xây dựng, củng cố và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa. Theo đó, quyền con người, quyền công dân trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng được bảo đảm bằng luật pháp, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước và thông lệ quốc tế.

Trong các bản Hiến pháp của Việt Nam trước đây, đặc biệt là Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đều có những hiến định về tự do ngôn luận, tự do

tự tưởng và khẳng định đây là một quyền cơ bản của con người, của mọi công dân. Điều 25 Hiến pháp năm 2013, ghi rõ: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Để bảo đảm cho quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí của mọi công dân được thực thi trong cuộc sống theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội Việt Nam đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, như: Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Luật Báo chí năm 2016; Luật Tiếp cận thông tin năm 2016..., hoàn toàn tương thích về mặt luật định đối với các văn kiện quốc tế về quyền con người, quyền tự do ngôn luận, báo chí. Trên thực tế, không chỉ ở Việt Nam mới có một số chế tài đối với hành vi lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí để vi phạm pháp luật, mà ở Mỹ, Đức, Pháp, Hàn Quốc, Xingapo,... đều có luật và điều khoản luật xử lý nghiêm khắc hành vi này.

Khẳng định Việt Nam luôn bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng bằng việc Đảng, Nhà nước và nhân dân luôn quan tâm đến báo chí, nên *báo chí cách mạng Việt Nam có sự phát triển vượt bậc về quy mô, loại hình, công nghệ, chất lượng nội dung, hình thức và hiệu quả thông tin*. Hiện nay, Việt Nam đã có đầy đủ các loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử). Các tờ báo ở Việt Nam đều bảo đảm tự do ngôn luận, đều được quyền thông tin; quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng luôn được thực hiện hiệu quả.

Các cơ quan báo chí đã làm tốt việc truyền đạt các thông tin, mọi chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, cũng như các mặt xã hội đến với nhân dân. Đồng thời, thông qua báo chí nhân dân cũng có diễn đàn để trình bày những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của mình đối với Đảng, Nhà nước và phản biện, đề xuất những ý kiến tâm huyết với Đảng và Nhà nước.

Những năm qua báo chí thể hiện được quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng của mình với phương châm “trung thực, tuân thủ pháp luật, vì nước, vì dân” và quy định về đạo đức nghề nghiệp; những người làm báo luôn theo sát đời sống của nhân dân. Kịp thời cổ vũ công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc; mặt khác, báo chí cũng luôn tích cực đấu tranh với các biểu hiện sai trái, tiêu cực trong xã hội; đã góp tiếng nói quan trọng vào việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cũng như là cầu nối quan trọng với bạn bè quốc tế. Bức tranh hiện thực về việc bảo đảm *quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng* ở Việt Nam là thực tế khách quan không ai có thể phủ nhận được.

**Bốn là, về vấn đề đàn áp mạng xã hội.** Có phải ở Việt Nam mạng xã hội không được hoạt động tự do và bị đàn áp không, đây là thông tin hoàn toàn bịa đặt nhằm kích động, chia rẽ trong xã hội, tạo cơ để các thế lực bên ngoài can thiệp vào nước ta. Vì thực tế, ở Việt Nam mạng xã hội bắt đầu du nhập vào từ những năm 2000 dưới hình thức các

trang nhật ký điện tử (blog). Đến nay, có khoảng hơn 300 trang mạng xã hội khác nhau *đã đăng ký hoạt động* và có khoảng trên 35 triệu tài khoản đang hoạt động. Trong đó, Facebook là mạng xã hội phổ biến nhất vì nhờ có thiết kế thuận lợi cho người sử dụng khi tạo lập tài khoản cá nhân, cũng như những tính năng trao đổi thông tin, bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân với những người cùng nhóm, cùng sở thích... nên đã thu hút được nhiều thành viên tham gia. Tiếp sau Facebook là các trang MySpace và Twitter, các blog (nổi bật ở nội dung đăng tải, như nội dung dài hơn và có độ chuyên sâu về một vấn đề cụ thể)...

Với cơ chế hoạt động của mạng xã hội có tính chất tương tác cao, “cư dân mạng” dễ dàng chia sẻ những thông tin cá nhân với nhau, nên đã thu hút số người tham gia ngày càng đông, trong đó có giới trẻ. Điều này đã tạo ra những mặt thuận lợi cho mọi thành viên khi tham gia mạng xã hội, đó là có thể chia sẻ cũng như tìm kiếm những thông tin cần thiết phục vụ nhu cầu hoạt động riêng của mỗi người. Tuy nhiên, bên cạnh những thông tin chính thống, bổ ích, có tính giáo dục, còn có các thông tin không chính thống, sai sự thật, xuyên tạc, cổ súy cho lối sống lệch chuẩn cũng được đưa lên mạng xã hội với các mục đích khác nhau. Do đó, mạng xã hội đã và đang trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch lợi dụng tiến hành phá hoại tư tưởng; *làm gia tăng nguy cơ lộ lọt bí mật nhà nước và mạng xã hội tác động tiêu cực đối với sự phát triển văn hóa*, nguy cơ làm xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy, cùng với việc phát triển mạng xã hội, cần

phải có sự quản lý để phát huy tốt nhất những mặt tích cực mà mạng xã hội mang lại.

Các thế lực thù địch với cách nhìn phiến diện cho rằng, ở Việt Nam mạng xã hội bị đàn áp và mạng xã hội không có tự do thông tin, người dùng mạng xã hội không được bày tỏ chính kiến, suy nghĩ của mình... Đây là thông tin hoàn toàn bịa đặt và sai sự thật, bởi vì Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán chủ trương, chính sách tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của con người, trong đó có quyền tự do thông tin, tự do Internet. Thực tế, chúng ta đạt được những thành tựu kỳ diệu trong phát triển kinh tế như ngày nay, một phần là nhờ chúng ta tận dụng tốt cơ hội từ Internet, chính điều kiện phát triển tự do về Internet và mạng xã hội đã góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển đất nước; điều này đã là “một phần tất yếu” của các tầng lớp xã hội.

Thông qua các trang mạng xã hội, người dân có thể bày tỏ thông tin và chính kiến của mình; không những thế còn có nhiều cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương đã sử dụng Internet, mạng xã hội để làm việc, giải quyết các thủ tục hành chính và liên hệ trực tiếp với người dân... Những việc đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ ở Việt Nam đã chứng minh rằng ở Việt Nam không có chuyện đàn áp mạng xã hội, mà trái lại còn được Đảng, Nhà nước bảo đảm sự phát triển tự do. Thực hiện quyền tự do Internet, mạng xã hội luôn được đặt trong khung khổ pháp luật. Nhờ đó mới bảo đảm an ninh mạng, phòng ngừa,

ngăn chặn các hoạt động lợi dụng mạng xã hội, Internet để vi phạm pháp luật Việt Nam. Theo đó, trong thời gian qua, Nhà nước Việt Nam đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như: ban hành các văn bản pháp luật, triển khai công tác phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các đối tượng có hoạt động lợi dụng Internet, mạng xã hội vi phạm pháp luật. Điều này là hoàn toàn phù hợp và không chỉ ở Việt Nam mà nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện như vậy. Ngay ở Mỹ, quốc gia tự cho mình là “đất nước tự do”, Quốc hội nước này đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm xử lý, ngăn chặn việc lợi dụng Internet, mạng xã hội để khủng bố, kích động bạo lực hay vi phạm sở hữu trí tuệ... Do đó, ở Việt Nam không hề có chuyện đàn áp mạng xã hội, hay tra tấn trái pháp luật bất kỳ blogger nào. Rõ ràng đằng sau những thông tin bịa đặt đó là âm mưu chính trị của các thế lực thù địch nhằm kích động chia rẽ khôi đại đoàn kết toàn dân tộc và phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta.

Nhận rõ các quan điểm sai trái cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, đàn áp mạng xã hội và đưa ra các luận cứ khoa học để phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái đó là việc làm cần thiết và có ý nghĩa. Đồng thời, qua đó cũng tự xem lại chính mình, xem lại chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước chỗ nào chưa thực hiện tốt, chỗ nào chưa phù hợp để từng bước hoàn thiện, nhằm thực sự đem lại quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho nhân dân. Điều này, hoàn toàn đúng với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “... Đảng

cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí”<sup>1</sup>, “Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khoẻ vô cùng”<sup>2</sup>. Cùng với hoạt động tự phê bình và phê bình đòi hỏi phải không ngừng đổi mới công tác tư tưởng lý luận trong tình hình mới.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.34; t.5, tr.279.

**LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG  
CŨNG NHƯ CÁC ĐẠI HỘI TRƯỚC, CÁC QUAN ĐIỂM  
TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG  
VẪN LÀ SỰ SAO CHÉP NHỮNG LÝ THUYẾT ĐÃ LỖI THỜI,  
BẢO THỦ, THIẾU SỰ ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO**

**1. Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch**

Hiện nay, Đảng ta đang tích cực triển khai chuẩn bị điều kiện tốt nhất cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng là tổ chức thảo luận lấy ý kiến đóng góp của nhân dân vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội. Lợi dụng không khí dân chủ đó, các thế lực thù địch, phản động và một số phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất đã đưa ra những luận điểm xấu độc để chống phá. Luận điệu chung của chúng là: Cũng như các Đại hội trước, các quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vẫn là sự sao chép những lý thuyết đã lỗi thời, bảo thủ, thiếu sự đổi mới, sáng tạo. Cụ thể hơn, chúng cho rằng Đảng không có vai trò gì đối với đất nước và dân tộc; các Đại hội của Đảng từ trước đến nay toàn dựa trên những lý thuyết chung chung đã hết sức lỗi thời, không còn phù hợp với điều kiện hiện nay; quan điểm của Đảng trong các văn

kiện đại hội đều thể hiện sự bảo thủ, thiếu sự đổi mới, sáng tạo; quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng vậy, chẳng có gì mới hơn so với trước.

Cần khẳng định rằng, những quan điểm sai trái, thù địch nêu trên chẳng có gì mới và thường diễn ra trước mỗi kỳ Đại hội của Đảng. Có khác chăng là bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ cùng với sự bùng nổ của mạng Internet; đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và không ít những khó khăn, thách thức đan xen. Đây chính là thời điểm dễ nảy sinh những nhận thức khác nhau và các luận điệu phản động đang được khuấy động trên những án phẩm phản động và trên không gian mạng. Để có cơ sở vững chắc phản bác các quan điểm đó, cần phải dựa trên những luận cứ xác thực sau:

## **2. Luận cứ khẳng định vị trí, vai trò của Đảng đối với đất nước, dân tộc**

Như chúng ta đã biết, lịch sử phát triển của xã hội loài người từ khi có giai cấp là lịch sử của các cuộc đấu tranh giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng của nhân loại là đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh gay go và quyết liệt này, giai cấp vô sản muốn chiến thắng được giai cấp tư sản, nhất định phải tổ chức được đội ngũ tiên phong là bộ tham mưu để lãnh đạo giai cấp và cả dân tộc. Các đảng cộng sản trên thế giới được lập ra để lãnh

đạo cuộc đấu tranh ấy thường được “sinh thành” từ phong trào công nhân kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đối với nước ta, từ điều kiện lịch sử cụ thể của chế độ thuộc địa, nửa phong kiến, Đảng Cộng sản Việt Nam được lập ra là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sứ mệnh lịch sử của Đảng không chỉ là thủ tiêu chế độ người bóc lột người, mà còn lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, trong tố chất cấu thành của Đảng ta có cả tính giai cấp sâu sắc và tính dân tộc đặc thù. Đảng Cộng sản Việt Nam là con nòi của dân tộc. Vì thế, khác với hầu hết các đảng của giai cấp công nhân ở các nước khác chỉ coi đảng cộng sản là đảng của những người công nhân cùng chí hướng; ở nước ta, như một lẽ đương nhiên, tất cả nhân dân thuộc mọi tầng lớp, mọi giai cấp, mọi lứa tuổi đều gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng ta, Đảng của chúng ta, coi như của chính mình và của cả dân tộc mình. Nhận thức đó không phải là trực giác mà chính là sự thấm nhuần một cách sâu sắc qua những điều đã được kiểm nghiệm trong lịch sử nước ta từ khi có Đảng.

Hơn 90 năm đã trôi qua kể từ ngày thành lập Đảng, một Đảng của trí tuệ và niềm tin, kiên cường phấn đấu vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc và sự phát triển không ngừng của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến bước mạnh mẽ và vững chắc trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

So với lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc, hơn 90 năm chỉ là một giai đoạn ngắn, nhưng đó là những năm tháng hào hùng, sôi động và đẹp đẽ nhất, đưa nhân dân ta từ bóng tối ra ánh sáng, từ kiếp nô lệ thành người tự do, từ kẻ mất nước thành người làm chủ, từ đói nghèo, lạc hậu đến cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Ôn lại chặng đường lịch sử hơn 90 năm, chúng ta càng thấy việc Đảng ta ra đời là một tất yếu của lịch sử. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh dũng bất khuất, đã từng chiến thắng nhiều đế quốc phong kiến hung hãn. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào yêu nước đã dấy lên hết sức mạnh mẽ. Liên tiếp nổ ra các cuộc nổi dậy trên khắp mọi miền đất nước, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, các bậc sĩ phu, kể cả một bộ phận quan lại phong kiến: các phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du; các cuộc khởi nghĩa Yên Thế, Yên Bai và hàng chục cuộc đấu tranh khác đều bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp và bị dìm trong biển máu. Điều đó chứng tỏ rằng, vốn là nhân dân ta giàu lòng yêu nước, có truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm, sẵn sàng tham gia quên mình vào các phong trào yêu nước; còn các bậc sĩ phu, các nhà lãnh đạo các phong trào chống thực dân Pháp đều có trí dũng, tài cao, không thiếu mưu lược, nhưng cả giai cấp phong kiến và đại diện cho thế lực tư sản lúc đó đều không giải quyết được vấn đề dân tộc, không chọn đúng con đường giải phóng dân tộc và hướng đi cho đất nước ta.

Nhưng rồi chính lịch sử đã có lời giải đáp. Chủ nghĩa Mác ra đời đã vạch ra điều tất yếu từng bị che lấp bởi màn

sương mù trong lịch sử. Chủ nghĩa Mác khẳng định chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bằng một chế độ tốt đẹp hơn - chế độ cộng sản chủ nghĩa không có người bóc lột người và người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản chính là giai cấp những người cần lao. Rồi chính vào lúc chủ nghĩa tư bản thế giới đang cực thịnh thì Cách mạng Tháng Mười Nga đã nổ ra. Sự đột phá của Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu cho một xu thế mới của lịch sử thế giới, xu thế chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa tư bản và tạo ra làn sóng giải phóng dân tộc với quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng có; tạo ra hướng đi mà các dân tộc bị áp bức có thể lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường đã dội vào và thấm sâu trong mảnh đất Việt Nam - nơi mà chính sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản thực dân đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm một việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng mà thôi. Hơn ai hết, chính Nguyễn Ái Quốc là người gieo hạt, gây mầm cách mạng Việt Nam. Với kỳ công và bản lĩnh thiên tài của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành một tất yếu và đưa tới một sự kiện trọng đại: Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng đã tuyên bố trong Chánh cương văn tắt của mình: "... chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Một cách tự nhiên là sau lời tuyên bố bất hủ ấy và tiếp đó là những sáng tạo vượt bậc của Đảng ta, được

nhân dân ta đồng tâm hiệp lực, chủ nghĩa xã hội được xác định là mục tiêu và con đường đất nước ta đi tới; đồng thời đó chính là động lực thúc đẩy lịch sử dân tộc ta, trở thành giá trị phát triển của Việt Nam.

Thời gian là đá thử vàng. Hơn 90 năm qua là giai đoạn đặc biệt của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, là thời gian mà đất nước phải chấp nhận và vượt qua những thách thức to lớn, có lúc hiểm nghèo. Nhưng mỗi lần vượt qua thử thách là mỗi lần dân tộc Việt Nam tự vươn lên tạo dựng những mốc son lịch sử đánh dấu những thắng lợi vẻ vang.

Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên của Đông Nam Á còn hết sức non trẻ. Trong hoàn cảnh nền kinh tế - tài chính quốc gia kiệt quệ, giặc đói, giặc dốt hoành hành, lại thêm thù trong giặc ngoài quấy đảo với sức mạnh và ý đồ tưởng chừng có thể xóa bỏ trong chốc lát chính quyền cách mạng, nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua ghênh thác, lướt sóng đi lên.

Đó là chiến thắng lẫy lừng của hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, gian khổ, chiến đấu chống những thế lực thực dân đế quốc hung bạo, làm nên một “Điện Biên Phủ chấn động địa cầu”; “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chiến thắng hai cuộc Chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc;

đưa dân tộc ta vững bước trong kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đó là thành tựu vô cùng to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc đủ sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và bình ổn đất nước.

Đó là những thành tựu quan trọng đầy ấn tượng của công cuộc đổi mới toàn diện đời sống đất nước. Trong điều kiện vô cùng khó khăn do sự bao vây, cấm vận của chủ nghĩa đế quốc và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, đất nước ta không những đứng vững mà còn phát triển, chính trị - xã hội ổn định, nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng và tiến bước vững chắc, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thành quả của sự nghiệp đổi mới đã tạo ra thế mới, lực mới và một cơ đồ vững chắc, tươi sáng cho đất nước ta.

Đó là thắng lợi to lớn trong các quan hệ đối ngoại, mở cửa và hội nhập quốc tế. Quan hệ quốc tế của nước ta ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước lớn và các trung

tâm lớn của thế giới, các bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng. Những năm gần đây, với việc tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, là thành viên tích cực của các tổ chức và thể chế quốc tế, đảm đương tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, đóng góp đáng kể vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN..., vị thế của nước ta trên thế giới ngày càng được nâng cao, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong hơn 90 năm qua là minh chứng hùng hồn về sức mạnh kỳ diệu của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó càng khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công của cách mạng. Đảng ta là cội nguồn của sức mạnh dân tộc và Đảng đã kết hợp đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, biết quý trọng và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đưa đất nước vươn lên.

Hơn 90 năm có Đảng là chặng đường vinh quang đầy ắp niềm tin yêu của tình dân, nghĩa Đảng. Đảng được nhân dân gắn bó như một lẽ đương nhiên. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng khởi xướng luôn đi tới thắng lợi, bởi có nhân dân tham gia, nhân dân đồng tình hưởng ứng. Chất keo gắn bó nhân dân với Đảng ngày càng bền chặt trở thành xung lực của cách mạng, thể hiện phẩm chất nhân văn,

phẩm chất trí tuệ của Đảng và sự cao quý vô cùng của lòng dân. Lý tưởng cao đẹp và mục tiêu phấn đấu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là hạnh phúc muôn đời của dân tộc ta, nhân dân ta.

### **3. Luận cứ về tính khoa học, đúng đắn, sáng tạo và ý nghĩa thực tiễn trong các văn kiện của Đảng qua 12 kỳ Đại hội**

Một trong những phương thức lãnh đạo quan trọng của Đảng chính là lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, nghị quyết. Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, văn kiện, nghị quyết của các kỳ Đại hội và các kỳ họp của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cương lĩnh là văn kiện quan trọng nhất của Đảng, là ngọn cờ chỉ đường, định hướng và hiệu triệu toàn Đảng, toàn dân thực hiện trong một thời gian dài khoảng vài thập kỷ. Các văn kiện của các kỳ Đại hội và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xác định đường lối, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp trong từng thời gian nhất định. Để có luận cứ vững chắc về tính khoa học, sáng tạo trong các văn kiện của Đảng, có thể nhìn lại các kỳ Đại hội Đảng.

Đại hội lần thứ I của Đảng (Đảng Cộng sản Đông Dương) diễn ra từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935 tại phố Quan Công, Ma Cao, Trung Quốc. Mục tiêu chính của Đại hội này là để ra định hướng chiến lược để giải phóng dân tộc. Đại hội đã đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng, trong thời gian trước mắt là củng cố và phát triển đảng, thàn phục quảng đại quân chúng lao động, chống đế quốc chiến tranh. Đại hội chỉ ra con

đường giải phóng duy nhất của nhân dân Đông Dương là “*Đấu tranh vũ trang quần chúng*”.

Đại hội lần thứ II của Đảng (Đảng Cộng sản Đông Dương) được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đi tới quyết định mỗi nước cần phải có một đảng để trực tiếp đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử trước dân tộc mình. Tại Đại hội này, Đảng ta được đổi tên là “Đảng Lao động Việt Nam”. Đại hội có mục tiêu cụ thể là hoạch định đường lối kháng chiến và xây dựng đất nước. Đây được coi là “*Đại hội kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công*”. Đường lối do Đại hội Đảng vạch ra đã đáp ứng nhiệm vụ trước mắt của cuộc kháng chiến và yêu cầu lâu dài của cách mạng. Thực hiện những đường lối, chủ trương do Đại hội đề ra, toàn Đảng, toàn dân đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi tới thắng lợi.

Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra từ ngày 05 đến ngày 10/9/1960 tại Thủ đô Hà Nội. Những đường lối, quan điểm của Đại hội thực sự là nguồn ánh sáng soi đường cho sự phát triển của cách mạng nước ta, là: “*Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh cho hòa bình thống nhất nước nhà. Hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân cả nước*”. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, chúng ta đã “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976.

Đây là “*Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc*”, là “*Đại hội thống nhất Tổ quốc đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, cả nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa*”.

Đại hội lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982. Đây là “*Đại hội tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân*”. Đại hội đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, thể hiện sự tìm tòi, khai phá, tổng kết thực tiễn để tìm ra hướng đi phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế hiệu quả trong điều kiện cụ thể của đất nước và tình hình quốc tế.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986. Tại Đại hội này, Đảng ta đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc, triệt để. Đây được coi là “*Đại hội kế thừa, quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng*”. Đó là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân trước đất nước và dân tộc. Đại hội mở ra thời kỳ mới đầy năng động, sáng tạo của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đổi mới thực sự là đột phá vĩ đại, tạo bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã khẳng định mục tiêu chiến lược của cách mạng nước ta là kiên định con đường chủ nghĩa xã hội mặc dù hệ thống xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô đã bị đổ vỡ.

Cùng với các văn kiện như Báo cáo chính trị, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, Đại hội có nhiệm vụ trọng đại là đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Đây thực sự là “*Đại hội của trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*”.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 28/6 đến ngày 01/7/1996. Đại hội đánh dấu cột mốc quan trọng trong sự phát triển của cách mạng nước ta là “*Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001. Đại hội xác định *tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đây là Đại hội mở đường cho đất nước nắm lấy thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh phát triển toàn dân đưa đất nước tiến vào thiên niên kỷ mới.

Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006. Đây là “*Đại hội của trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết và phát triển bền vững*”. Đại hội chủ trương thực hiện bằng được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước; ra sức phấn đấu, nêu cao tinh thần gương đạo đức, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; đẩy mạnh phong trào chống tham nhũng, lãng phí, ổn định kinh tế - xã hội.

Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 12 đến ngày 19/01/2011 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội xác định chủ đề “*Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Đại hội chủ trương dành nhiều nguồn lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế.

Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 20 đến ngày 28/01/2016. Đại hội định hướng, cổ vũ và động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta “*Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Đại hội thể hiện bản lĩnh, ý chí kiên cường và quyết tâm đi tới của cả dân tộc vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, điểm lại qua 12 kỳ Đại hội Đảng, mỗi Đại hội đều có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể xuất phát từ tình hình đất nước, bối cảnh khu vực và thế giới cũng như những

yêu cầu mới đặt ra. Từ đó, các Đại hội của Đảng đều xác định rõ các bước đi phù hợp, những giải pháp cụ thể để thực hiện những mục tiêu đề ra. Mỗi Đại hội đều có những bước đổi mới và sáng tạo trong nhận thức và trong định hướng phát triển. Đó là những căn cứ chính xác và đầy sức thuyết phục để bác bỏ hoàn toàn quan điểm sai trái, thù địch cho rằng các Đại hội Đảng đều có sự sao chép, bảo thủ, trùng lặp.

#### **4. Luận cứ về những điểm mới trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng**

Cũng như 12 kỳ Đại hội vừa qua, trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, có những điểm mới nổi bật so với văn kiện các Đại hội trước đây.

Điểm mới nổi bật trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng là tầm nhìn và sự bao quát. Đại hội diễn ra trong điều kiện chúng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới được 35 năm và triển khai thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được 30 năm nên thế và lực của đất nước đã có bước phát triển mới vững chắc, hoàn toàn khác trước. Bối cảnh thế giới hiện nay đang có nhiều phức tạp. Chúng ta đang đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ cùng với không ít khó khăn, thách thức, đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Vậy nên tầm nhìn và sự bao quát của Đại hội XIII chính là nhìn lại hành trình vừa qua và dự liệu những mục tiêu phát triển cho nhiệm kỳ tới và cả thời điểm kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng, 100 năm Ngày thành lập nước. Từ tầm nhìn sáng rõ đó, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã xác định

mục tiêu đến cuối thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với phương châm: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh điểm mới sáng rõ. Đó là khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Đến lúc khát vọng phát triển đất nước trở thành động lực to lớn để đất nước vươn tầm bởi trong những năm qua và nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, chúng ta đã tạo dựng được nền tảng vật chất và tinh thần to lớn, vững chắc. Chính vì thế, Dự thảo Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Trên cơ sở xác định rõ những điểm mới nổi bật khi dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước những năm sắp tới, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng có những điểm mới trong việc đề ra các quan điểm chỉ đạo có tính định hướng và sâu sắc. Đó là sự kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; bảo đảm mục tiêu tối thượng là lợi ích quốc gia - dân tộc; thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Điểm mới trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng là cụ thể hóa rõ hơn 12 định hướng phát triển đất nước cho 10 năm tới. Đó là định hướng xây dựng thể chế; định hướng phát triển kinh tế; định hướng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; định hướng về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam;

định hướng về quản lý phát triển xã hội; định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; định hướng về bảo vệ Tổ quốc; định hướng về đối ngoại; định hướng về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc; định hướng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; định hướng nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; định hướng về xử lý tốt các mối quan hệ lớn. Đặc biệt, điểm mới khi đề cập đến các mối quan hệ lớn, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng xác định thêm mối quan hệ thứ mười là *quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*.

Có thể thấy trong tất cả các văn kiện của mỗi kỳ Đại hội Đảng, Đại hội sau luôn kế thừa quan điểm của các Đại hội trước, đồng thời phát triển những quan điểm mới phù hợp với điều kiện và tình hình mới. Đó là sự đổi mới, sáng tạo không ngừng trong nhận thức của Đảng, là sự kết tinh trí tuệ của toàn dân tộc. Chính vì lẽ đó, cách mạng nước ta ngày càng thu được những thắng lợi to lớn, lập nên nhiều kỳ tích. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển rực rỡ, nhưng chưa bao giờ đất nước có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như hiện nay. Cội nguồn của sự kỳ diệu đó chính là tinh thần làm chủ và ý thức quật cường của nhân dân ta với sự lãnh đạo đầy bản lĩnh và trí tuệ của Đảng. Bản lĩnh và trí tuệ của Đảng ta luôn được thể hiện rõ nét và đặc sắc trong các văn kiện và nghị quyết của Đảng. Chúng ta tin tưởng rằng, Đại hội XIII

của Đảng nhất định thành công tốt đẹp. Với sự chuẩn bị công phu, khoa học, đổi mới, sáng tạo, các văn kiện Đại hội XIII của Đảng kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sẽ tiếp tục định hướng và bắt nhịp những bước đi của đất nước, của dân tộc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:  
ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG NÊN CHỦ TRƯƠNG THỰC HÀNH  
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, TAM QUYỀN PHÂN LẬP,  
XÃ HỘI DÂN SỰ THÌ NƯỚC TA MỚI PHÁT TRIỂN  
THEO DÒNG THỜI ĐẠI**

**1. Đất nước ta phải phát triển theo dòng thời đại, song vấn đề là thời đại nào?**

Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người. Từ lâu, việc phân kỳ lịch sử xã hội loài người đã được nhiều nhà khoa học quan tâm, đưa ra các cách phân loại khác nhau. S. Phuriê (1772-1837), một nhà khoa học xã hội người Pháp đã chia lịch sử loài người thành bốn giai đoạn, tạo thành bốn thời đại khác nhau là: mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh. Nhà nhân chủng học người Mỹ, Moocgan (1818-1881) chia lịch sử loài người thành ba giai đoạn, ba thời đại là: mông muội, gia trưởng, văn minh. S. Phuriê và Moocgan sống trong thời kỳ đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản, xã hội văn minh mà các ông nói đến là xã hội tư bản, xã hội gia trưởng, mông muội và dã man trong quan niệm của các ông là xã hội phong kiến và trước phong kiến

(nô lệ, nguyên thủy). Đây là những thời đại khác nhau, những bậc thang trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Cơ sở để các ông phân chia các giai đoạn phát triển của lịch sử từ mông muội, dã man đến xã hội gia trưởng, xã hội văn minh là trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ giải phóng con người. Trong thời kỳ mông muội, con người phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên; trong thời kỳ dã man, những người nô lệ bị đối xử như gia súc; trong xã hội gia trưởng, những người nông nô lệ thuộc vào các điền chủ, chúa phong kiến; chỉ trong xã hội văn minh, người lao động mới được tự do. Sự phân chia đó có những yếu tố hợp lý. Tuy nhiên, đặc trưng của từng thời đại, từng giai đoạn phát triển đó là gì, nguyên nhân nào, động lực nào thúc đẩy sự phát triển đó đều chưa được làm rõ.

Gần đây, nhà tương lai học người Mỹ, A. Toppflø (1928-2016) phân chia sự phát triển của xã hội loài người thành ba giai đoạn (hay ba làn sóng), tương ứng với ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp. Nền văn minh nông nghiệp bắt đầu từ khoảng 8.000-10.000 năm trước Công nguyên kéo dài đến khoảng năm 1650 sau Công nguyên với nông nghiệp là ngành sản xuất chính của xã hội. Làn sóng văn minh thứ hai, văn minh công nghiệp bắt đầu từ khoảng những năm 1650-1750 đến giữa thế kỷ XX, bắt đầu từ châu Âu rồi lan tỏa ra khắp thế giới, với sự phát triển của những nhà máy công nghiệp sản xuất ra hầu hết những tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt của xã hội. Làn sóng văn minh thứ ba bắt đầu từ Mỹ vào giữa thế kỷ XX, sau đó lan

tỏa sang các nước phát triển khác. Trong xã hội hậu công nghiệp, phương thức sản xuất ra của cải vật chất đã có sự thay đổi căn bản; tri thức, thông tin trở thành những yếu tố sản xuất quan trọng nhất, mà tri thức, thông tin có thể phát triển vô tận, không bị giới hạn bởi số lượng như đất đai, vốn, các yếu tố vật chất như trong các xã hội trước đây.

A. Toppohl phân chia các thời đại chỉ căn cứ vào trình độ phát triển của sản xuất, bỏ qua cơ cấu xã hội, các quan hệ xã hội, nhất là các mâu thuẫn và xung đột xã hội gắn liền với các nền sản xuất đó và không chỉ ra được động lực nào, nguyên nhân nào đã thúc đẩy sự phát triển, thay thế nhau của các nền văn minh một cách khoa học, thuyết phục.

C. Mác (1818-1883) với quan điểm duy vật lịch sử, học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, cơ sở để xác định các giai đoạn phát triển, để phân chia các thời đại. Lịch sử loài người là một quá trình phát triển không ngừng, đi từ thấp lên cao, ngày càng tiến bộ. Con người trước hết phải sống, phải tồn tại trước khi có thể làm thơ, làm khoa học, làm chính trị. Để sống, con người phải lao động, phải sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là nền tảng cho sự tồn tại của xã hội. Trong quá trình sản xuất, nhờ tích lũy kinh nghiệm, nhờ hiểu biết ngày càng nhiều, càng sâu về thế giới xung quanh, con người không ngừng đổi mới sáng tạo, cải tiến công cụ lao động, thay đổi phương pháp sản xuất để có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn, có cuộc sống tốt hơn. Khi năng suất lao động tăng lên, của cải nhiều hơn, có của cải tích lũy, con người không cần dùng toàn bộ thời gian cho hoạt động

sản xuất, một bộ phận người trong xã hội không phải trực tiếp tham gia lao động sản xuất, mà có thời gian, điều kiện cho các hoạt động khác: hoạt động văn hóa, giáo dục, chữa bệnh cho con người, nghiên cứu khoa học, hoạt động tôn giáo... làm cho xã hội phát triển không ngừng, ngày càng cao hơn, phong phú, đa dạng hơn.

Trong sản xuất, con người không chỉ có sự phân công, chuyên môn hóa mà còn có sự hợp tác với nhau; sản xuất càng phát triển thì phân công và hợp tác càng phát triển. Trong sản xuất, con người không chỉ tác động vào tự nhiên mà còn có sự tác động lẫn nhau, quan hệ với nhau, chỉ trong các quan hệ đó mới có sự tác động vào tự nhiên. Đó chính là các quan hệ sản xuất, những quan hệ sản xuất này phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và phát triển cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Những quan hệ sản xuất này là cơ sở hình thành những quan hệ xã hội khác, hình thành nên những giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, hệ thống kiến trúc thượng tầng của xã hội tương ứng với nó, tạo nên một xã hội có những đặc trưng riêng, một thời đại trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngược lại, khi quan hệ sản xuất không phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì trở thành lực cản, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Song, đến một giới hạn nhất định, sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ phá vỡ những quan hệ sản xuất cũ, hình thành nên những quan hệ sản xuất mới, phù hợp với sự phát

triển của nó; do đó, phá vỡ kiến trúc thương tầng, các quan hệ, kết cấu giai cấp của xã hội cũ, hình thành nên những quan hệ, kết cấu giai cấp của xã hội mới, kiến trúc thương tầng xã hội mới; thúc đẩy xã hội phát triển, đã tạo nên các thời đại khác nhau: thời đại nô lệ, thời đại phong kiến, thời đại tư bản. Đây là quy luật vận động khách quan của lịch sử xã hội loài người. Theo quy luật đó, chủ nghĩa tư bản nhất định không phải là thời đại cuối cùng của nhân loại, mà nhân loại nhất định sẽ vượt qua chủ nghĩa tư bản để đi tới một thời đại mới, một xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn trên cơ sở kế thừa những thành tựu phát triển của chủ nghĩa tư bản và loại bỏ những quan hệ tiêu cực, cản trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, sự phát triển của xã hội từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, mà ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế, ngày nay, trên thế giới đã có nhiều mô hình, nhiều thử nghiệm con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xôviết đã không vượt qua được những thách thức, cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không phải là một đường thẳng đơn giản, mà rất nhiều trở ngại, nhưng không phải chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn bị loại bỏ, không phải chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn, là thời đại cuối cùng trong lịch sử nhân loại. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đang được đổi mới, giành được những thành tựu lớn ở một số nước và chủ nghĩa tư bản cũng phải điều chỉnh, ngay trong lòng các nước tư bản phát triển cũng

đang hình thành, tích tụ những yếu tố phủ định chủ nghĩa tư bản, quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, khi cho rằng để phát triển, đất nước ta phải theo dòng chảy của thời đại, thì những người này muốn chúng ta phải theo dòng chảy của thời đại nào? Chúng ta không thể đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, bởi ngày nay, chủ nghĩa tư bản cũng đang từng bước được cải biến, từng bước bị phủ định, vượt qua; nhân loại đang bước vào thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; do đó, chúng ta phải đi theo dòng chảy tiến bộ của lịch sử, dòng chảy của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ẩn ý thực sự của những người đưa ra quan điểm nước ta phải đi theo dòng chảy của thời đại chính là muốn nước ta phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, dòng thời đại ở đây là thời đại tư bản chủ nghĩa. Đây là quan điểm sai lầm, không thể chấp nhận.

## **2. Phát triển kinh tế thị trường, thực hiện tam quyền phân lập và xã hội dân sự có phải là mô hình tổ chức và vận hành của xã hội có tính khuôn mẫu, bất biến mà mọi đất nước phải noi theo để phát triển không?**

Thực tế lịch sử cho thấy không phải như vậy. Lịch sử cho thấy, tổ chức và cơ chế vận hành của xã hội luôn phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, nhất là trình độ phát triển của sản xuất, vào đặc điểm của thời đại ở từng giai đoạn cụ thể. Các xã hội trước chủ nghĩa tư bản chưa có kinh tế thị trường, chưa có tam quyền phân lập giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp; chưa có xã hội dân sự và vai trò của xã hội

dân sự. Kinh tế thị trường, tam quyền phân lập, xã hội dân sự là những yếu tố gắn liền với chủ nghĩa tư bản, được xem như là những yếu tố đặc trưng của chủ nghĩa tư bản. Nhưng khi khuyên nước ta phải thực hiện những điều này, họ không biết rằng ngay trong chủ nghĩa tư bản, những yếu tố này cũng không phải là bất biến mà có sự thay đổi, phát triển, sự tồn tại của chúng trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay có rất nhiều điểm khác nhau, nhiều yếu tố đặc trưng của chủ nghĩa tư bản đã bị vượt qua.

Kinh tế thị trường trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh. Trong nền kinh tế đó, sự tác động tự phát của các quy luật của kinh tế thị trường đã dẫn đến các cuộc khủng hoảng chu kỳ, sự phân cực xã hội sâu sắc, tạo nên những bất ổn, xung đột xã hội, do đó, đòi hỏi phải có vai trò điều tiết của Nhà nước, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nền kinh tế thị trường hiện đại ở các nước tư bản phát triển ngày nay đều là các nền kinh tế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Hơn nữa, tùy theo mức độ, nội dung và mục tiêu can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế có sự khác nhau ở các nước khác nhau, tạo nên nhiều mô hình kinh tế thị trường hiện đại khác nhau (kinh tế thị trường tự do ở Mỹ, kinh tế thị trường xã hội ở Đức, kinh tế thị trường phúc lợi xã hội ở các nước Bắc Âu, kinh tế thị trường nhà nước phát triển ở Nhật Bản và Hàn Quốc); nhưng xu hướng chung là đều có sự can thiệp, điều tiết của Nhà nước để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định môi trường cho sự phát triển

kinh tế, nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp; đồng thời Nhà nước cung cấp các dịch vụ công thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho các tầng lớp nhân dân, quan tâm tới giải quyết các vấn đề xã hội. Với sự điều tiết của Nhà nước, chủ nghĩa tư bản đã phát triển trở thành chủ nghĩa tư bản nhà nước, một bước phát triển mới của chủ nghĩa tư bản. Cùng với sự can thiệp, điều tiết của Nhà nước, trong nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, tổ chức công ty, một chủ thể chính trong nền kinh tế thị trường cũng thay đổi; các công ty cổ phần ngày càng phát triển, trở thành loại hình công ty chủ yếu có vai trò ngày càng lớn; hầu như tất cả các công ty, tập đoàn kinh tế siêu quốc gia, xuyên quốc gia đều là công ty cổ phần, có sự tham gia của nhiều chủ sở hữu, thuộc nhiều thành phần xã hội, kể cả người lao động. Ngay từ thế kỷ XIX, khi các công ty cổ phần, hình thức sở hữu cổ phần mới xuất hiện, C. Mác đã cho rằng đây là sở hữu tư nhân được xã hội hóa, là sự phủ định đối với sở hữu tư nhân cá thể và điều này diễn ra ngay trong lòng chế độ tư bản.

Tam quyền phân lập là nguyên tắc tổ chức của nhà nước tư bản để không tập trung quá nhiều quyền lực nhà nước vào một cơ quan nhất định bằng sự phân chia quyền lực và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong xã hội phong kiến trước chủ nghĩa tư bản, mọi quyền lực nhà nước tập trung vào cá nhân nhà vua dẫn đến chuyên quyền, chuyên chế. Với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền, tam quyền phân lập được đề xướng bởi các nhà tư tưởng lớn

người Anh G. Lôccơ (1632-1704), người Pháp Sáclơ Lui đơ Môngtexkiơ (1689-1775), G.G. Rúttxô (1712-1778). Các ông cho rằng, quyền lực nhà nước luôn có xu hướng dẫn đến lạm quyền, chuyên quyền, bởi vậy, để ngăn ngừa các hành vi lạm quyền, chuyên quyền phải có thiết chế giới hạn, kiểm soát quyền lực nhà nước, mà cách tốt nhất là bằng pháp luật, bằng phân chia quyền lực nhà nước thành các nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh. Những tư tưởng này trở thành nền tảng cho tổ chức và vận hành của bộ máy nhà nước ở các nước tư bản. Tuy nhiên, mặc dù cũng dựa trên nền tảng của nguyên tắc tam quyền phân lập, nhưng ở các nước tư bản phát triển, do mỗi nước có truyền thống lịch sử, văn hóa, có những điều kiện đặc thù của mình, nên không có mô hình tổ chức nhà nước giống nhau, mà có nhiều mô hình tổ chức nhà nước khác nhau. Mô hình nhà nước Mỹ có Tổng thống đứng đầu ngành hành pháp có quyền lực rất lớn, có Nghị viện gồm hai viện là Thượng viện và Hạ viện nắm quyền lập pháp, có Tòa án tối cao, hệ thống tòa án liên bang và tòa án các bang nắm giữ quyền tư pháp. Ở Pháp, nhà nước có Tổng thống đứng đầu ngành hành pháp, nhưng lại có Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm, đứng đầu nội các (Chính phủ) để điều hành hoạt động của nội các; có Nghị viện gồm Thượng viện và Hạ viện, có hệ thống tòa án thực hành quyền tư pháp do Bộ Tư pháp quản lý và bổ nhiệm các thẩm phán. Ở Anh, thể chế nhà nước lại là nước quân chủ lập hiến, Nữ hoàng Anh là người đứng đầu nhà nước, nguyên thủ quốc gia, trên danh nghĩa là người nắm cả quyền lực lập pháp, hành pháp

và tư pháp, nhưng thực tế chỉ có tính biểu tượng. Quyền lập pháp thuộc Quốc hội gồm hai viện Viện thứ dân (Hạ viện) và Viện quý tộc (Thượng viện). Quyền hành pháp thuộc Chính phủ, đứng đầu là Thủ tướng là lãnh đạo phe đa số ở Viện thứ dân (Hạ viện). Quyền tư pháp thuộc về hệ thống Tòa án đứng đầu là Quan chưởng án, người có quyền bổ nhiệm thẩm phán cho các tòa án...

Đồng thời và quan trọng hơn là ngày nay, trong nền chính trị hiện đại ở các nước tư bản phát triển, đều phải thừa nhận rằng quyền lực nhà nước là thuộc về nhân dân. Nhân dân bằng lá phiếu của mình bầu nên Quốc hội, Tổng thống, phê chuẩn các thành viên Chính phủ. Quyền lực của bộ máy nhà nước là quyền lực do nhân dân ủy quyền, thay mặt nhân dân để quản lý đất nước, quản lý xã hội. Bởi vậy, mặc dù có sự phân chia quyền lực, sự độc lập, đối lập giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng tất cả đều phải tính đến phản ứng của nhân dân, của xã hội, phải sử dụng quyền lực trong phạm vi quy định của pháp luật. Các đảng chính trị ra đời, đề ra các chủ trương, chính sách quản lý, phát triển đất nước; tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của mình, bỏ phiếu cho các ứng cử viên của đảng trong các cuộc bầu cử Quốc hội, bầu cử Tổng thống. Đảng giành được nhiều phiếu nhất trong Quốc hội được quyền thành lập Chính phủ. Lãnh đạo của Đảng trở thành Tổng thống, Thủ tướng; Đảng trở thành đảng cầm quyền, thông qua quyền lực nhà nước thực hiện chủ trương, chính sách của mình. Tổng thống và Quốc hội có quyền bổ nhiệm các thẩm phán của Tòa án tối cao.

Khi đảng cầm quyền có đa số trong Quốc hội, Tổng thống, Thủ tướng và nhiều thành viên Chính phủ là người của đảng cầm quyền; Tổng thống, Quốc hội có quyền bổ nhiệm thẩm phán thì tam quyền phân lập giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, sự kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan này, giữa các nhánh quyền lực nhà nước ở các nước tư bản phát triển đã không còn hoàn toàn như trước. Chẳng lẽ những người cổ vũ, tuyệt đối hóa nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức bộ máy nhà nước không thấy điều này? Khi cổ vũ, tuyệt đối hóa nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức bộ máy nhà nước theo tư tưởng của G.G. Lốccơ, Sáclơ Lui đơ Môngtexkiơ, xem đó là kiểu mẫu cho tổ chức nhà nước ở các nước, họ đã lạc hậu so với sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội.

Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, vai trò của nhân dân ngày càng được khẳng định, được thể hiện bằng nhiều hình thức phong phú. Nhân dân không chỉ bằng lá phiếu của mình để tổ chức nên bộ máy nhà nước, ủy quyền cho nhà nước thay mặt mình quản lý đất nước, quản lý xã hội, mà còn tự tập hợp thành các tổ chức đa dạng, như: theo tuổi tác, giới tính, theo nghề nghiệp, theo sở thích... để hỗ trợ lẫn nhau, để tăng thêm sức mạnh, hiệu quả trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của mình, để mở rộng giao tiếp, đáp ứng những nhu cầu xã hội, tinh thần phong phú của mình... Các tổ chức xã hội này được xem là xã hội dân sự. Điều này là cần thiết do tình trạng quan liêu, lạm quyền, tha hóa trong đội ngũ công chức nhà nước. Đặc biệt, trong các nh

nước tư bản, bộ máy nhà nước bị thao túng bởi các tập đoàn tư bản, trở thành công cụ bảo vệ lợi ích cho họ, xâm phạm đến lợi ích của người lao động. Do đó, các tổ chức xã hội dân sự có xu hướng đối lập với Nhà nước. Nhưng khi cho rằng, để phát triển, nước ta phải có các tổ chức xã hội dân sự đối lập với Nhà nước thì những người này đã sai lầm, bởi mặc dù trong Nhà nước ta vẫn còn những cán bộ quan liêu, lạm quyền, thoái hóa, nhưng bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; sứ mệnh, chức năng của Nhà nước là phục vụ nhân dân, cán bộ, công chức nhà nước là công bộc của dân; nhân dân và các tổ chức do nhân dân thành lập không chỉ tự chủ trong hoạt động, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân mà còn có quyền phản biện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Những nội dung này đều được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật của đất nước. Chính điều này đã tạo nên sự đồng thuận xã hội, tạo nên sức mạnh của khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân làm nên những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta những năm qua. Thật phi lý khi cổ vũ cho việc tạo ra sự đối lập giữa các tổ chức xã hội do nhân dân lập ra với Nhà nước cũng do nhân dân lập ra để thay mặt nhân dân quản lý đất nước, quản lý xã hội, để phục vụ nhân dân.

Như vậy, đối với nước ta, cần phải phát triển kinh tế thị trường nhưng là kinh tế thị trường nào, không thể là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhất là không thể là

kinh tế thị trường tự do cạnh tranh không có sự quản lý của Nhà nước trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, đã bị lịch sử vượt qua. Cần phải có sự kiểm soát đối với quyền lực nhà nước, sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, cần phải có sự giám sát của các tổ chức xã hội của nhân dân với các cơ quan nhà nước; nhưng vấn đề là kiểm soát như thế nào, không thể là kiểm soát lẫn nhau như giữa các lực lượng đối lập, tạo nên sự chia rẽ, cản trở sự phát triển của đất nước. Cỗ vũ cho phát triển kinh tế thị trường, tam quyền phân lập và xã hội dân sự theo hình mẫu của chủ nghĩa tư bản là kéo lùi lịch sử, với động cơ đưa nước ta phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa là không chấp nhận được.

### **3. Đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đưa nước ta vào dòng chảy của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội để phát triển đất nước là đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại và điều kiện của đất nước**

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta phát triển là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là

nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hợp tác và cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, việc phân bổ các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đất nước. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, hoạt động ở mọi ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Các quyền sở hữu tài sản, tự do kinh doanh được bảo vệ; phát triển đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường, tạo cơ sở cho các quy luật của kinh tế thị trường hoạt động, phát huy vai trò của mình; hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh, phát triển ngày càng sâu rộng. Nhà nước quản lý đất nước bằng luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng các nguồn lực kinh tế nhà nước để giữ ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; điều tiết, định hướng phát triển nền kinh tế; cung cấp các dịch vụ công thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường. Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp bằng mệnh lệnh hành chính. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong quyết định giá cả, huy động, phân bổ các nguồn lực, điều tiết lưu thông hàng hóa, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội của nhân dân có chức năng phản biện xã hội, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước; phản ánh nhu cầu, nguyện

vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, vận động nhân dân thực hiện các chính sách đúng đắn của Nhà nước, tác động đến quan hệ cung - cầu lao động, hàng hóa trên thị trường... Nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với cơ cấu và cơ chế vận hành như vậy là nền kinh tế thị trường hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế, kế thừa những thành tựu phát triển của chủ nghĩa tư bản; đồng thời, phát triển và có những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò nền tảng của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể; thực hiện phân phối vừa theo kết quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa theo mức đóng góp vốn, các yếu tố sản xuất khác, đồng thời phân phối qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền lực nhà nước là do nhân dân ủy quyền, thay mặt nhân dân quản lý đất nước; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Giữa các cơ quan lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ), tư pháp (Tòa án) có sự kiểm soát lẫn nhau,

nhưng không phải là sự kiểm soát của những lực lượng đối lập nhau, mà quyền lực của các cơ quan này đều do nhân dân ủy quyền, phân công để thực hiện các chức năng khác nhau, đều do cùng một Đảng cầm quyền lãnh đạo, nên còn có trách nhiệm phối hợp với nhau để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, quan hệ phối hợp, kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp đều thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; hoạt động của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng cầm quyền cũng phải trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước quản lý đất nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Cùng với sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước, Nhà nước còn chịu sự giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội của nhân dân theo quy định của pháp luật. Tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước như vậy phù hợp với các chuẩn mực phổ biến của nhà nước pháp quyền trên thế giới. Nhưng điểm khác biệt lớn của Nhà nước ta so với nhà nước pháp quyền ở các nước tư bản trên thế giới là pháp luật của Nhà nước ta là để phục vụ nhân dân, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát triển đất nước nhanh, bền vững để nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước được sự đồng tình ủng hộ, tích cực thực hiện của nhân dân đã tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo

nên cơ đồ, tiềm lực, vị thế của đất nước như ngày nay. Đại hội XIII của Đảng, trên cơ sở đánh giá đúng tình hình đất nước, khu vực và thế giới, sẽ tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối lãnh đạo để đất nước đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa. Không có lý do gì mà Đại hội XIII của Đảng phải làm theo lời khuyên của những người muốn kéo lùi lịch sử, muốn đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

# **LUẬN CỨ PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM CHO RẰNG Ở VIỆT NAM KHÔNG CÓ VÀ KHÔNG THỂ GIẢI QUYẾT QUAN HỆ NHÀ NƯỚC - THỊ TRƯỜNG - XÃ HỘI**

## **1. Nhận dạng quan điểm sai trái, thù địch**

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đất nước giữa những năm 80 của thế kỷ XX, trên cơ sở tổng kết sự sáng tạo của nhân dân trong sản xuất, kinh doanh và quan tâm, cầu thị nghiên cứu, nắm bắt xu thế phát triển của thế giới, kinh nghiệm thành công của các quốc gia trong khu vực, trên thế giới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới. Trong 35 năm đổi mới, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với tổng kết thực tiễn, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó có những điểm nhấn sáng tạo về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Trong nhận thức của Đảng ta, giữa Nhà nước, thị trường và dân chủ xã hội có quan hệ mật thiết, tương tác với nhau, tạo thành mối quan hệ có tính quy luật giữa Nhà nước - thị trường - xã hội

trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là một trong chín mối quan hệ lớn đã được Đảng khái quát ở tầm lý luận trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng<sup>1</sup>, được tiếp tục hoàn thiện trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII<sup>2</sup> và được nhận thức, thực hiện trong thực tiễn đổi mới. Nhận thức, thực hiện mối quan hệ này là quá trình lâu dài, không ngừng hoàn thiện, tương thích với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với truyền thống lịch sử, cách mạng và văn hóa của dân tộc; vừa phản ánh xu thế phát triển chung, phổ biến của các nền kinh tế thị trường trên thế giới, vừa thể hiện đặc trưng, đặc sắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cho dù lý luận và thực tiễn như vậy nhưng trước thềm Đại hội XIII của Đảng, một số phần tử chống đối lại đưa ra những luận điệu xuyên tạc về vấn đề này. Họ cho rằng ở Việt Nam không có quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, đây chỉ là sự hoang tưởng mà ra. Họ còn cho rằng không thể giải quyết được mối quan hệ này bởi đây là ba yếu tố rời rạc, không có liên quan gì với nhau. Chính vì thế, việc lý giải tường minh về bản chất, tính chất, ý nghĩa và xử lý thỏa đáng hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội sẽ góp phần làm sáng rõ sự sáng tạo, tính đúng đắn trong đường lối

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

phát triển đất nước của Đảng, cung cấp luận cứ phản bác những quan điểm sai trái, thù địch muốn xuyên tạc, phủ nhận đường lối và sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhân dân ta.

## 2. Luận cứ phê phán

### ***2.1. Tính khách quan, biện chứng của quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội và những thể nghiệm lịch sử***

Từ rất sớm, các quốc gia lựa chọn phát triển kinh tế thị trường đều phải nhận thức, giải quyết mỗi quan hệ cặp đôi, xuất hiện một cách khách quan giữa Nhà nước và thị trường, sau đó là quan hệ cặp ba Nhà nước - thị trường - xã hội. Đây là mối quan hệ cơ bản, bao trùm, xuyên suốt giữa ba thực thể quan trọng nhất trong đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia phát triển kinh tế thị trường; là quan hệ tương tác, cộng sinh, tùy thuộc và bổ trợ lẫn nhau, tạo thành nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia. Mỗi quan hệ này bắt nguồn từ chức năng, khả năng, hạn chế vốn có của Nhà nước, thị trường, xã hội và từ sự vận động khách quan của hình thái kinh tế - xã hội theo quy luật về sự tương thích giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂, sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Nhà nước với tư cách là thiết chế chính trị đặc biệt, có chức năng kinh tế, xã hội, và do vậy, mặc nhiên có quan hệ thường xuyên với thị trường, xã hội. Nhà nước, thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức và các nguồn lực nắm trong tay, tạo điều kiện hoàn thiện và định hướng phát triển kinh tế thị

trường lành mạnh, hiệu quả, quản lý phát triển xã hội hài hòa, bền vững. Tuy nhiên, Nhà nước không phải là một thực thể toàn năng, mà cũng tiềm ẩn những hạn chế về nguồn lực, năng lực, không thể bao quát hết mọi lĩnh vực vốn rất phức tạp, đầy biến động của thị trường và không thể đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu rất rộng lớn, đa dạng của xã hội.Thêm nữa, bản thân Nhà nước cũng luôn tiềm ẩn nguy cơ tha hóa về quyền lực và sự suy thoái, biến chất của một bộ phận công chức; nguy cơ xuất hiện sự câu kết giữa quyền lực bị tha hóa với mặt trái của thị trường và tiêu cực xã hội, dẫn đến sự bất lực của Nhà nước, làm biến dạng các quy luật thị trường và kìm hãm sự phát triển xã hội. Như vậy, Nhà nước với chức năng và vai trò của mình có thể thúc đẩy thị trường phát triển hoàn hảo, phát huy mặt tích cực của thị trường; tạo hành lang pháp lý và các thiết chế cần thiết để xã hội phát triển bền vững, lành mạnh. Mặt khác, Nhà nước cần có sự tiếp sức các nguồn lực và tạo những tiền đề vật chất của thị trường để hoạt động, hoàn thiện; cần có sự bổ sung các nguồn lực xã hội, sự tham gia của xã hội trong hoạt động kinh tế, nhất là cung ứng dịch vụ công, sự giám sát, phản biện xã hội... để bù đắp những thiếu hụt về nguồn lực và khắc chế những hạn chế, bất cập cùng nguy cơ bị tha hóa.

*Thị trường* bao gồm các loại thị trường, các yếu tố thị trường, các chủ thể kinh tế, hình thành một cách khách quan, vận động theo quy luật giá trị, cung - cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ, giá trị thặng dư... Thị trường là không gian tương tác, giao dịch, mua bán giữa các chủ thể

(Nhà nước, doanh nghiệp, người dân) trong việc hình thành giá cả, phân bổ tài nguyên, xác định cơ cấu và khối lượng sản xuất. Thị trường tạo ra xung lực, động lực kích thích lao động, sáng tạo, làm sinh động và sôi động hoạt động của Nhà nước, làm phong phú diện mạo và sức sống xã hội. Với ý nghĩa đó, thị trường đánh dấu bước phát triển về chất trong đời sống sản xuất của con người; kinh tế thị trường là thành tựu của văn minh nhân loại. Tuy nhiên, thị trường không phải là chủ thể vạn năng, nó cũng chưa đựng nhiều hạn chế, khuyết tật, rủi ro. Thị trường không thể tự thân phát triển thành hoàn thiện, không đủ năng lực đáp ứng đầy đủ các yêu cầu xã hội và luôn luôn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định, khủng hoảng do phát triển một cách tự phát. Mặt khác, bị chi phối bởi nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận, thị trường là tác nhân tiềm ẩn làm tha hóa quyền lực nhà nước và gây ra những hệ lụy xã hội, đặc biệt là tình trạng phân cực giàu nghèo, phân hóa xã hội, làm gia tăng bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Do vậy, để phát triển, phát huy vai trò tích cực, bù đắp, khắc phục những khiếm khuyết, rủi ro, thất bại, thị trường không thể thiếu sự định hướng, dẫn dắt, điều tiết, hỗ trợ của Nhà nước và sự vào cuộc, hỗ trợ, giám sát của xã hội.

Xã hội là không gian kết nối người dân trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, tổ chức; là không gian hoạt động của Nhà nước, thị trường, do vậy môi trường xã hội, các thành tố xã hội có quan hệ và tác động hai chiều đối với Nhà nước, thị trường. Xã hội là nền tảng, là chỗ dựa và sức mạnh của Nhà nước, có khả năng bổ sung nguồn lực, hỗ trợ

hoạt động, tham gia quản lý, xây dựng, giám sát Nhà nước, giúp Nhà nước hoàn thành chức năng, sứ mệnh của mình. Xã hội thông qua người dân và các thiết chế xã hội là chủ thể quan trọng góp phần cung cấp đầu vào (chủ thể sản xuất, kinh doanh) và giải quyết đầu ra (tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ...) làm cho thị trường phát triển, hoàn thiện. Xã hội thực hiện vai trò giám sát, điều chỉnh những hoạt động không hợp lý, không hiệu quả và ngăn ngừa những tác động tự phát, tiêu cực của thị trường (biểu hiện qua hoạt động của doanh nghiệp); góp phần lành mạnh hóa quan hệ Nhà nước - thị trường. Tuy nhiên, xã hội cũng tiềm ẩn những khuynh hướng vận động tự phát và cũng dễ bị tổn thương trước những biến động, rủi ro trong đời sống chính trị, kinh tế và sự tác động của môi trường, do vậy rất cần sự tổ chức, kết nối, bảo đảm và bảo vệ của Nhà nước. Xã hội cũng chỉ có thể phát huy sức mạnh sáng tạo để ngày càng sung túc, phát triển đầy đủ, toàn diện hơn thông qua các hoạt động gắn với thị trường.

Như vậy, quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội là mối quan hệ khách quan, rất phức tạp, đan xen, tương tác lẫn nhau trên nhiều bình diện, không chỉ kinh tế mà cả chính trị, xã hội, văn hóa. Mỗi quan hệ này tồn tại lâu dài, không nhất thành bất biến, mà thay đổi tùy thuộc vào trình độ phát triển của từng quốc gia trong mỗi giai đoạn phát triển. Việc nhận thức và giải quyết mỗi quan hệ này cũng không giống nhau, không có một khuôn mẫu chung cho tất cả các quốc gia mà tùy thuộc vào bản chất của chế độ xã hội, vào đặc điểm, truyền thống lịch sử, văn hóa, tâm lý

cộng đồng, phong tục, tập quán của mỗi nước hoặc một nhóm nước có nhiều điểm tương đồng. Nhìn lại lịch sử, từ khi thị trường ra đời đến nay, các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các nhà kinh tế học đã nỗ lực tiếp cận, phân tích bản chất, đặc điểm quan hệ Nhà nước - thị trường, tiếp đó là quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội nhằm tìm chọn giải pháp phù hợp, xử lý hiệu quả mối quan hệ này với mong muốn ba chủ thể có thể phát huy cùng chiều mặt tích cực, khắc chế mặt tiêu cực dẫn đến kìm hãm, triệt tiêu nhau. Nhiều trường phái kinh tế đã lần lượt ra đời, được đưa vào thử nghiệm, kiểm chứng trong thực tiễn.

Khi thị trường mới hình thành ở các nước tư bản phương Tây, phá vỡ sự khép kín của kinh tế tự nhiên, tạo sự phát triển đột phá trong sản xuất, trường phái kinh tế thị trường cổ điển đã tuyệt đối hóa vai trò thị trường, xem đó là “bàn tay vô hình” vạn năng; vai trò của Nhà nước bị thu hẹp lại. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã bộc lộ những khuyết tật, thất bại của thị trường, các nhà kinh tế học lại chuyển sang đề cao vai trò quản lý của Nhà nước - “bàn tay hữu hình”. Từ cuối thập niên 1930 đến thập niên 1960, Nhà nước can thiệp sâu vào mọi phương diện của nền kinh tế (giá cả, lao động, tài chính, thị trường hối đoái...)<sup>1</sup>. Việc đề cao, nhấn mạnh vai trò của Nhà nước không phát huy tác dụng được bao lâu thì cuộc khủng hoảng giá dầu năm 1973, khủng hoảng nợ những năm 1980

---

1. Xem Ngân hàng Thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.39.

buộc một số tổ chức kinh tế quốc tế (IMF, WB...) phải điều chỉnh, dẫn đến hình thành Đồng thuận Washington<sup>1</sup>, trở lại đê cao vai trò của thị trường. Đồng thuận Washington không mấy hấp dẫn. Sự ám ảnh của cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã làm cho nhiều nhà kinh tế học cảnh giác, muốn tìm một hướng tiếp cận mới. Trường phái kinh tế thị trường hồn hợp với khuynh hướng đề cao đồng thời cả Nhà nước - “bàn tay hữu hình” và thị trường - “bàn tay vô hình” ra đời, có sức lan tỏa rộng, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu 2008-2009. Cũng từ nửa cuối thế kỷ XX, một số học giả, một số quốc gia nhận thấy đường như quan hệ Nhà nước - thị trường chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu có sự tham dự của chủ thể thứ ba - xã hội. Khuynh hướng này gia tăng khi Liên hợp quốc khởi xướng định hướng phát triển bền vững với ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường. Mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự ở một số nước Tây Âu, Bắc Âu được quan tâm, đề cập nhiều. Tuy nhiên, việc quá nhấn mạnh vai trò xã hội, những lợi ích xã hội mà không tính đến đầy đủ khả năng của Nhà nước, vai trò của thị trường cũng dẫn đến tình trạng quá tải, kìm hãm phát triển và dẫn đến những rủi ro, buộc các nước

---

1. Năm 1990, các tổ chức kinh tế quốc tế có trụ sở ở Washington (IMF, WB...) cùng Bộ Tài chính Mỹ đưa ra Chương trình cải cách kinh tế bao gồm 10 chính sách với xu hướng mở rộng vai trò của thị trường, hạn chế vai trò của Nhà nước. Đồng thuận Washington có những tương đồng với trường phái Tự do mới.

theo mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự phải điều chỉnh<sup>1</sup>.

Điểm lại lịch sử để thấy một thực tế, các quốc gia xây dựng và phát triển kinh tế thị trường đã phải trải qua cuộc hành trình hàng trăm năm để nhận thức và thử nghiệm các phương thức giải quyết mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội. Đó là một hành trình không mấy dễ dàng, thành công có, thất bại cay đắng có, và cho đến bây giờ câu hỏi kéo dài nhiều thế kỷ vẫn chưa có lời giải đáp tối ưu. Thực tế lịch sử cho thấy, không có khuôn mẫu nhận thức, phương thức giải quyết mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội có thể áp dụng cho mọi quốc gia. Mỗi quốc gia, trên cơ sở nắm bắt xu thế chung, tham chiếu kinh nghiệm của nhiều nước, phải tự nghiên cứu, thử nghiệm để không ngừng hoàn thiện nhận thức, thực hiện sáng tạo các phương thức hợp lý để giải quyết hiệu quả mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện của nước mình.

## **2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức và giải quyết hiệu quả mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội - là sự thật không thể xuyên tạc, phủ nhận**

Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy, trong đó rất quan

---

1. Tham khảo Trần Hậu Thành: “Một số vấn đề lý luận về quan hệ Nhà nước, xã hội và công dân trong Nhà nước pháp quyền”, Tạp chí *Triết học*, số 6 (169), tháng 6/2005; Đỗ Công Tuân: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự ở Liên minh châu Âu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.

trọng là tư duy kinh tế. Từ chỗ phủ định thị trường, xem kinh tế thị trường là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, Đảng ta đi đến nhận thức kinh tế thị trường là thành quả của văn minh nhân loại; phát triển kinh tế thị trường là phương tiện cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Kiên định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, nắm chắc điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng ta nhất quán quan niệm về bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đó là "...nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội; trong đó, cơ chế thị trường được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh..."<sup>1</sup>.

Những nhận thức nền tảng, nhất quán của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hướng cho việc giải quyết từng bước, hợp lý, hiệu quả mỗi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.34-35.

quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam. Mặc dù đến Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội mới chính thức được đề cập trong văn kiện của Đảng, nhưng những định hướng cơ bản cho việc giải quyết mối quan hệ này đã hình thành từ sớm và từng bước được hoàn thiện trong quá trình đổi mới.

*Dối với Nhà nước*, ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng ta đã nhận thức rõ, phải từng bước chuyển Nhà nước sang chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành sản xuất kinh doanh của cơ sở<sup>1</sup>. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp...”<sup>2</sup>. Cùng với quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng về vai trò của Nhà nước và mối quan hệ Nhà nước - thị trường ngày càng được làm rõ hơn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định: “Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: định hướng phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân theo các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.23.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr.27.

phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...”<sup>1</sup>. Đến nhiệm kỳ Đại hội XII, nhận thức của Đảng về vai trò Nhà nước, về quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có bước tiến quan trọng: “Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”<sup>2</sup>.

Về *thị trường*, từ khi chủ trương phát triển kinh tế thị trường, Đảng ta luôn nhấn mạnh phải tôn trọng và tuân theo quy luật khách quan của thị trường; tạo điều kiện để thị trường phát triển, ngày càng đầy đủ, hoàn thiện theo hướng hiện đại, hội nhập với các loại thị trường, các yếu tố thị trường, thật sự là sân chơi bình đẳng của các chủ thể, các thành phần kinh tế. Thị trường “đóng vai trò chủ yếu trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.26-27.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.103.

huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường”<sup>1</sup>. Thị trường, cơ chế thị trường là cơ sở xác định giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

Về xã hội, nhận thức sâu sắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân là bản chất của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta nhất quán chủ trương đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; nhân dân - chủ thể của xã hội chính là chủ thể phát triển kinh tế thị trường và chủ thể thụ hưởng thành quả của kinh tế thị trường; là chủ thể tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng, Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và của mỗi người dân trong việc quản lý và tổ chức đời sống cộng đồng theo quy định của pháp luật<sup>2</sup>. Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các cơ sở trợ giúp xã hội, quỹ xã hội... tham gia cung ứng các dịch vụ xã hội công ích, giúp Nhà nước giám sát, điều tiết thị trường, góp phần bảo vệ, bảo đảm lợi ích thiết yếu của các thành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.103.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.145-146.

viên xã hội, đặc biệt là người lao động và các tầng lớp dễ bị tổn thương trước những rủi ro, thất bại của thị trường.

Những nhận thức ở tầm đường lối, chủ trương của Đảng đã được Nhà nước thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, qua đó phân định ngày càng rõ, hợp lý hơn chức năng, vai trò và quan hệ giữa ba chủ thể Nhà nước - thị trường - xã hội. Nhà nước chuyển dần từ chức năng quản lý trực tiếp, can thiệp, chỉ huy sang chức năng kiến tạo hành lang pháp lý, môi trường sản xuất kinh doanh, phát triển xã hội; đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức, hướng mọi hoạt động phục vụ thiết thực yêu cầu hợp pháp, chính đáng của nhân dân, doanh nghiệp. Thị trường với các loại thị trường, yếu tố thị trường ngày càng phát triển, hoàn thiện bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế hỗn hợp đang từng bước hình thành. Các quy luật thị trường được tôn trọng, phát huy theo chiều hướng tích cực, tạo môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế trên cơ sở pháp luật. Thị trường từng bước phát huy vai trò quan trọng trong phân bổ các nguồn lực; giải phóng, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất; xác định giá cả... góp phần tăng cường tiềm lực, quy mô của nền kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Xã hội, thông qua người dân, cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp... phát huy ngày càng tốt hơn tính tích cực chính trị - xã hội,

quyền làm chủ, vai trò tự quản, tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, giám sát Nhà nước, thị trường; thúc đẩy sản xuất kinh doanh; xây dựng, lành mạnh hóa quan hệ xã hội, quan hệ lao động; góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, của con người, cộng đồng... Sự phát triển, hoàn thiện của ba chủ thể Nhà nước - thị trường - xã hội và việc nhận thức, giải quyết từng bước có hiệu quả quan hệ giữa ba chủ thể này là một trong những nhân tố góp phần trực tiếp tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong 35 năm qua, nhất là trong 10 năm trở lại đây.

Với ý đồ chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị bất chấp phải trái, trắng đen, luôn tìm mọi cách xuyên tạc, phủ nhận đường lối của Đảng, trong đó đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam là một trong những trọng điểm bị bóp méo, xuyên tạc. Đồng thời, với luận điệu được lặp đi lặp lại trong thời gian dài về sự đồi lập, như nước với lửa, không thể tương dung giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, những năm gần đây, các thế lực thù địch, chống đối tập trung khoét sâu, thổi phồng những mặt còn hạn chế, thiếu sót trong quá trình vận hành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để xuyên tạc, đả phá quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội. Họ cho rằng, ở Việt Nam, quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội là quan hệ hình thức, không hiệu quả, chỉ

phục vụ lợi ích cục bộ và đặc quyền, đặc lợi của Đảng Cộng sản (!). Theo họ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không dựa trên nguyên tắc “tam quyền phân lập” thì quyền lực sẽ bị thao túng, tha hóa, là chiêu bài để Đảng Cộng sản thực hiện độc tài toàn trị (!); kinh tế thị trường không dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân mà lấy sở hữu toàn dân, lấy kinh tế nhà nước làm nền tảng, chủ đạo chính là tạo mảnh đất lợi ích béo bở để quan chức của Đảng, Nhà nước vơ vét, tham nhũng; xã hội Việt Nam không phải là “xã hội dân sự”, không có những tổ chức đối trọng với Đảng, Nhà nước nên không có dân chủ thật sự, tất cả do Đảng, Nhà nước giật dây, chi phối (!)? Họ nhấn mạnh, Việt Nam chỉ có thể giải quyết hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội, tạo nền sự phát triển bứt phá nếu học theo mô hình, kinh nghiệm phương Tây: Nhà nước pháp quyền theo nguyên tắc “tam quyền phân lập” - thị trường tự do trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân - xã hội dân sự, đề cao vai trò thể chế đa nguyên và các tổ chức phi quan phương (!)?

Xét từ phương diện nhận thức lý luận và thực tiễn, có thể chỉ ra sự lừa mị đầy ác ý của những luận điệu này.

*Trước hết, như phần trên đã phân tích, không có sẵn khuôn mẫu về mô hình, phương thức giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với mọi quốc gia.* Do tính chất rất phức tạp, phong phú của mỗi quan hệ này, các quốc gia cần tham chiếu xu hướng, kinh nghiệm có tính phổ biến ở các quốc gia khác để tìm chọn cho mình phương thức xử lý hiệu quả quan hệ giữa ba chủ thể Nhà nước - thị trường - xã hội.

Không thể áp đặt kinh nghiệm, phương thức xử lý của nước này vào điều kiện cụ thể của nước khác và, Việt Nam làm không giống như các nước phương Tây thì không thể quy kết một cách vỡ đoán là Việt Nam sai. Một Cao tăng Tây Tạng có câu nói mang tính triết lý rất sâu sắc: “Người ta đi những con đường khác nhau để tìm kiếm thành công và hạnh phúc. Chỉ vì họ không đi con đường của bạn không có nghĩa là họ lạc lối”<sup>1</sup>.

*Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thực hiện quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội xuất phát từ đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam và phù hợp với xu thế chung của thế giới.* Đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung, việc nhận thức, giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam nói riêng, là một bộ phận hữu cơ của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước, thị trường, xã hội ở Việt Nam và quan hệ giữa ba chủ thể này vừa có những đặc trưng chung mang tính phổ biến, vừa có những đặc điểm, sắc thái riêng do lịch sử chính trị, đặc điểm kinh tế - xã hội của đất nước quy định.

Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước gắn

---

1. Dẫn theo Quỳnh Anh, giadinhmoi.vn, ngày 28/8/2017.

liên với sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản; quyền lực nhà nước là thống nhất, sự vận hành của Nhà nước theo nguyên tắc phân công, phối hợp trên cơ sở mục tiêu thống nhất, lợi ích thống nhất, không bị chi phối bởi đường lối chính trị và lợi ích khác nhau của nhiều đảng chính trị như ở phương Tây. Trong quá trình đổi mới, để làm tốt chức năng quản lý kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường, Nhà nước đề cao nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, tách bạch chức năng quản lý kinh tế vĩ mô với chức năng chủ sở hữu tài sản nhà nước, doanh nghiệp nhà nước; tách trách nhiệm sản xuất kinh doanh với trách nhiệm xã hội; từng bước xóa bỏ “bộ chủ quản”, “chính quyền chủ quản” đối với doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cơ chế giá thị trường... Nhà nước hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; kiên quyết chống độc quyền, chống tham nhũng, lãng phí, phát hiện, xử lý nghiêm minh những công chức nhà nước lạm dụng chức quyền câu kết với doanh nghiệp để trục lợi... Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách để nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp phát huy quyền làm chủ, quyền tự chủ trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội; chăm lo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuy không xây dựng, vận hành theo mô hình “tam quyền phân lập”, nhưng đang đổi mới mạnh mẽ theo hướng kiến tạo, liêm chính, phục vụ nhân dân

và doanh nghiệp, giải quyết ngày càng hiệu quả quan hệ với thị trường, xã hội.

Thị trường ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa, khép kín với hai thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với việc duy trì, đổi mới kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã - là những nhân tố vốn đã tồn tại lâu dài, thị trường ở Việt Nam ngày càng mở rộng, phát triển với sự tham gia sôi động của kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài<sup>1</sup>. Các loại thị trường, các yếu tố thị trường ngày càng phát triển, đồng bộ hơn theo hướng hiện đại, hội nhập; các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các quy luật thị trường được tôn trọng và phát huy tác động tích cực; phương thức đối tác công - tư được thực hiện có hiệu quả; sự tham gia, liên kết giữa các chủ thể Nhà nước - doanh nghiệp - người dân ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những mặt hạn chế, tiêu cực của thị trường từng bước được khắc phục theo sự dẫn dắt, điều tiết của Nhà nước và sự giám sát của xã hội. Đến năm 2018 đã có hơn 69 quốc gia công nhận Việt Nam có kinh tế thị trường. Diện mạo và sức sống của thị trường ở Việt Nam đâu có nghèo nàn, cứng nhắc, đơn điệu và đâu có phải là mảnh đất

---

1. Đến năm 2018, đóng góp vào GDP của kinh tế nhà nước là 27,67%; kinh tế tập thể là 3,74%; kinh tế tư nhân là 42,08%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 19,63%: Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII, *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.25.

béo bở để vụ lợi của các quan chức cộng sản như sự vu cáo của những lực lượng thù địch, chống đối (!).

Trong suốt hơn chín mươi năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng, người dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp... đã trở thành các thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng tổ chức, dẫn dắt; trở thành chủ thể quan trọng, đóng góp to lớn vào công cuộc giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm và truyền thống cách mạng đó cùng với truyền thống đoàn kết dân tộc được vun đắp từ hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước, làm cho xã hội Việt Nam định hình bền vững mối quan hệ tự nhiên giữa các tổ chức xã hội với Nhà nước cách mạng; không phải là môi trường thuận lợi cho việc ra đời, phát triển các tổ chức dân sự ngoài Nhà nước, đối trọng với Nhà nước như ở các quốc gia phương Tây vốn hình thành từ sớm xã hội thị dân, xã hội công dân. Trong quá trình lãnh đạo, nhất là từ khi đất nước phát triển kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt tăng cường, giữ vững vai trò lãnh đạo, mặt khác luôn tôn trọng vai trò độc lập, tính chủ động, tự chủ, tự quản, năng động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo môi trường thuận lợi để người dân và các tổ chức xã hội tham gia phát triển, giám sát thị trường, tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội hoạt động của Đảng và Nhà nước. Xã hội Việt Nam là xã hội dân chủ, là chủ thể quan trọng

trong phát triển thị trường, hoàn thiện Nhà nước, hoàn toàn không phải là một xã hội mất dân chủ, không có vai trò, thụ động theo sự giật dây, chỉ huy của Đảng, Nhà nước như luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

*Thứ ba, thực tế đã chứng minh tính hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam.* Suy đến cùng, hiệu quả thực tế vẫn là thước đo chính xác nhất để xác định giá trị của nhận thức, hành động. Kinh tế thị trường đã hình thành từ rất sớm ở các nước tư bản phương Tây và các nhà nước phương Tây đã trải qua hàng trăm năm kiểm chứng nhận thức và tiến hành giải quyết mỗi quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội. Nhưng cho đến nay, chưa có quốc gia phát triển kinh tế thị trường hiện đại nào tuyên bố hoàn toàn có thể nhận thức đúng và giải quyết tốt mỗi quan hệ có ý nghĩa kinh điển này. Những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính chu kỳ; sự bất ổn và những rủi ro xã hội diễn ra ở nhiều nơi vẫn tạo một khoảng trống về lý thuyết và những thách đố về hành động đối với các quốc gia phát triển kinh tế thị trường. Việt Nam mới bước vào phát triển kinh tế thị trường trong khoảng thời gian rất ngắn so với các nước tư bản phát triển; còn nhiều vấn đề mới về nhận thức cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện; còn nhiều hạn chế, yếu kém trong hoạt động thực tiễn phải tiếp tục khắc phục, song nhìn tổng thể, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã phát triển đúng hướng và giành được những thành tựu quan trọng bước đầu; việc nhận thức, giải quyết quan hệ Nhà nước - thị

trường - xã hội, về cơ bản, hợp lý, có hiệu quả. Ba mươi lăm năm đổi mới, mặc dù vừa làm vừa học, vừa rút kinh nghiệm, song việc nhận thức, giải quyết quan hệ giữa ba chủ thể quan trọng nhất trong kinh tế thị trường không làm tổn thương, không gây ra những chấn động về kinh tế, xã hội. Trái lại, chính kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc giải quyết hợp lý, hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội những năm 70, 80 của thế kỷ XX; thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, có tốc độ phát triển cao, tiềm lực, quy mô kinh tế ngày càng được tăng cường<sup>1</sup>; đứng vững không bị sụp đổ trước tác động của các cuộc khủng hoảng, suy thoái tài chính, kinh tế khu vực, toàn cầu cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX và cuối thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng, được thế giới ghi nhận<sup>2</sup>. Sự ổn định xã hội, sự đoàn kết, đồng thuận xã hội ở Việt Nam là nhân tố quan trọng để củng cố, hoàn thiện

---

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 6,8%/năm (giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân 5,9%/năm); quy mô GDP tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD. Nguồn: Tính theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, đối chiếu với số liệu của Ngân hàng Thế giới, Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc.

2. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 14,2% năm 2010 xuống 7% năm 2016 và ước còn dưới 3% vào năm 2020.

Nhà nước, bình ổn và phát triển thị trường, tạo nên sức mạnh to lớn giúp Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngừng phát triển. Thách thức khốc liệt của đại dịch Covid-19 vừa qua và thành công của Việt Nam trong phòng, chống dịch là minh chứng hùng hồn về sức sống, sức mạnh, sự bền vững của quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam.

### ***2.3. Tự tin, tiếp tục nhận thức và giải quyết hiệu quả hơn nữa quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội trong giai đoạn phát triển mới***

Cùng với việc khẳng định những mặt thành công trong quá trình nhận thức, giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm cần kiên quyết khắc phục. Tổ chức bộ máy của Nhà nước vẫn còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế, xã hội chưa cao; phẩm chất, năng lực của một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kiểm soát quyền lực, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí mới đạt kết quả bước đầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập chưa được tháo gỡ. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch; các nguồn lực phát triển chưa được phân bổ, sử dụng hiệu quả. Một số loại thị trường hiện đại và phương thức giao dịch thị trường hiện đại phát triển chậm; cơ chế giá thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ thực hiện còn khó khăn. Sự kết nối, tương tác giữa các hình thức sở

hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh, giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế chưa chặt chẽ, hiệu quả. Phát triển, quản lý phát triển xã hội chưa được chú trọng đúng tầm. Quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền dân chủ trực tiếp và vai trò tự chủ, tự quản chưa được phát huy đầy đủ. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế; sự tham gia của các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội... vào quá trình phát triển thị trường chưa thật rõ nét...

Bước vào giai đoạn phát triển mới, để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 với tầm nhìn đến năm 2030 và 2045, trên cơ sở tổng kết, đúc rút kinh nghiệm của 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục hoàn thiện đường lối đổi mới nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn, trong đó chú trọng nhận thức đầy đủ hơn, thực hiện hiệu quả hơn quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội.

*Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy thị trường và xã hội phát triển bền vững.* Rà soát chức năng, tổ chức, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước thật sự tinh gọn, đồng bộ, thông suốt. Nâng cao chất lượng quản trị quốc gia gắn với xây dựng chính quyền điện tử; chú trọng hoàn thiện, thực thi thể chế phát triển, trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh; huy động,

phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đẩy lùi tệ nạn tham nhũng, lãng phí. Thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tạo cơ chế, môi trường thuận lợi để các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội; các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các tổ chức tự quản... tham gia sâu rộng vào quá trình phát triển kinh tế thị trường và phát triển, quản lý phát triển xã hội.

*Tiếp tục phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường theo hướng hiện đại, hội nhập.* Gắn kết hiệu quả các loại thị trường, các thị trường vùng, liên vùng, thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; kết nối các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh tạo thành sức mạnh tổng thể, thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường với hàng hóa, dịch vụ; đề cao và phát huy vai trò quyết định của thị trường trong huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường, tạo động lực đổi mới sáng tạo, phát triển xã hội, phát triển lực lượng sản xuất. Thông qua hoạt động có hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước và hoạt động tự giác, có tổ chức của xã hội, điều tiết, phòng ngừa những rủi ro, hệ lụy từ những khuyết tật của thị trường.

*Chú trọng phát triển, quản lý phát triển xã hội trên nền tăng thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Gắn kết chặt chẽ các chính sách kinh tế với chính sách xã hội; giải quyết hài hòa quan hệ xã hội, quan hệ lao động, quan hệ lợi ích; nâng cao chất lượng an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội tương ứng với tăng trưởng kinh tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện đầy đủ, có kết quả Quy chế dân chủ ở cơ sở theo đúng phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội... trong phát triển thị trường và điều tiết quan hệ kinh tế thị trường. Tổng kết, nhân rộng mô hình tự quản trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.*

Thực tiễn 35 năm đổi mới với những thành quả hiện thực, nổi bật chứng minh tính hợp lý, hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam, tạo tiền đề vững chắc để Việt Nam tiếp tục giải quyết thành công mối quan hệ quan trọng này trong giai đoạn phát triển mới.

**LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG CÔNG TÁC  
NHÂN SỰ TRONG ĐẢNG CHỈ LÀ SỰ NGỤY TẠO,  
LỰA CHỌN NHÂN SỰ ĐẠI HỘI PHẢN KHOA HỌC,  
KÉM HIỆU QUẢ; LÀ SỰ TRANH GIÀNH, ĐẤU ĐÁ PHE PHÁI  
NÊN CHỈ CHỌN ĐƯỢC NHỮNG PHẦN TỬ CƠ HỘI  
THEO CÁC NHÓM LỢI ÍCH**

Trước thêm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị đang ra sức đẩy mạnh các hoạt động chống phá, tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, tung tin sai trái, bịa đặt, vu khống về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt với những thủ đoạn rất thâm độc, xảo quyệt, nguy hiểm, tạo ra sự thu hút, chú ý của nhiều người, của dư luận xã hội để gây mất niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước.

**1. Các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng**

Trong thời gian hiện nay, trên nhiều phương tiện truyền thông hải ngoại, trang mạng của tổ chức phản động,

lưu vong và mạng xã hội, các đối tượng này tăng cường tung ra các luận điệu xuyên tạc, giả mạo, thất thiệt chống phá Đại hội XIII của Đảng. Chúng ra sức thổi phồng, suy diễn, bóp méo, bịa đặt, quy kết về những hạn chế, yếu kém của Đảng, Nhà nước trong công tác cán bộ. Chúng cho rằng công tác cán bộ, đặc biệt là công tác nhân sự Đại hội XIII là cuộc “tranh giành quyền lực”, “thanh trừng nội bộ”, “thủ tiêu đối phương”, “theo lợi ích nhóm” chi phối. Chúng cố tình dựng chuyện, quy chụp rằng, việc chuẩn bị Đại hội như là hoạt động thay cho Đại hội, là “xóa bỏ quyền của các đại biểu dự Đại hội”; việc thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn chủ chốt cho Đại hội XIII là Ban Chấp hành Trung ương đã “tước đi quyền tự do, dân chủ trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử của các đại biểu dự Đại hội XIII” và chúng còn rêu rao rằng “tổ chức đại hội đảng các cấp, Đại hội XIII chỉ mang tính hình thức, không khoa học, hiệu quả thấp; công tác nhân sự trong Đảng chỉ là sự nguy tạo, chỉ để hợp thức hóa, là dịp để hội hè, tốn kém tiền bạc của nhân dân”, còn nhân sự đã được sắp đặt “theo nhóm lợi ích” (!).

Trước thêm Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lại giở nhiều chiêu trò, thủ đoạn khác nhau để chống phá. Có thể chỉ ra một số thủ đoạn quen thuộc của chúng như: kêu gọi tổ chức “xã hội dân sự”; kêu gọi thành lập “diễn đàn xã hội dân chủ”; tổ chức “anh em dân chủ”; nhân danh “nhà hoạt động chính trị - dân chủ”; “nhà báo”, “nhà cải cách xã hội”..., thậm chí đội lốt mang tên, ghép ảnh một số người có uy tín trong xã hội để lừa dối dư luận.

Thủ đoạn chống phá của chúng là lợi dụng những sự kiện, những diễn biến, những động thái có thật, bằng những kỹ xảo tinh vi của công nghệ thông tin, tạo dựng chuyên bằng cách lắp ghép, trích dẫn, cắt xén các lời phát ngôn, bài viết, hình ảnh... sau đó tung lên mạng làm cho người đọc, người xem thiếu kinh nghiệm dễ lầm tưởng, khó phân biệt, nhận diện thật - giả, đúng - sai. Từ đó, đánh giá, nhận định không đúng bản chất sự kiện, nhân vật gây nghi ngờ, hoang mang trong nhân dân và trong dư luận xã hội.

Đối với việc phòng, chống tham nhũng, từ sự cương quyết của Đảng ta trong việc xử lý các đại án tham nhũng, nhiều vị lãnh đạo, trong đó có không ít vị lãnh đạo cao cấp đã vướng vòng lao lý: Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã phải xử lý kỷ luật hơn 110 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy phiếu bầu, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội... trong đó có cả cán bộ cao cấp, đã được ngăn chặn. Kết quả đó làm cho lòng tin của nhân dân ta đối với Đảng ngày một tăng cao; uy tín của chế độ chính trị được củng cố. *Tuy nhiên*, các thế lực thù địch, phần tử xấu cũng cắn cú vào việc chống tham nhũng, tiêu cực để tăng cường xuyên tạc, nói xấu, chống phá đất nước ta. Chúng cho rằng, Đảng, Nhà nước ta đang ở thế “luồng nan đồi nghịch”, với hàm ý chống tham nhũng, nhưng ngại thay đổi thể chế chính trị. Trước thềm Đại hội XIII, chúng tiếp tục tung tin đồn thổi

nhiều đồng chí lãnh đạo các cấp liên quan đến những nghi án tham nhũng, có sân sau, “lợi ích nhóm”. Chúng cho rằng, hành động này như một mũi tên đánh trúng hai đích: một mặt, làm suy giảm uy tín cá nhân lãnh đạo, gây mất đoàn kết nội bộ; mặt khác, làm nhiễu, rối loạn thông tin, gây hoang mang dư luận, để cho người dân nhìn vào đâu cũng thấy tham nhũng, tiêu cực tràn lan. Nham hiểm hơn nữa, từ những “đại án” tham nhũng, các thế lực thù địch chớp ngay cơ hội, tăng cường thông tin trên mạng xã hội, ra sức công kích hòng làm giảm sút uy tín của Đảng và Nhà nước, lung lạc niềm tin của nhân dân đối với hệ thống chính trị và chế độ trước thềm Đại hội XIII của Đảng.

Để vô hiệu hóa, làm thất bại sự chống phá của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị, trước hết, cán bộ, đảng viên, nhân dân cần nhận diện rõ bản chất những thông tin xấu, độc hại của chúng để ngăn chặn sự tác động của nó vào đời sống chính trị, tinh thần của cộng đồng xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc phòng, chống tham nhũng với tinh thần kiên quyết “không có vùng cấm; không có ngoại lệ”. Sự chống phá của các thế lực thù địch sẽ không có đất sống nếu Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đoàn kết, có sức đề kháng tốt. Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền, Đảng và Nhà nước cần chủ động công khai, minh bạch thông tin những chủ trương, chính sách trong giải quyết các vấn đề một cách khách quan, khoa học, đúng đắn, có lý, có tình, nhân văn. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần hiện thực hóa chủ trương, chính sách kịp thời, chính xác, giải quyết

nhanh chóng các vấn đề nảy sinh và bức xúc của nhân dân trong cuộc sống. Nếu chúng ta không kịp thời minh bạch thông tin thì đó chính là tạo điều kiện môi trường cho lực lượng phản động, cơ hội chính trị tung tin giả, xuyên tạc. Vì trong thực tế, khi nguồn tin được xác định là giả, được lan truyền để người đọc, người xem, người nghe hiểu được sự thật thì đã muộn, có khi đã gây tác hại khôn lường trong cộng đồng và trong xã hội.

Đại hội XIII của Đảng là sự kiện chính trị trọng đại của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Tuy nhiên, trong dòng chảy đoàn kết và thống nhất vẫn có những đối tượng cố tình công kích, chống phá với nhiều chiêu bài, thủ đoạn thâm độc khác nhau. Cho nên việc nhận diện và đấu tranh với những thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trước và trong Đại hội XIII của Đảng là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết hiện nay để cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng bản chất công tác cán bộ của Đảng và công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng.

## **2. Những âm mưu, thủ đoạn, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, phản tử xấu về công tác cán bộ, nhân sự Đại hội XIII của Đảng thể hiện ở một số nội dung sau đây:**

*Một là*, chúng suy diễn công tác nhân sự theo kiểu “trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã tường” như: “Ai sẽ vào Ban Chấp hành Trung ương, ai sẽ vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII?”, “Dự báo thay đổi nhân sự cấp cao Đại hội XIII”, “Ai sẽ vào “tứ trụ” Đại hội XIII?”, “Ai sẽ làm Tổng Bí thư?”,

“Ai sẽ làm Chủ tịch nước?”, “Ai sẽ làm Thủ tướng Chính phủ?”, “Ai sẽ làm Chủ tịch Quốc hội?” và chúng còn cho rằng “nhân sự Đại hội XIII đã được sắp định sẵn”. Thật nực cười, Đại hội còn chưa diễn ra, song những “con buôn” chính trị lại tỏ ra thông thái khoác lác như thật, khẳng định người này triệt hạ người kia, để giữ vị trí này, vị trí khác, sắp xếp bộ máy lãnh đạo của Đảng từ cao xuống thấp; từ đó suy diễn, đánh giá theo chiều hướng tiêu cực; chúng thường “giật tít, câu khách” đánh trúng vào tâm lý, sự tò mò của nhiều người, từ đó đưa ra phân tích, nhận định công tác cán bộ, công tác nhân sự đã có sự “an bài”, “sắp xếp”, “thỏa hiệp”, “theo nhóm lợi ích”; cuối cùng chúng còn rêu rao, xuyên tạc chế độ mất dân chủ, độc đảng, chuyên quyền, toàn trị, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, gây mất đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân, làm phân tâm trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trước thềm Đại hội XIII của Đảng. Đây là âm mưu rất thâm độc, xảo quyệt của chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng nói riêng.

*Hai là*, chúng tìm mọi cách xuyên tạc đời tư, nói xấu, vu cáo, bịa đặt cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng. Thời gian gần đây, trên các mạng xã hội, các blog, không gian mạng xuất hiện nhiều thông tin vu cáo, xuyên tạc, rêu rao, bôi nhọ, chia rẽ, gây mất đoàn kết giữa các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Chúng thường phát tán các thông tin, hình ảnh ghép, clip giả tạo, sai lệch, biến không thành có, thật giả lẫn lộn, gây hoài nghi, hoang mang trong dư luận xã hội và nhân dân về “tứ trụ” lãnh đạo đất nước. Với những thủ

đoạn, âm mưu này, chúng muốn tác động đến nhận thức, tâm lý, tư tưởng, tình cảm của nhân dân, cán bộ, đảng viên đối với Đại hội XIII của Đảng.

Ba là, chúng tập trung tung ra những bài viết, nhận định xuyên tạc rất nguy hiểm, bằng cách đánh đồng công tác phòng, chống tham nhũng là để “thanh trùng nội bộ”, “tranh giành quyền lực”, “triệt hạ lẫn nhau” trước thềm Đại hội XIII. Chúng lợi dụng vào một số vụ việc cụ thể như: việc một số tướng lĩnh, sĩ quan quân đội, công an bị Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương kết luận, xử lý kỷ luật vừa qua; sự việc liên quan đến lãnh đạo một số tỉnh, thành phố, bộ, ngành mắc sai phạm thời gian qua... để xuyên tạc và cho đó là sự “đấu đá quyền lực”, “tranh giành lợi ích”, “tiêu diệt phe nhóm”, “thanh trùng nội bộ”... Từ đó nhằm gây ra tình trạng nghi ngờ, hoang mang, làm tưởng an ninh chính trị mất ổn định, nội bộ mất đoàn kết, hòng làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng, cán bộ quản lý của Nhà nước trong hệ thống chính trị ở nước ta.

### **3. Những luận cứ xác đáng nhằm đập tan chiêu trò bịa đặt, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị, phản tử xấu về nhân sự Đại hội XIII của Đảng**

**3.1. Như chúng ta đã biết, đối với mỗi đảng chính trị, đảng cầm quyền ở bất kỳ quốc gia hay thể chế chính trị nào, thì đều phải bầu ra bộ máy lãnh đạo của đảng và phải tiến hành công tác lựa chọn, bầu cử bộ máy lãnh đạo, người đứng**

*đầu dưới hình thức dân chủ trực tiếp hay gián tiếp. Đó là công việc quan trọng và được thực hiện theo một quy định, quy trình hết sức chặt chẽ.* Chẳng hạn, nền chính trị dân chủ tư sản, điển hình ở Mỹ thì Đảng Dân chủ hay Đảng Cộng hòa, định kỳ vẫn tổ chức đại hội toàn quốc để đảng viên bầu ra cơ quan lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Đảng, để cử đại biểu của Đảng mình tham gia bầu ra Tổng thống Mỹ; ở Nhật Bản cũng vậy, vừa rồi tiến hành bầu Chủ tịch Đảng trước, sau đó Đảng mới giới thiệu, để cử bầu Thủ tướng Chính phủ, v.v.. Hơn nữa, ở hầu hết các nước trên thế giới, những công chức trong bộ máy nhà nước dù ở cương vị nào, nếu bị phát hiện tham ô, tham nhũng thì không bao giờ được giới thiệu, để cử vào cơ quan lãnh đạo và đều bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật. Lê nào, những điều thông thường, phổ quát như vậy cũng là “đáu đá”, “tranh giành”, “thanh trùng”, “tiêu diệt” nội bộ hay sao?, mà các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, phần tử xấu cố tình làm ngơ không hiểu và chúng còn tìm mọi thủ đoạn xuyên tạc công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng ta, hòng chống phá, hạ thấp vai trò, uy tín lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước, với dân tộc.

**3.2. Công tác nhân sự của Đảng đang tiến hành thật sự công tâm, khách quan, trong sáng.** Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: *Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Ban Chấp hành Trung ương mà là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan,*

*đơn vị và các địa phương*. Các cơ quan, tổ chức có liên quan, mà trước hết là Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã dày công chuẩn bị, phải xác định đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ “then chốt” của “then chốt”, có liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ, sự phát triển, vững mạnh của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “... cán bộ là cái gốc của mọi công việc..., huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”; “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Do đó, từng cơ quan, địa phương, từng cán bộ trực tiếp tham gia vào công tác chuẩn bị nhân sự cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc trách nhiệm của mình, toàn tâm, toàn ý lo cho công việc chung, phải đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, chỉ ra những ưu điểm, kết quả cũng như những khuyết điểm, hạn chế của các khóa trước, nhất là của khóa XII vừa qua, để có thêm cơ sở để ra phương hướng, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của khóa XIII.

Công tác nhân sự, cán bộ của Đảng được thực hiện theo một quy định, quy trình chặt chẽ, nghiêm túc, khách quan, khoa học; được chuẩn bị công phu, cách làm cẩn trọng, dựa trên nguyên tắc xây dựng Đảng vốn là sức mạnh, tiến bộ, phát huy được nguyện vọng, ý chí tập thể, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số. Từ đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là cơ quan cao nhất của Đảng phát huy dân chủ, sáng suốt lựa chọn, bêu ra những cán bộ ưu tú, gương mẫu của Đảng,

thật sự vững vàng, kiên định, có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, trí tuệ và có uy tín cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để giải quyết công việc, xử lý kịp thời, đúng đắn, có hiệu quả những tình huống phức tạp có quan hệ đến sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước và sự sống còn của Đảng, của chế độ và vì hạnh phúc của nhân dân.

Công tác cán bộ nói chung, công tác nhân sự trước mỗi kỳ Đại hội Đảng nói riêng có vị trí đặc biệt quan trọng, liên quan đến sự thành công của Đại hội Đảng và công tác lãnh đạo của Đảng; liên quan đến sự sống còn của Đảng, sự phát triển bền vững của Đảng và đất nước. Công tác nhân sự luôn được tiến hành cẩn trọng, bảo đảm khách quan, đúng nguyên tắc, đủ tiêu chuẩn theo quy định. Công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng góp phần quan trọng, mang tính quyết định, tạo nên đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp chiến lược nói riêng “vừa hồng, vừa chuyên” để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong thời kỳ mới.

**3.3. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong dư luận xã hội đặc biệt quan tâm theo dõi và luôn tin tưởng: Đảng ta sắp tới sẽ lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo (Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là cán bộ chủ chốt) đủ sức gánh vác nhiệm vụ cách mạng to lớn mà lịch sử giao phó.** Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội đặc biệt quan trọng, nhưng cũng rất nhạy cảm, vì liên quan trực tiếp đến tâm tư, tình cảm, uy tín, danh dự và lợi ích của mỗi con

người, mỗi cán bộ, đảng viên. Do đó, phải được tiến hành theo quy định, quy trình hết sức chặt chẽ. Tuy nhiên, trước thềm Đại hội XIII của Đảng, các phần tử xấu, cơ hội, phản động “mượn gió bẻ măng” lan truyền thông tin xuyên tạc, bịa đặt, nói xấu cán bộ, đảng viên như: thêu dệt về bí mật đời tư, bịa đặt về tình hình sức khỏe, đạo đức, lối sống của cán bộ; bóp méo các thông tin, vu khống các bước của quy trình nhân sự là “đấu đá phe phái”, “lợi ích nhóm”, “con ông cháu cha”... hòng gây hoang mang, gieo rắc hoài nghi trong nhân dân, chia rẽ nội bộ, phá hoại công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác nhân sự nói riêng rất thâm độc và nguy hiểm. Trong đó, cũng có kẻ mượn tiếng đòi dân chủ trong công tác nhân sự, “đòi cho ứng cử và tranh cử” như một số kẻ mượn danh dân chủ, giả danh dân chủ phát biếu trên mạng xã hội để hạ thấp vai trò, uy tín của Đảng, tìm cách xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực chất, đó là những kẻ đã “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, xa rời lý tưởng cách mạng, xa rời mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Một số vấn đề cần đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng” đã nhấn mạnh: Công tác nhân sự Đại hội là vô cùng quan trọng, hết sức phức tạp, khó khăn, nặng nề, đòi hỏi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cả hệ thống chính trị phải làm việc với tinh thần trách nhiệm rất cao, với quyết tâm, nỗ lực rất lớn; nhất là, phải làm thật sự công tâm, khách quan, khoa

học trên tinh thần đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu, việc giới thiệu nhân sự nói chung phải trên cơ sở quy hoạch; giữ vững nguyên tắc, quy chế, quy định, phát huy trách nhiệm, dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan trong đánh giá, giới thiệu để lựa chọn nhân sự; phải lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ các mặt, uy tín và hiệu quả công tác của cán bộ làm căn cứ và tiêu chí cơ bản để đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp với công việc, vị trí công tác, lãnh đạo. Đồng thời, trong công tác nhân sự, phải phòng và chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; nhất là chống các biểu hiện cơ hội, tham vọng quyền lực, vận động cá nhân để chạy phiếu bầu, cục bộ địa phương, liên kết phe cánh, “lợi ích nhóm” của cả người làm công tác nhân sự và người được giới thiệu vào danh sách nhân sự Đại hội XIII của Đảng.

Phải thầm nhuần sâu sắc những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài”<sup>1</sup> và “Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tú. Làm đày tú cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”<sup>2</sup>, vì thế, “Làm cán bộ tức là suốt đời làm đày tú trung thành của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.572.

nhân dân”<sup>1</sup>. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: Công tác nhân sự của Đảng phải được tiến hành cẩn trọng, để không chỉ lựa chọn đúng, trúng mà còn kiên quyết không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ tiêu chuẩn; đồng thời, cũng không để lọt vào Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII những người bản lĩnh chính trị không vững vàng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán, làm việc kém hiệu quả, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm, uy tín giảm sút, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân hoặc vợ, chồng, con có lỗi sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính; nhất là những người đã vi phạm khuyết điểm trong công tác.

**3.4. Để có thể chọn được những cán bộ lãnh đạo, nhất là ở cấp chiến lược vừa có đức, vừa có tài, bảo đảm đủ các tiêu chuẩn đã đề ra, trong thời gian qua các cơ quan làm công tác nhân sự và người đề cử, giới thiệu nhân sự đã phát huy dân chủ trong việc phát hiện, giới thiệu nhân sự, đi đôi với xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan. Đặc biệt, trong công tác nhân sự đã chú trọng và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; tránh cách làm giản đơn, tùy tiện, vô nguyên tắc, vô tổ chức. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng phải thống nhất, kiên quyết và phải bằng mọi biện pháp dứt khoát để không**

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.670.

đưa vào cơ quan lãnh đạo những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, những người nói một dằng làm một néo, những người “ba phải”, “dĩ hòa vi quý”, nhẫn nhục chờ thời, những người luôn “làm màu” để lấy phiếu bầu chứ không phải thật sự nêu gương, thật sự có đức, có tài. Phải giới thiệu và bầu cho được những người: luôn đặt lợi ích chung của quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng đón nhận mọi khó khăn, vất vả, thậm chí hy sinh cả bản thân vì lợi ích chung; “làm người dày tớ nhân dân chứ không phải làm quan nhân dân”; những người luôn coi “dân là chủ” và “dân làm chủ” và luôn “mở rộng dân chủ thật sự với nhân dân”; trong bất cứ thời điểm nào, hoàn cảnh cụ thể nào cũng phải “việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”; phải “yêu dân”, “kính dân” chứ không để “dân đói”, “dân rét”, “dân dốt”, nghĩa là phải vì dân, phục vụ dân.

**3.5. Công tác giới thiệu nhân sự trước Đại hội XIII đã được thực hiện bài bản; công phu, nghiêm túc, là khâu quyết định đến chất lượng nhân sự.** Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện đúng, nghiêm công tác cán bộ, công tác nhân sự. Cụ thể, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã khẳng định một chủ trương rất mới và tích cực trong việc lựa chọn, bố trí người tài, đức vào các vị trí lãnh đạo. Đó chính là “thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo quản lý”; “Quán triệt và nghiêm túc thực hiện quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ

cán bộ, đi đôi với phát huy quyền và trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ”<sup>1</sup> theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Thông báo Kết luận số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 về “Xác định tuổi của đảng viên”, lấy ngày, tháng, năm sinh trong hồ sơ kết nạp Đảng của đảng viên làm căn cứ để tính tuổi công tác, từng bước chấm dứt tình trạng “chạy tuổi” đã diễn ra trong nhiều nhiệm kỳ trước đây. Đồng thời, phải thực hiện tốt các Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị quy định về “Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về “Tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”; Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị quy định về “Phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử” để thay thế Quyết định số 67-QĐ/TW và Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 04/7/2007 của Bộ Chính trị khóa X, nhằm đẩy mạnh việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ sung, hoàn thiện quy trình 5 bước khi tiến hành bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn; Quy định số 109-QĐ/TW ngày 03/01/2018 của Ban Bí thư về “Công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.206.

19/5/2018 của Bộ Chính trị về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và Kết luận số 55-KL/TW ngày 15/8/2019 của Ban Bí thư về việc “Tiếp tục chấn chỉnh công tác cán bộ để chuẩn bị tốt nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng”... đã thể hiện rõ việc lựa chọn nhân sự, bầu cử vào các vị trí quan trọng của hệ thống chính trị ngày càng đổi mới, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, công tâm, khách quan, có sự quan tâm của nhân dân và toàn xã hội.

Sáng ngày 05/10/2020, tại phiên khai mạc Hội nghị Trung ương 13, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cho biết: Từ cuối tháng 12/2018 đến tháng 9/2020, để chuẩn bị nguồn nhân sự cho Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, sau khi Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến, trên cơ sở đề xuất của Tiểu ban Nhân sự, Bộ Chính trị đã 4 lần phê duyệt nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII với tổng số 227 đồng chí. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo mở 5 lớp bồi dưỡng kiến thức mới cho các đồng chí được quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII. Tháng 7/2020, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đã gửi thư đến các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa XII, đề nghị từng đồng chí đề xuất ý kiến về cá nhân mình và giới thiệu nhân sự đủ tiêu chuẩn, điều kiện để thay thế mình. Trên cơ sở đề xuất của Tiểu ban Nhân sự, Bộ Chính trị đã họp thông qua cơ cấu và nguồn nhân sự để giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII. Căn cứ quyết định của Bộ Chính trị, Tiểu ban Nhân sự đã thông báo cho

các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức việc giới thiệu nhân sự. Tính đến ngày 20/8/2020, đã có 116/116 địa phương, cơ quan, đơn vị giới thiệu 119 đồng chí Ủy viên Trung ương khóa XII (cả chính thức và dự khuyết) tái cử Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; 107 đồng chí lần đầu được giới thiệu tham gia ủy viên chính thức và 44 đồng chí tham gia Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII. Nhìn chung, việc tổ chức lấy phiếu giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương đã được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, cơ bản bảo đảm tiến độ, đúng quy trình, hướng dẫn của Tiểu ban Nhân sự. Tiểu ban Nhân sự đã chỉ đạo 10 cơ quan chức năng và địa phương liên quan tiến hành thẩm định, kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn, điều kiện đối với các nhân sự đã được giới thiệu (bao gồm nhân sự tái cử và nhân sự tham gia lần đầu) để trình ra Hội nghị Trung ương 13 tiếp tục thảo luận, cân nhắc, lựa chọn kỹ trước khi ghi phiếu biểu quyết để chuẩn bị trình ra Đại hội XIII. Đây là cách làm nhân sự rất dân chủ, khách quan, khoa học và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Thực tế cũng cho thấy, việc giới thiệu nhân sự từ Đại hội Đảng bộ các cấp đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã được xem xét, cân nhắc và thực hiện theo đúng Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước; trong đó, đặc biệt coi trọng chất lượng, bảo đảm số lượng và có cơ cấu hợp lý. Việc bầu ra cơ quan lãnh đạo các cấp được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo môi trường thực sự dân chủ trong quá trình chuẩn bị nhân sự và trong bầu cử tại Đại hội. Đó cũng

chính là minh chứng cho thấy trong công tác cán bộ, Đảng không chỉ chuẩn hóa, siết chặt kỷ luật, kỷ cương mà còn luôn tạo cơ chế, môi trường, điều kiện để khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo, bảo đảm tính khách quan, khoa học, sự cẩn trọng, công tâm của cán bộ, đảng viên và đi liền đó là tăng cường việc kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy phiếu, tránh cục bộ địa phương, để kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong công tác nhân sự và công tác bầu cử tại Đại hội.

**3.6. Công tác bầu cử trong Đảng là vô cùng hệ trọng; bảo đảm cho mọi đảng viên thực hiện quyền bầu cử theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.** Thông qua công tác bầu cử để lựa chọn những người có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín vào cấp ủy một cách dân chủ, nghiêm túc, làm cho Đảng thực sự là một tổ chức cách mạng chặt chẽ, đoàn kết, kỷ cương, thống nhất cao, trong sạch, vững mạnh. Vì vậy, Đảng ta luôn coi trọng công tác bầu cử, xem đây là một khâu quan trọng trong công tác cán bộ và công tác nhân sự. Nhiều nhiệm kỳ qua, cùng với việc đổi mới các khâu trong công tác cán bộ, công tác bầu cử trong Đảng đã có những đổi mới quan trọng. Các quy định về bầu cử trong Đảng luôn bám sát và tuân thủ đúng Điều lệ, các nghị quyết Đại hội Đảng, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đồng thời, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của công tác xây dựng Đảng và yêu cầu, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng.

Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng được thực hiện trên cơ sở phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững

nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương; coi trọng chất lượng, hiệu quả trên tinh thần: “Đại hội là dịp để sàng lọc cán bộ chứ không chỉ bàn phương hướng. Ai xứng đáng thì làm, không thì thôi, không sợ thiếu cán bộ” như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh. Lựa chọn cán bộ, chuẩn bị nhân sự là một quy trình chặt chẽ, khoa học, nhất quán, bảo đảm thật sự công tâm, thật sự công bằng, trong sáng, khách quan. Theo đó, các tổ chức đảng giới thiệu đảng viên ứng cử các chức danh lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, được vận dụng theo quy chế phù hợp với thẩm quyền. Cụ thể, trên cơ sở tiêu chí để đánh giá đúng cán bộ, lựa chọn đúng người có đức, có tài, sắp xếp đúng việc, bố trí đúng chỗ để tạo ra một ê kíp, một tập thể cộng sự làm việc ăn ý, đoàn kết, thống nhất, có sức mạnh, để tránh tình trạng “nhìn gà hóa cuốc”, “thấy đở tưởng là chín”, “thấy cái mā bên ngoài, nó che đậy cái sơ sài bên trong”. Đồng thời, người giới thiệu và người tham gia bầu cử tại Đại hội đều cần phải “có con mắt tinh đời” trong việc đánh giá, lựa chọn để chọn và bầu cho được những người thật sự đủ đức và đủ tài. Chính vì vậy, đây không chỉ là nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương mà của cả hệ thống chính trị và là nhiệm vụ trọng yếu liên quan đến sự sinh tồn của Đảng và sự phát triển bền vững của quốc gia - dân tộc. Thực hiện tốt nguyên tắc “tập thể lãnh đạo”, “lãnh đạo tập thể”, “lãnh tụ tập thể”, phối hợp, hỗ trợ nhau trong công việc. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác nhân sự trước Đại hội một cách chặt chẽ, nghiêm minh, cẩn trọng. Công tác bầu cử

trong Đảng phải được triển khai theo đúng nguyên tắc, đúng quy trình; bảo đảm quyền của đảng viên trong bầu cử, ứng cử, cũng như thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp ủy đảng trong công tác bầu cử. Đây cũng chính là sự cụ thể hóa một bước quan trọng về nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác bầu cử của Đảng; đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc ứng cử, đề cử của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, quy định về số dư và danh sách bầu cử. Đồng thời, cũng thể hiện sự phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát huy dân chủ, đoàn kết thống nhất của một Đảng cách mạng, chân chính. Đó là thực hành dân chủ theo đúng Điều lệ Đảng và kỷ luật đảng, là tập trung dân chủ chứ không phải dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan như các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, phần tử xấu bịa đặt, vu khống, tung tin xuyên tạc trên các trang mạng xã hội và một số tài khoản blog, facebook cá nhân về công tác nhân sự Đại hội XIII rất thâm độc và nguy hiểm.

Làm tốt công tác nhân sự từ đại hội đảng bộ các cấp và công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ và sự phát triển bền vững của đất nước. Vì thế, mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân hãy bình tĩnh, tỉnh táo, cảnh giác trước những âm mưu, luận điệu xuyên tạc, tung hỏa mù, giả danh dân chủ của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị để gây mất niềm tin vào công tác nhân sự của Đảng ta. Cần có niềm tin vào những cán bộ, tổ chức có trách nhiệm, được phân công tham gia làm công tác nhân sự, công tác bầu cử tại Đại hội XIII của Đảng là

những người công minh, chính trực, liêm chính; đồng thời, phải tin tưởng vào các đại biểu dự Đại hội XIII của Đảng là những đảng viên tiêu biểu, gương mẫu và có trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân, vì lợi ích sống còn của Đảng, của chế độ, của đất nước Việt Nam cường thịnh, phồn vinh và vì hạnh phúc của nhân dân. Chúng ta tin tưởng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với phương châm: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển” nhất định sẽ thành công tốt đẹp.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ NHÓM NGƯỜI ĐẶC QUYỀN, ĐẶC LỢI, XA HOA, TRUY LẠC**

## **1. Các quan điểm sai trái, thù địch**

Các quan điểm sai trái, thù địch cho rằng cán bộ lãnh đạo của Đảng là nhóm người đặc quyền, đặc lợi, xa hoa, truy lạc rất phong phú về nội dung, song tựu trung có thể khái quát thành một số nhóm sau:

Cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam duy trì vai trò duy nhất lãnh đạo là để bảo vệ cho đặc quyền, đặc lợi của các cán bộ lãnh đạo. Vì thế, cần thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đảng Cộng sản tồn tại được là nhờ vào đặc quyền, đặc lợi mà họ ban phát cho các đảng viên. Bởi thế, nhiều cán bộ lãnh đạo Đảng đang lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để mưu lợi riêng cho cá nhân và gia đình, thân nhân, hưởng đặc quyền. Tầng lớp cán bộ lãnh đạo tại Việt Nam hiện nay lợi dụng quyền lực đang nắm trong tay để ra sức vơ vét, làm giàu. Biểu hiện của hiện tượng này trong nhiều lĩnh vực như: xây dựng chính sách, uốn cong luật pháp để mưu lợi riêng cho bản thân, phe nhóm lợi ích và đặc biệt là trong vấn đề bổ nhiệm cán bộ (!).

Cho rằng, đang diễn ra cuộc chạy đua vào các vị trí quan trọng tại đại hội đảng các cấp tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việc “chạy đua” vào các vị trí quan trọng này không phải là để “giúp dân”, “giúp nước” mà bản chất là để giành lấy các đặc quyền, đặc lợi trong Đảng. Chức vụ càng cao thì đặc quyền, đặc lợi càng lớn. Vì trong cơ chế lãnh đạo và điều hành đất nước của Việt Nam có tình trạng “một người làm quan cả họ được nhờ”, cán bộ lãnh đạo càng cao càng tạo dựng nhiều “vây cánh” cho mình qua việc ban phát các ơn huệ, bổ nhiệm người thân vào các vị trí quan trọng theo kiểu “nhất quan hệ, nhì tiền tệ, ba hậu duệ”. Có thể thấy, nhiều con cháu tầng lớp đặc quyền chỉ cần dựa vào địa vị của bố mẹ, chú bác là có thể dễ dàng được leo lên những vị trí tốt, giữ những cương vị quyền lực quan trọng. Đây chính là nguồn cơn sản sinh ra tầng lớp “thái tử Đảng” trong bộ máy nhà nước hiện nay (!).

Cho rằng, một số cán bộ lãnh đạo Đảng tự cho mình cái quyền được “ban phát” quyền lực, bỗng lộc, chức tước; tự biến quyền lực nhân dân giao cho thành quyền lực cá nhân. Họ đòi hỏi đặc quyền, đặc lợi ở mọi lĩnh vực như sử dụng xe công sai mục đích, đòi hỏi chế độ, chính sách vượt quy định,... Những đặc quyền, đặc lợi của những người này đang làm gia tăng gánh nặng cho ngân sách. Vậy nên, người đảng viên cộng sản hiện nay phấn đấu và cống hiến không phải vì lý tưởng như thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chủ yếu vì muốn giành được đặc quyền, đặc lợi. Đảng viên hiện nay đều có mức sống cao hơn mặt bằng chung của người dân, đó là nhờ vào những đặc quyền, đặc lợi của chế độ cộng sản.

Nhiều cán bộ, đảng viên và gia đình sống xa hoa, nhà lầu, xe hơi, con đi du học, du lịch nước ngoài nhiều trong khi đời sống nhân dân còn đói khổ (!).

Cho rằng, nhiều cán bộ lãnh đạo Đảng không bảo đảm phẩm chất đạo đức, quan hệ nam nữ không trong sáng, ăn chơi, truy lạc, nói không đi đôi với làm, quan liêu, hách dịch, xa dân, tự cho mình thành “ông trời con”, “xem nhân dân như cỏ rác”. Phần lớn cán bộ lãnh đạo hiện nay đã thoái hóa về tư tưởng chính trị, suy đồi về phẩm chất đạo đức, lối sống, không giữ được “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” như lời dạy của Bác Hồ (!).

## **2. Nội dung vấn đề**

Bản chất của các quan điểm sai trái, thù địch trên là muốn làm xấu hình ảnh của người cán bộ, đảng viên, qua đó hạ uy tín của Đảng. Quan trọng hơn, qua đó các thế lực thù địch muốn đánh vào “niềm tin”, sự ủng hộ của người dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Các thế lực thù địch xác định rằng, quan hệ Đảng - dân là vấn đề cốt lõi, mấu chốt cho vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản sẽ giữ vững được vai trò lãnh đạo của Đảng nếu được dân tin, dân yêu và ủng hộ. Ngược lại, nếu người dân mất hết niềm tin vào Đảng, không ủng hộ Đảng thì các thế lực thù địch rất dễ triển khai các hoạt động khác tấn công hướng tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đảng mạnh là nhờ đội ngũ đảng viên mạnh. Dân tin Đảng hay không, họ nhìn trước hết vào đội ngũ cán bộ, đảng viên. Do đó, tuyên truyền các quan điểm sai trái, thù địch,

khoéット sâu vấn đề “đặc quyền”, “đặc lợi”, “xa hoa”, “trụy lạc”, các thế lực thù địch muốn tạo dựng hình ảnh một đội ngũ cán bộ, đảng viên xa dân, không đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, thậm chí là đối lập với nhân dân, phản bội niềm tin của nhân dân dành cho Đảng nói chung và cán bộ, đảng viên nói riêng. Từ đó, làm rạn nứt quan hệ “Đảng - dân”, dân không tin Đảng, dân không tin cán bộ, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng không thể đi vào thực tiễn, cơ sở xã hội của Đảng sẽ bị lung lay.

### **3. Luận cứ phê phán**

Các quan điểm sai trái, thù địch cụ thể rất đa dạng, song tựu trung, chỉ xoay quanh một số thủ đoạn phổ biến như xuyên tạc, bịa đặt hoặc lấy hiện tượng cá biệt để đánh giá, quy kết thành bản chất. Để phê phán các quan điểm này, cần khẳng định và dựa trên một số luận cứ sau đây:

*Luận cứ thứ nhất*, bản chất của Nhà nước ta là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, mọi cán bộ, đảng viên đều gắn bó mật thiết với nhân dân, là “người đầy tớ của nhân dân chứ không phải làm quan cách mạng”, do đó không thể có chuyện đặc quyền, đặc lợi.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” và “Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”. Thẩm nhuần lời dạy của Người, trải qua hơn 90 năm lãnh đạo đất nước, Đảng ta đều hết sức quan tâm đến việc tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp, mật thiết với nhân dân. Có thể nói, quan hệ Đảng - dân là yếu tố cốt lõi quyết định

vai trò lãnh đạo của Đảng. Mà muốn dân tin, dân yêu, Đảng luôn “răn dạy” cán bộ, đảng viên phải luôn hướng về cơ sở, phải lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, cán bộ từ Chủ tịch nước trở xuống đều phải là đày tớ trung thành của nhân dân, vì “Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”.

Soi chiếu vào thực tiễn, nếu cán bộ lãnh đạo Đảng là tầng lớp đặc quyền, đặc lợi, không hòa vào lợi ích chung của nhân dân thì chắc chắn Đảng đã không tập hợp được sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại để làm nên Cách mạng Tháng Tám, giành thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và đạt được những kết quả rực rỡ trong công cuộc đổi mới.

Điển hình như trong giai đoạn 1930-1945, 1945-1975, nhân dân Việt Nam đã chứng kiến hàng nghìn, hàng triệu đảng viên chiến đấu kiên cường, anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Người dân tin Đảng và nguyện đi theo Đảng làm cách mạng. Người dân bảo vệ Đảng, cùng với Đảng chiến đấu chống ngoại xâm theo tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Từ sau ngày 30/4/1975 đến nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân, đã có hàng chục nghìn đảng viên ưu tú luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân... hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh;

gắn bó mật thiết với nhân dân và được các tầng lớp nhân dân yêu quý, tin tưởng.

*Luận cứ thứ hai*, xuất phát từ bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định rất rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>1</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam “gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng...”<sup>2</sup>.

Tôn chỉ, mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam như một lời cam kết với toàn thể nhân dân rằng Đảng “không phải là một tổ chức làm quan phát tài” mà để phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Cán bộ, đảng viên của Đảng theo đó vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân.

Về trách nhiệm của người đảng viên, Đảng cũng quy định:

“Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân

---

1, 2. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.4, 5.

lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân;... hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng”<sup>1</sup>.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: “Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác”<sup>2</sup> và “Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân;...”<sup>3</sup>.

Rõ ràng đặc quyền, đặc lợi, xa hoa, lãng phí là những điều “cấm kỵ” đối với đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, những người vốn dĩ xác định sứ mệnh của mình là toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân.

*Luận cứ thứ ba*, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên là công việc trọng yếu, thường xuyên của Đảng để đào tạo đội ngũ đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”, do đó đặc quyền, đặc lợi, xa hoa, truy lạc “không có đất sống” với người đảng viên cộng sản.

Ngay từ khi thành lập Đảng và trong suốt quá trình sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng, rèn luyện tư cách người cán bộ, đảng viên. Từ năm 1927

---

1, 2, 3. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.7, 8-9, 9.*

trong cuốn sách *Đường cách mệnh*, Người đã nhấn mạnh: “Giữ chủ nghĩa cho vững”, “Ít lòng tham muối về vật chất”. Khi lãnh đạo đất nước giàu được chính quyền, Đảng trở thành Đảng cầm quyền thì Người đã nêu ra cụ thể “12 điều xây dựng Đảng cách mạng, chân chính” trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947). Tiếp đó, trong các tác phẩm như *Đảng ta, Cần, kiệm, liêm, chính, Dân vận, Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*,... Người đều căn dặn Đảng phải làm “công bộc” cho nhân dân, Đảng cầm quyền hết sức tránh bệnh chuyên quyền, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, xa dân.

Muốn vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh cần phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng. Người nhiều lần nhắc đi nhắc lại phải chỉnh đốn Đảng. Chỉnh đốn Đảng để gột bỏ: Bệnh ba hoa, bệnh ham danh vị, bệnh thiếu kỷ luật, bệnh cẩu thả, bệnh xa quần chúng, bệnh thiếu ngăn nắp, bệnh lười biếng. Kiên quyết chống bệnh tự mãn, tự túc, tự ti, tự lợi, kiêu ngạo. Cần phải: Chí công, vô tư, cần, kiệm, liêm, chính.

Quán triệt lời dạy của Người, trong những năm qua, Đảng ta xem nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên là yếu tố sống còn. Quan điểm xuyên suốt của Đảng là “Trong tư tưởng cũng như trong hành động phải triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi”, “phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại ngay những phần tử thoái hóa, biến chất”. Đảng đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, có nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp để bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên cũng như chỉnh đốn Đảng.

Điển hình như tại Đại hội X, Đại hội đã đề ra mục tiêu: “xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tâm trí tuệ cao,... luôn gắn bó với nhân dân”<sup>1</sup>. Trung ương Đảng khóa XI và khóa XII đã có Nghị quyết Trung ương 4 về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, trong đó nhấn mạnh ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, đạo đức, phong cách và lối sống, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Luận cứ thứ tư*, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến vấn đề kiểm soát quyền lực, không để xảy ra tình trạng quyền lực bị tha hóa, lộng quyền dẫn đến đặc quyền, đặc lợi của người cán bộ, đảng viên.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rất rõ Đảng là đảng duy nhất cầm quyền cho nên quyền lực chính trị của Đảng rất lớn. Do đó, Đảng luôn quan tâm đến vấn đề xây dựng và thực thi những thiết chế về kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng, bảo đảm mọi quyền lực của tổ chức và đảng viên đều được kiểm soát, hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng quyền lực dẫn đến độc đoán, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi.

Đối với đảng viên, Đảng thực hiện cơ chế “tự kiểm soát” bằng các hình thức sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.279.

giữ nghiêm kỷ luật Đảng cũng như qua công tác kiểm tra, thi hành Điều lệ Đảng. Qua sinh hoạt Đảng, các tổ chức đảng, đảng viên thường xuyên kiểm soát lẫn nhau.

Để kiểm soát quyền lực, Đảng đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định quan trọng, đặt ra những “lằn ranh đỏ” để yêu cầu cán bộ, đảng viên không được bước qua như Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương;...

Những quy định này là cơ sở vững chắc để phòng ngừa tình trạng đảng viên tha hóa quyền lực, vơ vét đặc quyền, đặc lợi cũng như sống xa hoa, xa dân.

*Luận cứ thứ năm*, Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn nhân sự rất kỹ lưỡng để bầu vào ban chấp hành các cấp, hạn chế tối đa cán bộ, đảng viên không đảm bảo tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Do đó, khó có tình trạng lọt vào ban chấp hành những cán bộ, đảng viên không đủ tiêu chuẩn, chưa nói tới vấn đề đặc quyền, đặc lợi hay xa hoa, trụy lạc.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định về công tác nhân sự, điển hình như Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;... Bộ Chính trị, Ban Bí thư quán triệt công tác nhân sự phải xử lý hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó tiêu chuẩn là chính, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc; lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, uy tín và hiệu quả công tác làm căn cứ cơ bản để đánh giá, sàng lọc, bố trí cán bộ và đổi mới công tác nhân sự.

Đảng ta kiên quyết sàng lọc, không để lọt vào cấp ủy khóa mới những người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng,

Nhà nước, tiêu chuẩn chính trị và những điều đảng viên không được làm; quan liêu, cửa quyền, thiếu gắn bó mật thiết với nhân dân; bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng tới uy tín cơ quan, đơn vị, bản thân cán bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ không cao, nhưng cũng không để sót những người có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân.

Người đứng đầu Đảng, Nhà nước hiện nay, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng đặc biệt quan tâm tới vấn đề nhân sự, lựa chọn cán bộ. Đồng chí cho rằng, công tác nhân sự đặc biệt quan trọng, phúc tạp vì liên quan đến con người, là công tác về con người, nhận xét, đánh giá, bố trí, sử dụng như thế nào, liên quan đến danh dự, chế độ, chính sách của cán bộ, dễ phát sinh tâm tư, mất đoàn kết. Vì vậy, công tác nhân sự phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, khoa học, nhất quán, bảo đảm dân chủ, công tâm, công khai, thật sự trong sáng, khách quan; đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu. Những người tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, đặc quyền, đặc lợi, gia trưởng, trù dập người dân, nâng đỡ kẻ xấu, bao che cho tội phạm, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng đều không xứng đáng là cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Đồng chí yêu cầu các thành viên Tiểu ban Nhân sự và Tổ giúp việc của Tiểu ban phải nắm chắc, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc, chế độ, quy chế và lề lối làm việc; phải tinh thông, tinh tường.

Tuyệt đối giữ vững nguyên tắc, quan hệ công tác phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, cá nhân có liên quan. Trong quá trình lựa chọn nhân sự cụ thể, cần thống nhất quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, không quá cầu toàn, tuyệt đối hóa, bởi con người ai cũng có điểm yếu này hoặc điểm yếu khác. Phải phân biệt, đánh giá chính xác bản chất, mức độ các điểm yếu để không chọn nhầm người và phải có cách lựa chọn, bố trí, sắp xếp con người phù hợp, phát huy mặt mạnh của các thành viên để bổ sung cho nhau, tạo ra một ê-kíp mạnh, một tập thể lãnh đạo tương đối hoàn chỉnh.

Với cách làm kỹ lưỡng về công tác nhân sự, rất khó để có thể lọt vào bộ máy Đảng những phần tử suy thoái về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đặc quyền, đặc lợi.

*Luận cứ thứ sáu*, xét trên phương diện thực tiễn, cán bộ, đảng viên phần lớn đều giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, số cán bộ suy thoái, đặc quyền, đặc lợi, sống xa hoa, lãng phí chỉ là thiểu số.

Ở đây, cần phân biệt rõ giữa bản chất và hiện tượng, giữa thiểu số và đa số. Không thể phủ nhận trong thực tiễn, cũng có cán bộ, đảng viên có biểu hiện đặc quyền, đặc lợi hoặc sống xa hoa. Tuy nhiên, đó chỉ là thiểu số ít ỏi so với đa số cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những cán bộ đó cũng đều bị dư luận lên án, bị nhận những hình thức xử lý nghiêm khắc của Đảng, thậm chí có trường hợp bị thanh loại khỏi tổ chức đảng.

Công cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực những năm qua được Đảng ta đẩy mạnh. Những cán bộ, đảng viên suy thoái, không bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị,

đạo đức đều bị phê bình, kiểm điểm, kỷ luật. Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh và nâng cao năng lực lãnh đạo.

Rõ ràng, quan điểm cho rằng cán bộ lãnh đạo của Đảng đặc quyền, đặc lợi, xa hoa, lãng phí chỉ là những cái nhìn phiến diện của một số người thiếu thiện chí, thậm chí là tiếng nói xuyên tạc hòng hạ uy tín của Đảng, làm giảm niềm tin của nhân dân. Cả lý luận và thực tiễn đều chứng minh rằng, đó chỉ là những quan điểm sai trái, thù địch. Nhân dân Việt Nam quyết không bao giờ tin và nghe theo những luận điệu xuyên tạc đó.

# **LUẬN CỨ PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG THAM NHŨNG, SUY THOÁI, THOÁI HÓA, BIẾN CHẤT CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LÀ PHỔ BIẾN, LÀ CĂN BỆNH NAN Y KHÔNG THỂ CHỮA TRỊ**

## **1. Nhận diện các quan điểm sai trái**

Trong bối cảnh Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh việc công kích, chống phá Đảng và Nhà nước ta, tập trung vào việc xuyên tạc, phủ nhận các văn kiện trình Đại hội XIII và công tác nhân sự của Đại hội. Chúng tiếp tục rêu rao, nói xấu đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước ta, lặp lại luận điệu cho rằng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước đã không còn đủ khả năng, uy tín để lãnh đạo đất nước, đã tham nhũng, suy thoái, biến chất trở thành những kẻ “đè đầu cuồi cổ” nhân dân và rằng đây là hiện tượng phổ biến, là căn bệnh nan y không thể chữa trị... từ đó nhằm làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước ta, làm giảm sút niềm tin của đảng viên và quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ta và chế độ xã hội chủ nghĩa, từng bước tạo dựng cơ sở nhằm xác lập chế độ chính trị đa nguyên, đa đảng ở Việt Nam.

Để lập luận, minh chứng cho luận điểm này, chúng đưa ra nhiều luận điệu xảo trá để tấn công, chống phá như:

(1) Cho rằng, chế độ một đảng duy nhất lãnh đạo sẽ không chống được tham nhũng; “Chỉ có thể chống được tham nhũng khi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập” để kiểm soát quyền lực”; “Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công”; “Đảng không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ vì Đảng cũng tham nhũng, suy thoái” (!)... nhằm mục đích bôi nhọ, phủ nhận và chống lại quyết tâm phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của Đảng và Nhà nước ta.

(2) Từ một số vụ việc tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất được phát hiện trong thời gian gần đây, chúng lấy hiện tượng làm bản chất, quy chụp, cường điệu hóa cho rằng, toàn bộ đội ngũ cán bộ của Đảng đều rơi vào tình trạng tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất, suy ra thành Đảng, Nhà nước tham nhũng và đó là “bản chất”, là căn bệnh nan y, kinh niên của chế độ độc đảng cầm quyền, dẫn tới hậu quả là “nền kinh tế đất nước kiệt quệ” do tình trạng tham nhũng, suy thoái (!)...

(3) Phủ nhận kết quả, thành tựu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta; cho rằng, Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phát động chống tham nhũng, suy thoái nhưng đều thất bại, không thành công, tệ nạn ngày càng gia tăng; cho rằng, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái của Đảng, Nhà nước ta chỉ là “đấu đá nội bộ”, “thanh trùng phe phái” (!),...

Các quan điểm sai trái nêu trên đã bộc lộ dã tâm, mưu đồ đen tối là bôi nhọ, hạ uy tín đội ngũ cán bộ của Đảng,

Nhà nước ta; chống phá quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ đó góp phần phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội, Nhà nước; gây tâm lý hoài nghi, dao động, thiếu niềm tin, đặc biệt là niềm tin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong nhân dân.

Có thể thấy, đây là quan điểm sai lầm, chưa đựng nhiều mâu thuẫn trong phân tích, đánh giá, nhiều nhận xét là chủ quan, vô căn cứ và mang tính áp đặt, cực đoan. Chúng ta có đủ cơ sở lý luận, thực tiễn khoa học, khách quan để khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khẳng định phẩm chất, uy tín của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

## 2. Luận cứ phê phán

### **2.1. Luận cứ thứ nhất: tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất tồn tại ở mọi chế độ vì nó luôn gắn với nhà nước và quyền lực bị tha hóa**

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Suy thoái, thoái hóa, biến chất là hiện tượng đội ngũ cán bộ thiếu tu dưỡng, rèn luyện; quan điểm, bản lĩnh, lập trường tư tưởng không kiên định, vũng vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài, tính chiến đấu giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém; cơ hội, thực dụng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ,

hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bốn phận của mình... Tham nhũng, suy thoái là hiện tượng mang tính xã hội, tồn tại ở các quốc gia, do quyền lực nhà nước bị thao túng, tha hóa gây ra, không phân biệt chế độ xã hội, thể chế chính trị nào, chế độ đa đảng hay một đảng. Chế độ một đảng cầm quyền không phải là nguyên nhân sinh ra tệ nạn tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ.

Bởi thế, theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, tham nhũng là tệ nạn nhức nhối, xảy ra với nhiều quốc gia trên thế giới, trong số đó đa số là các quốc gia thực hiện chế độ đa đảng, “tam quyền phân lập”, do giai cấp tư sản lãnh đạo, thậm chí ở một số quốc gia còn có biểu hiện nguy hiểm, tình trạng tham nhũng còn leo đến tận các nguyên thủ quốc gia như ở một số nước: Hàn Quốc, Malaixia. Cũng theo đánh giá của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, một số nước theo thể chế đa đảng, không do Đảng Cộng sản cầm quyền như: Cônômbia, Braxin, Malaixia,... thuộc nhóm “nước tham nhũng nghiêm trọng”. Rõ ràng, việc cho rằng tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất chỉ có ở những nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo là hết sức sai lầm, phản khoa học, ngụy biện, quy chụp.

## **2.2. Luận cứ thứ hai: Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đầy đủ phẩm chất, năng lực để lãnh đạo hiệu quả, triệt để công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất**

Để khẳng định một chính đảng, một nhà nước nói chung, Đảng, Nhà nước ta nói riêng có đủ phẩm chất, năng lực

lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất hiệu quả, triệt để hay không cần cù vào sứ mệnh, mục tiêu, nguyên tắc tổ chức hoạt động, bản chất quyền lực nhà nước và đặc điểm đội ngũ cán bộ của đảng, nhà nước đó để đánh giá.

Trước hết phải khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, Đảng ta không còn lợi ích nào khác. Mục tiêu của Đảng là xây dựng một xã hội: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển...”<sup>1</sup>. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng và Nhà nước ta. Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động dựa trên nhiều nguyên tắc, trong đó có nguyên tắc tự phê bình và phê bình, kỷ luật nghiêm minh và tự giác; Đảng ta cũng xác định cần phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn Đảng, coi đây là vấn đề có tính quy luật, tính nguyên tắc. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

yêu cầu từng cán bộ, đảng viên phải thành thật, thường xuyên kiểm điểm, đánh giá, thấy được những ưu điểm, hạn chế của mình, từ đó tự sửa chữa, hoàn thiện để “phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi”, không bị rơi vào tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất. Đảng cũng yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên phải thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách nghiêm minh và tự giác; mọi cán bộ, đảng viên đều phải tuân thủ, chấp hành theo kỷ luật của đảng một cách tự giác, nghiêm túc.

Đối với quyền lực của Nhà nước ta, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta khẳng định: “Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”<sup>1</sup>.

Để nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước phải là những người đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết<sup>2</sup> như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẵn sàng hy sinh, chấp nhận khó khăn, gian khổ vì đất nước, dân tộc, luôn đặt lợi ích của Đảng, Nhà nước, dân tộc, nhân dân lên trên và trước lợi ích

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.85.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290-291.

cá nhân. Đảng kết nạp những con người ưu tú, là công bộc của nhân dân, hăng hái, giác ngộ, được rèn luyện, thử thách, tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng, đồng thời loại trừ những kẻ cơ hội, quan liêu, tham nhũng, suy thoái, lãng phí, thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng, Nhà nước. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rất rõ tư cách của đảng chân chính cách mạng:

- Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài.
- Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình.
- Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài.
- Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng<sup>1</sup>.

Đảng và Nhà nước luôn coi trọng vai trò đặc biệt của nhân dân, phát huy, thực hành dân chủ rộng rãi, cuốn hút, lôi cuốn nhân dân tham gia vào các công việc của Đảng, của Nhà nước, trong đó có công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất.

### ***2.3. Luận cứ thứ ba: Đảng và Nhà nước ta có quyết tâm chính trị cao trong phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ và được thực hiện bằng nhiều hình thức, biện pháp, trên nhiều phương diện khác nhau***

Để đánh giá được một chính đảng, một nhà nước có tích

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.289-290.

cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất hay không cần phải căn cứ vào quyết tâm và hành động của chính đảng, nhà nước đó. Đảng và Nhà nước ta luôn nhận thức rõ tính nguy hại của tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước, vì nó làm suy yếu Đảng, làm suy giảm quyền lực nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín, thanh danh của Đảng và Nhà nước ta, dễ tạo ra nguy cơ biến bộ máy chính quyền và các tổ chức đảng trở thành bộ máy quan liêu mới, xa rời lợi ích của Đảng, của nhân dân. Do đó, Đảng và Nhà nước ta luôn có quyết tâm chính trị cao và kiên quyết phòng, chống khắc phục tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất trong tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, trong đảng viên và cán bộ nhà nước. Đảng, Nhà nước ta luôn coi tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất là “giặc nội xâm”, một trong các nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ, cản trở tiến trình phát triển đất nước, phải kiên quyết đấu tranh loại trừ ra khỏi đời sống xã hội. Đảng, Nhà nước ta xác định phòng, chống tham nhũng, suy thoái là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đảng ta cũng xác định phải chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng tiếp tay cho tham nhũng; phải kết hợp giữa “xây” và “chống”, phòng ngừa gắn với xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng; không có ngoại lệ, không có “vùng cấm” trong chống tham nhũng ở Việt Nam...

Thể hiện quyết tâm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất, Văn kiện các Đại hội của Đảng và nhiều chỉ thị, nghị quyết chuyên đề của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất đã ra đời. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, thì ngay sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo về nguy cơ một số đảng viên của Đảng quan liêu, xa dân, tham ô, hủ hóa, rơi vào chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi tham ô, tham nhũng, lăng phí là những tội nghiêm trọng. Người chỉ rõ bản chất của tham ô, tham nhũng: là lấy của công làm của tư, là gian lận tham lam, tham ô là trộm cướp. Người viết:

### **“Tham ô là gì?**

- Đúng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là:  
Ăn cắp của công làm của tư  
Đục khoét của nhân dân  
Ăn bớt của bộ đội.

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô.

- Đúng về phía *nhân dân* mà nói, tham ô là:  
Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”<sup>1</sup>.

Trong những năm chiến tranh chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước đổi mới, Đảng ta cũng quan tâm và tổ chức nhiều cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng để phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với những biểu hiện tham nhũng, suy thoái,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.355-356.

thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong những nhiệm kỳ đầu của thời kỳ đổi mới, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII năm 1994, Đảng ta đã xác định nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác là một trong bốn nguy cơ đối với Đảng ta. Trong những nhiệm kỳ tiếp theo, không có nhiệm kỳ nào Trung ương Đảng không có nghị quyết liên quan đến phòng, chống quan liêu, tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất; trong đó có các nghị quyết tiêu biểu như: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay; Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đặc biệt, trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được xác định là nội dung quan trọng, cần đẩy mạnh, tăng cường. Trong Dự thảo nêu rõ: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn”<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII: “Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, ngày 12 tháng 10 năm 2020, tr.58.

Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất, Nhà nước ta cũng đã ban hành hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh phòng, chống các tệ nạn này. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng từng bước được kiện toàn, phát huy hiệu quả. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương được thành lập và đi vào hoạt động nền nếp, hiệu quả. Nhà nước đã ban hành Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các cấp ủy đảng, chính quyền ở Trung ương đến địa phương quan tâm hơn đến công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đã dành nhiều thời gian, công sức hơn để giám sát công tác này. Các cơ quan như ủy ban kiểm tra, ban nội chính, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, công an, viện kiểm sát, tòa án... được củng cố một bước cả về thẩm quyền pháp lý, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất.

Quyết tâm phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của Đảng và Nhà nước ta còn được thể hiện ở việc Việt Nam đã tham gia và ký kết nhiều văn bản quốc tế về phòng, chống tham nhũng như Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (năm 2003); tham gia Chương trình hành động chống tham nhũng châu Á - Thái Bình Dương (năm 2004); tham gia các hoạt động trong một số diễn đàn về phòng ngừa và chống tham nhũng. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng giữa Việt Nam với nhiều quốc gia trên thế giới tiếp tục được mở rộng và củng cố. Việt Nam đã

ký kết nhiều hiệp định tương trợ tư pháp với các nước. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận giải quyết nhiều hồ sơ, văn bản ủy thác tư pháp của nhiều nước.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất ở nước ta đang diễn ra rất quyết liệt, đã có kết quả bước đầu, không có vùng cấm, không kể cán bộ đương chức hay đã nghỉ hưu, tham nhũng vật chất hay tham nhũng quyền lực. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện, xử lý nghiêm minh, nhất là những vụ án nghiêm trọng được Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh. Điều đó khẳng định quyết tâm và kết quả phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của Đảng, Nhà nước ta đồng thời bác bỏ, phủ nhận những quan điểm sai trái, thù địch cho rằng Đảng, Nhà nước ta nhiều lần chống tham nhũng, suy thoái nhưng đều thất bại, không thành công.

Như vậy, quan điểm suy diễn cho rằng tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ trong Đảng và Nhà nước ta là phổi biến, là căn bệnh nan y không thể chữa trị là quan điểm chủ quan, phản động, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, quan điểm này đã dựa trên những phân tích, nhận xét phi khoa học, một chiêu, áp đặt. Về thực tiễn, quan điểm này cũng hết sức phiến diện, quy chụp, phi thực tế, cường điệu hóa khi không thấy rõ quyết tâm và kết quả phòng, chống tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của Đảng, Nhà nước ta.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.23.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983, t.6.
6. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.1.
7. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.30.
8. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva 1977, t.40.
9. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t.45.
10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2.
11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4.
12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5.
13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6.

14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7.
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.8.
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10.
17. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11.
18. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12.
19. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1980, t.II.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.41.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.43.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.47.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.60.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII: *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.25.
34. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 28/3/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay.
35. Nghị quyết số 06-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới, ngày 29/3/1989.

36. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII: “Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, ngày 12 tháng 10 năm 2020, tr.58.
37. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
38. Ban Tuyên giáo Trung ương: “Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và công cuộc phòng chống”, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia (Lưu hành nội bộ), Hà Nội, 2010.
39. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
40. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
41. *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.
42. Quỳnh Anh, giadinhmoi.vn, 28/8/2017.
43. *Diễn biến hòa bình và chống diễn biến hòa bình*, Nxb. Xã hội Trung Quốc, Tổng cục II - Bộ Quốc phòng dịch và xuất bản, 10/1993.
44. PGS.TS. Dương Quốc Dũng (Chủ nhiệm đề tài): “Quân đội nhân dân Việt Nam đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”, Hà Nội, 2011, Đề tài độc lập cấp Bộ Quốc phòng, Mã số: 2009.83.015.

45. PGS.TS. Nguyễn Bá Dương: *Phòng chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực chính trị và vấn đề bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
46. PGS.TS.NGND. Nguyễn Bá Dương (Tổng chủ biên): *Phòng, chống “diễn biến hòa bình” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2018, 6 tập.
47. Phan Trọng Hào: “Đặc điểm cuộc đấu tranh lý luận ở nước ta hiện nay”, tạp chí *Khoa học và Chiến lược*, số 4/2013, tr.33-36.
48. PGS.TS. Phan Trọng Hào (Chủ biên): *Nâng cao chất lượng và hiệu quả đấu tranh lý luận ở nước ta hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2014.
49. PGS.TS. Phan Trọng Hào: “Bảo vệ Tổ quốc bằng phương pháp hòa bình - chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước ta”, tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 3/2020, tr.20-22, 55.
50. PGS.TS. Phan Trọng Hào: “Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước ta hiện nay”, tạp chí *Triết học*, số 6 (349), tháng 6/2020, tr.19-25.
51. PGS.TS. Phan Trọng Hào: ““Cách mạng Tháng Mười Nga là một sai lầm lịch sử” - Luận điệu lố bịch”, tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 11/2020, tr.54-56.
52. GS.TS. Vũ Văn Hiền: *Báo chí với việc đấu tranh chống các quan điểm sai trái*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2010.
53. GS.TS. Vũ Văn Hiền: “Những yêu cầu của cuộc đấu tranh lý luận hiện nay”, tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, tháng 5/2013, tr.16-19.

54. GS.TS. Vũ Văn Hiền: *Theo dòng thời cuộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
55. GS.TS. Vũ Văn Hiền (Chủ biên): *Mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
56. GS.TS. Vũ Văn Hiền: “Lênin với cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, Bản tin *Lý luận & Thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 180 (214), tháng 4/2020, tr.14-23.
57. Học viện Chính trị quân sự: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - sự lựa chọn của chúng ta*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
58. Học viện Chính trị quân sự: *Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.
59. Học viện Chính trị quân sự: *Phòng, chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
60. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.I.
61. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.II.
62. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.III.

63. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Dân chủ, nhân quyền - Giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
64. Hội đồng Lý luận Trung ương: “Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VII về công tác lý luận chính trị và định hướng đến năm 2020 của Hội đồng Lý luận Trung ương và một số đề xuất, kiến nghị”, Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2013.
65. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
66. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
67. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
68. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
69. Hội đồng Lý luận Trung ương: *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

70. TS. Đinh Thế Huynh (Chủ biên), GS.TS. Phùng Hữu Phú - GS.TS. Vũ Văn Hiên - PGS. TS. Nguyễn Viết Thông: (*Đồng chủ biên*): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
71. PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hưởng: *Một số vấn đề về “Diễn biến hòa bình” và chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2013.
72. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
73. PGS.TS. Phạm Văn Linh: “Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, Bản tin *Lý luận & Thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 83 (217), tháng 7/2020 tr.22-34.
74. Ngân hàng Thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
75. Lê Hữu Nghĩa: “Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng chính trị hiện nay - Thực trạng và nguyên nhân”, *Thông tin lý luận chính trị*, số 47 (120), tháng 6/2012, tr.24-28.
76. Lê Hữu Nghĩa: “Những nguyên tắc của cuộc đấu tranh lý luận ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Công sản*, số 850, tháng 8/2013, tr.41-47.
77. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng: *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987.
78. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2005.

79. GS.TS. Tạ Ngọc Tán: “Lênin và cuộc đấu tranh để xây dựng Nhà nước Xôviết vững mạnh”, Bản tin *Lý luận & Thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 80 (214), tháng 4/2020, tr.6-13.
80. Trần Hậu Thành: “Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong nhà nước pháp quyền”, tạp chí *Triết học*, số 6 (169), tháng 6/2005.
81. Đỗ Công Tuân: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự ở Liên minh châu Âu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
82. Thông tấn xã Việt Nam: “Việt Nam được đánh giá là một đối tác mạnh của Liên hợp quốc”, ngày 09/9/2020.
83. TS. Trần Doãn Tiến (Chủ nhiệm): “Đổi mới phương thức phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các ấn phẩm tạp chí Tuyên giáo hiện nay”, Đề tài khoa học cấp Ban Đảng, Mã số: KHBĐ (2015) - 04.
84. Phạm Tất Thắng (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác tư tưởng, lý luận*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
85. Phạm Tất Thắng (Chủ biên): *Công tác tư tưởng, lý luận thời kỳ mới: thực trạng, quan điểm và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
86. Phạm Văn Thọ (Chủ nhiệm): Đề tài khoa học cấp Ban Đảng, Mã số: KHBĐ (2004) - 30. “Đấu tranh phòng chống cơ hội chính trị trong các tổ chức đảng”.

87. Nguyễn Viết Thông: “Tính cấp bách của công tác phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên hiện nay”, *Thông tin lý luận chính trị*, số 47 (120), tr.17-22.
88. Nguyễn Viết Thông: “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ và thực hành dân chủ (trước và từ khi đổi mới đến nay)”, tạp chí *Triết học*, số 10 (269), tháng 10/2013, tr.3-10.
89. Cao Văn Thống (Chủ biên): *Nhận diện về “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và giải pháp đấu tranh ngăn chặn*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
90. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ như ngày nay”, VnExpress - thứ Sáu, ngày 01/02/2019.
91. Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề cần đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng”, Bản tin *Lý luận & Thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 81 (215), tháng 5/2020, tr. 3-16.
92. Hồng Vinh (Chủ biên): “Cuộc đấu tranh chống những quan điểm sai trái thù địch - thực trạng và giải pháp”, (Lưu hành nội bộ), Hà Nội.
93. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - sự lựa chọn của chúng ta*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
94. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng: *Sự phát triển quan điểm lý luận bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.

95. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng, Nguyễn Vĩnh Thắng (Chủ biên): *Diễn biến hòa bình và đấu tranh chống diễn biến hòa bình (Hồi và đáp)*, Lưu hành nội bộ, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
96. Viện Nghiên cứu Lập pháp, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nền tảng chính trị, pháp lý cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ mới*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2014.

## **MỤC LỤC**

*Trang*

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Bối cảnh quốc tế, trong nước và các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng	9
- Luận cứ phê phán các quan điểm phủ nhận thành quả cách mạng của nước ta trong hơn 90 năm qua	25
- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác - Lenin đã lỗi thời	46
- Phê phán quan điểm cho rằng không có thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vì vậy từ Đại hội XIII trở đi không nên nói đến chủ nghĩa xã hội nữa	69
- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Đại hội XIII cần bỏ cụm từ “nền tảng tư tưởng”, cứ lý thuyết nào đúng thì theo	91
- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng chế độ “độc đảng” và nguyên tắc tập trung dân chủ là trở ngại lớn nhất cản trở sự phát triển của đất nước và dân tộc	111
- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng một đảng cầm quyền không thể có dân chủ, chỉ dẫn đến độc tài, trái với nguyên tắc pháp quyền; đất nước rơi vào yếu thế, lạc hậu do sự lãnh đạo sai lầm của Đảng	129
- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước	150

- Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại - thực sự Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trái hình chủ nghĩa xã hội 164
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam không có dân chủ, nhân quyền, không có tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, đàn áp mạng xã hội 186
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng cũng như các đại hội trước, các quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vẫn là sự sao chép những lý thuyết đã lỗi thời, bảo thủ, thiếu sự đổi mới, sáng tạo 204
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng: Đại hội XIII của Đảng nên chủ trương thực hành kinh tế thị trường, tam quyền phân lập, xã hội dân sự thì nước ta mới phát triển theo dòng thời đại 221
  - Luận cứ phản bác quan điểm cho rằng ở Việt Nam không có và không thể giải quyết quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội 238
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng công tác nhân sự trong Đảng chỉ là sự ngụy tạo, lựa chọn nhân sự đại hội phản khoa học, kém hiệu quả; là sự tranh giành, đấu đá phe phái nên chỉ chọn được những phần tử cơ hội theo các nhóm lợi ích 264
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng cán bộ lãnh đạo của Đảng là nhóm người đặc quyền, đặc lợi, xa hoa, trụy lạc 285
  - Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ trong Đảng và Nhà nước là phổ biến, là căn bệnh nan y không thể chữa trị 299
- Tài liệu tham khảo* 311

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỔN ĐẢNG LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT  
ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

- XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI**
- PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CUỘC ĐẤU TRANH  
CHỐNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, NHỮNG BIỂU HIỆN  
“TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HOÁ” VỀ CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG**

